



**TẬP ĐOÀN HÒA PHÁT**

**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2008**

**GIÁ TRỊ TỬ QUY MÔ  
VÀ QUY TRÌNH SẢN XUẤT KHÉP KÍN**



# TẬP ĐOÀN HÒA PHÁT

---

*Hòa hợp và cùng phát triển*

## THÔNG TIN VỀ TẬP ĐOÀN

Tên tiếng Việt: Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát  
Tên tiếng Anh: Hoa Phat Group Joint Stock Company  
Địa chỉ: Khu CN Phố Nối A, Giai Phạm, Yên Mỹ, Hưng Yên

Chi nhánh Hà Nội: 243 Giải Phóng, Đống Đa, Hà Nội  
Điện thoại: (84) 4 36282011  
Fax: (84) 4 36282114

Chi nhánh Đà Nẵng: 171 Trường Chinh, Quận Thanh Khê, TP Đà Nẵng.  
Điện thoại: (84) 511 3721232  
Fax: (84) 511 3722833

Chi nhánh TP HCM: 129 Nguyễn Hữu Cánh, Phường 22, Quận Bình Thạnh, TP Hồ Chí Minh  
Điện thoại: (84) 8 38991730  
Fax: (84) 8 38991730

Website: [www.hoaphat.com.vn](http://www.hoaphat.com.vn)

## THÔNG TIN CỔ PHIẾU

Vốn điều lệ: 1.963.639.980.000 đồng  
Mã chứng khoán: HPG  
Sàn niêm yết: HOSE  
Ngày bắt đầu niêm yết: 15/11/2007  
Số lượng cổ phiếu lưu hành: 196.363.998 cổ phiếu

## NGÀNH NGHỀ KINH DOANH CHÍNH

1. Buôn bán và xuất nhập sắt thép, vật tư thiết bị luyện, cán thép;
2. Sản xuất cán kéo thép, sản xuất tôn lợp;
3. Sản xuất ống thép không mạ và có mạ, ống Inox;
4. Sản xuất và mua bán kim loại màu các loại, phế liệu kim loại màu;
5. Luyện gang, thép; Đúc gang, sắt, thép;
6. Khai thác quặng kim loại; Mua bán kim loại, quặng kim loại, sắt thép phế liệu;
7. Sản xuất, kinh doanh các loại máy xây dựng và máy khai thác mỏ;
8. Sản xuất hàng nội thất phục vụ văn phòng, gia đình, trường học;
9. Đầu tư và xây dựng đồng bộ hạ tầng, kỹ thuật khu CN và khu đô thị;
10. Kinh doanh bất động sản (không bao gồm hoạt động tư vấn về giá đất)
11. Sản xuất, kinh doanh, lắp ráp, lắp đặt, sửa chữa, bảo hành hàng điện, điện tử, điện lạnh, điện dân dụng, điều hòa không khí;
12. Sản xuất xi măng và kinh doanh vật liệu xây dựng.

---

# Mục lục

---

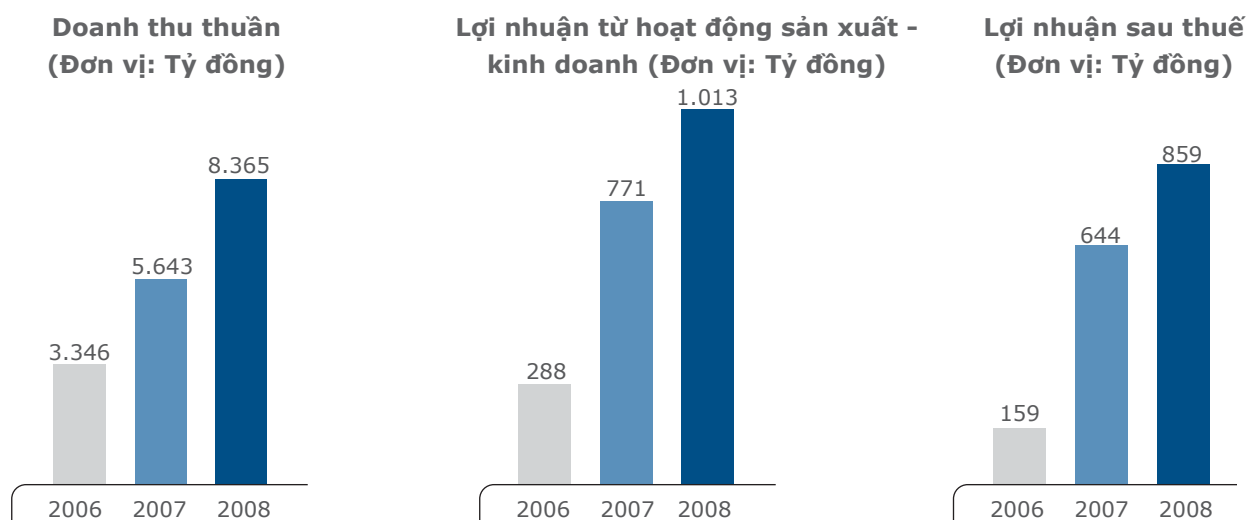
|                                                               |     |
|---------------------------------------------------------------|-----|
| Tổng quan.....                                                | 6   |
| Chỉ số tài chính cơ bản.....                                  | 7   |
| Thông điệp từ Chủ tịch Hội đồng Quản trị .....                | 9   |
| Báo cáo Ban Giám đốc .....                                    | 13  |
| Hội đồng Quản trị, Quản trị Công ty; Tổ chức và nhân sự ..... | 26  |
| Sức mạnh nổi bật của Tập Đoàn .....                           | 41  |
| Lịch sử hình thành và phát triển .....                        | 56  |
| Công ty thành viên và Công ty liên kết.....                   | 61  |
| Nghiên cứu và phát triển .....                                | 74  |
| Trách nhiệm xã hội .....                                      | 78  |
| Cộng đồng .....                                               | 78  |
| Môi trường .....                                              | 82  |
| Báo cáo Tài chính Hợp nhất năm 2008 được kiểm toán.....       | 86  |
| Thông tin dành cho nhà đầu tư .....                           | 118 |

# TẬP ĐOÀN HÒA PHÁT - TỔNG QUAN

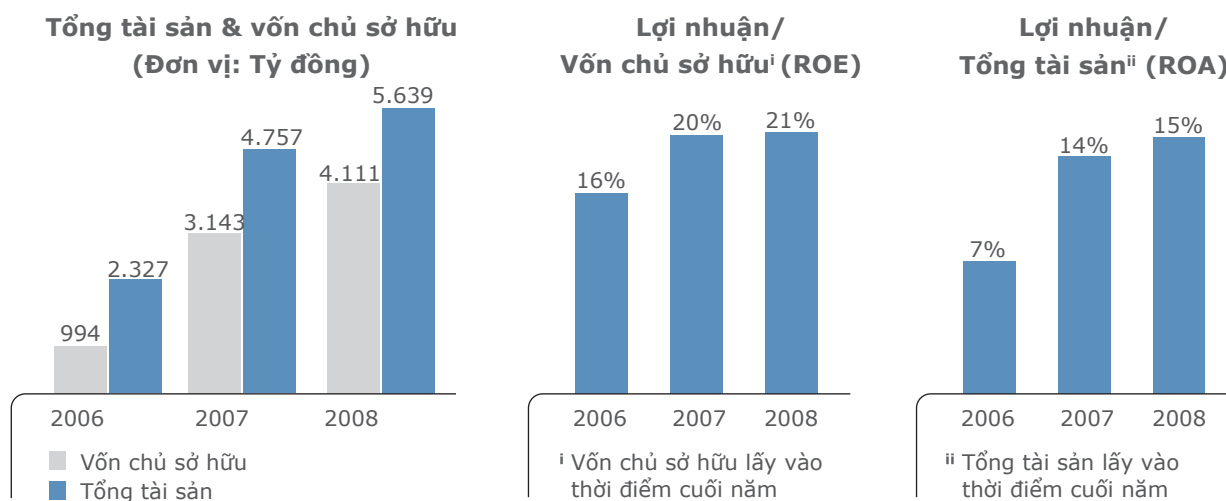
Bắt đầu hoạt động kinh doanh từ năm 1992 với vai trò nhà cung cấp thiết bị phụ tùng cho ngành xây dựng, Hòa Phát mở rộng thành Tập đoàn sản xuất công nghiệp với tầm nhìn “*Trở thành tập đoàn công nghiệp hàng đầu, năng động và phát triển bền vững*”. Để đạt được tầm nhìn đó, Tập đoàn sẽ:

- (i) Tập trung sản xuất các ngành hàng cốt lõi, phát triển sản phẩm mới tạo giá trị gia tăng cho khách hàng;
- (ii) Mở rộng độ bao phủ của thương hiệu Hòa Phát với mạng lưới phân phối sâu rộng, thị phần vững chắc và không ngừng phát triển;
- (iii) Phát triển công nghệ theo hướng là đòn bẩy vì sự phát triển hài hòa và bền vững.

Trong các năm qua, “Lợi nhuận” và “Tăng trưởng” trong hầu hết các nhóm ngành kinh doanh là yếu tố nổi bật của Tập đoàn Hòa Phát. Cụ thể là, doanh thu và lợi nhuận 2008 đều đạt mức tăng ấn tượng: Doanh thu thuần tăng trưởng 48%; lợi nhuận từ hoạt động sản xuất kinh doanh tăng 31%; lợi nhuận sau thuế tăng 33% so với năm 2007.



Đặc biệt hơn, 2008 là một năm có nhiều diễn biến kinh tế khó khăn và bất ngờ như lãi suất tăng cao, tỷ giá biến động, giá hàng hoá cơ bản biến động mạnh trên thế giới và tại Việt Nam. Tuy nhiên, trong bối cảnh khó khăn chung của toàn ngành, đến hết năm, Hòa Phát vẫn giữ tỷ lệ lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu (ROE) ở mức cao, đạt 21%, cao hơn mức của 2007 (20%); Tỷ lệ lợi nhuận trên tổng tài sản (ROA) đạt 15% năm 2008 so với 14% năm 2007. Cuối năm 2008, tổng tài sản của toàn Tập đoàn đạt 5.639 tỷ đồng; Vốn chủ sở hữu đạt 4.111 tỷ đồng.



# TẬP ĐOÀN HÒA PHÁT - CHỈ SỐ TÀI CHÍNH CƠ BẢN

Đơn vị: đồng

| CHỈ TIÊU                                           | 2006              | 2007              | 2008              |
|----------------------------------------------------|-------------------|-------------------|-------------------|
| Doanh thu thuần                                    | 3.346.187.261.320 | 5.642.934.497.513 | 8.364.804.886.490 |
| Giá vốn hàng bán                                   | 2.941.954.225.490 | 4.676.412.401.178 | 7.106.495.501.517 |
| Lợi nhuận gộp                                      | 404.233.035.830   | 966.522.096.335   | 1.258.309.384.973 |
| Lợi nhuận từ sản xuất kinh doanh                   | 287.849.788.267   | 770.798.445.361   | 1.013.442.270.630 |
| Lợi nhuận sau thuế                                 | 158.919.121.984   | 643.973.627.092   | 859.410.312.473   |
| Tài sản ngắn hạn                                   | 1.323.567.941.304 | 3.135.512.550.218 | 3.849.009.101.068 |
| Tài sản dài hạn                                    | 1.003.442.076.858 | 1.621.282.269.054 | 1.790.365.447.252 |
| Tổng tài sản                                       | 2.327.010.018.162 | 4.756.794.819.272 | 5.639.374.548.320 |
| Tổng nợ vay ngắn hạn và dài hạn                    | 1.011.712.081.726 | 700.369.312.047   | 594.364.849.575   |
| Vốn chủ sở hữu                                     | 993.788.691.152   | 3.142.550.739.733 | 4.111.066.885.716 |
| <b>Chỉ số tài chính</b>                            |                   |                   |                   |
| Tỷ suất lợi nhuận gộp                              | 12,08%            | 17,13%            | 15,04%            |
| Tỷ suất lợi nhuận từ hoạt động sản xuất kinh doanh | 8,60%             | 13,66%            | 12,12%            |
| Tỷ suất lợi nhuận sau thuế                         | 4,75%             | 11,41%            | 10,27%            |
| Tăng trưởng doanh thu thuần                        |                   | 68,64%            | 48,24%            |
| Tăng trưởng lợi nhuận sau thuế                     |                   | 305,22%           | 25,3%             |
| Chỉ số thanh toán nhanh                            | 37,46%            | 114,30%           | 156,39%           |
| Nợ vay trên vốn CSH                                | 101,80%           | 22,29%            | 14,46%            |
| Thu nhập trên Vốn chủ sở hữu (ROE)                 | 15,99%            | 20,49%            | 20,9%             |
| Thu nhập trên Tổng tài sản (ROA)                   | 6,83%             | 13,54%            | 15,24%            |
| Lãi trên cổ phiếu (EPS)                            | NA                | 5.264             | 4.439             |



# THÔNGIỆP CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

## **Thưa Quý cổ đông,**

Hai năm chính thức hoạt động theo mô hình Tập đoàn, thương hiệu Hòa Phát hôm nay được biết đến như một trong những Tập đoàn kinh tế công nghiệp đa ngành hàng đầu Việt Nam. Với kinh nghiệm hơn 17 năm hoạt động trên thị trường, tiềm lực tài chính vững mạnh, 2008 ghi dấu thành công của Hòa Phát trong một năm đầy sóng gió, vượt qua khó khăn vững vàng về đích.

## **Về đích trong một năm đầy sóng gió**

Năm 2008 khép lại khi nền kinh tế thế giới đang chìm sâu vào khủng hoảng, tăng trưởng kinh tế trong nước chậm lại, xuất khẩu và tiêu dùng suy giảm. Lạm phát trong năm 2008 lên đến 23% trong khi tăng trưởng GDP chỉ ở mức 6,23%, thấp hơn so với mục tiêu đề ra của Chính phủ. Đặc biệt, trong nửa đầu 2008, chỉ số CPI đã ở mức 18,4% khiến Chính phủ đưa ra 8 giải pháp nhằm kiềm chế lạm phát, theo đó hạn chế tăng giá một số mặt hàng trọng yếu trong đó có sản phẩm thép từ tháng 3 đến tháng 6/2008. Các dự án công phát triển cơ sở hạ tầng cũng được Chính phủ xem xét cắt giảm từ cuối Quý II, đồng thời lãi suất cao cũng khiến cho ngành bất động sản trì trệ. Bắt đầu từ Quý III/2008, suy thoái kinh tế toàn cầu đã xuất hiện. Diễn biến phức tạp đã gây tác động tiêu cực đến hoạt động của hầu hết các doanh nghiệp, nhất là các doanh nghiệp nhỏ và vừa, chiếm hơn 90% tổng số doanh nghiệp Việt Nam. Cũng trong giai đoạn này, giá các mặt hàng cơ bản trong đó có thép của thế giới và Việt Nam đã đảo chiều, đột ngột giảm mạnh, có lúc mức giảm lên đến 50%. Bên cạnh đó cầu tiêu dùng đối với hoạt động xây dựng suy giảm mạnh mẽ, tăng trưởng của ngành xây dựng trong năm 2008 chỉ đạt 0,02%. Những diễn biến trái chiều nói trên của nền kinh tế nói chung cũng như ngành công nghiệp nói riêng trong năm qua, đã ảnh hưởng trực tiếp đến doanh thu và lợi nhuận của hầu hết các doanh nghiệp. Tập đoàn Hòa Phát cũng không nằm ngoài những ảnh hưởng chung đó.

Tuy nhiên, vượt qua những khó khăn chung của toàn ngành, Hòa Phát vẫn đạt được mức tăng trưởng ấn tượng, hoàn thành và vượt chỉ tiêu kinh doanh đã đặt ra. Tổng kết năm 2008, Tập đoàn đạt 8.502 tỷ đồng Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, 859 tỷ đồng lợi nhuận sau thuế, tăng 48% và 33% so với năm 2007, vượt mức doanh thu và lợi nhuận sau thuế do Đại hội đồng cổ đông thông qua tương ứng 11% và 16%, đóng góp vào ngân sách nhà nước 546 tỷ đồng.

**Tiếp tục khẳng định vị thế hàng đầu trên nhiều ngành hàng trọng điểm, đẩy mạnh xuất khẩu và đầu tư ra thị trường thế giới**

Cũng trong năm qua, các công ty thành viên trong Tập đoàn đều duy trì tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên doanh thu trong khoảng 5 - 19%, giữ vững thị phần, đa dạng hóa về chủng loại và mẫu mã sản phẩm. Thép xây dựng tiếp tục giữ vững vị trí số 5 về cung cấp thép cho các công trình xây dựng trong nước. Trong những thời điểm thị trường khó khăn của hai quý cuối năm, thị phần của thép xây dựng vẫn tăng từ 7% lên 10-12%. Nội thất văn phòng và ống thép tiếp tục khẳng định vị trí thương hiệu hàng đầu. Các sản phẩm nội thất, điện lạnh, thiết bị phụ tùng Hòa Phát liên tục được cải tiến và đa dạng hóa về chủng loại, mẫu mã, kiểu dáng...

Bên cạnh đó, Tập đoàn tiếp tục đẩy mạnh hoạt động xuất khẩu các mặt hàng thế mạnh như phôi thép, thép xây dựng, máy xây dựng, máy khai thác mỏ và nội thất sang các thị trường như Trung Đông, Anh, Nhật, Châu Phi và Đông Nam Á. Cụ thể, Nội thất Hòa Phát đạt kim ngạch xuất khẩu 2 triệu USD trong năm 2008 sang các thị trường Trung Đông, Anh, Nhật Bản, Lào, Campuchia, Philippines, Ukraina, Nga, Panama, một số nước Châu Phi... Cũng trong năm 2008, Tập đoàn đã thành lập công ty Hòa Phát Lào nhằm xúc tiến đầu tư trong lĩnh vực khai thác khoáng sản dựa trên hợp đồng dự án đầu tư và thăm dò quặng sắt tại tỉnh Hua Phan với Chính phủ Lào, đồng thời được Chính phủ Lào cấp giấy phép đầu tư xây dựng Nhà máy tuyển quặng sắt với tổng vốn đầu tư hơn 2 triệu đô la Mỹ. Những dự án đầu tư tại Lào là chiến lược quan trọng của Tập đoàn Hòa Phát, và như vậy, những kết quả đạt được trong năm 2008 là tiền đề quan trọng, tạo nền móng cho hoạt động đầu tư lâu dài và hiệu quả tại đây.

Có thể nói, qua hai năm chuyển mình, Hòa Phát tiếp tục gặt hái thành quả trên nhiều lĩnh vực. Tính minh bạch thông tin và quản trị công ty được nâng lên rõ rệt. Thương hiệu Hòa Phát ngày càng được khẳng định, khả năng tiếp cận thêm nhiều nguồn vốn với chi phí hợp lý, độ bao phủ của các sản phẩm Hòa Phát ngày càng mở rộng trên toàn quốc, điều kiện làm việc, đời sống người lao động ngày một nâng cao.

**Năm 2009 với nhiều khó khăn, thách thức phía trước**

Năm 2009 được dự báo là sẽ có nhiều khó khăn và thách thức khi triển vọng kinh tế thế giới chưa có dấu hiệu phục hồi và ảnh hưởng của khủng hoảng kinh tế thế giới tới nền kinh tế Việt Nam đang hiện rõ nét. Ngành xây dựng nói chung và ngành thép nói riêng được dự báo sẽ tiếp tục gặp nhiều khó khăn, do cạnh tranh trên thị trường khốc liệt, tổng mức tiêu thụ và tăng trưởng sẽ thấp hơn năm 2008.

Tuy nhiên, chúng tôi cũng nhìn nhận cơ hội từ gói kích cầu 1 tỷ đô la (17.000 tỷ đồng) của Chính phủ, nhất là khả năng hỗ trợ của gói kích cầu cho các dự án cơ sở hạ tầng. Mặt khác các yếu tố như mặt bằng lãi suất giảm, giá thép và các vật liệu xây dựng khác hiện đang ở mức rất thấp so với năm 2008 cũng sẽ là những nhân tố hỗ trợ tích cực cho các hoạt động xây dựng và khu vực bất động sản sôi động trở lại vào cuối năm 2009.

Giữ vững quan điểm thận trọng, năm bản lề 2009, Ban lãnh đạo Tập đoàn Hòa Phát cam kết sẽ nỗ lực hết mình, tập trung cao độ cho sản xuất, giảm thiểu tối đa những tác động bất lợi của nền kinh tế tới hoạt động sản xuất kinh doanh, hoàn thành tốt những kế hoạch đề ra, tăng thị phần thép xây dựng Hòa Phát ở thị trường trong nước, nội thất văn phòng và ống thép Hòa Phát tiếp tục khẳng định vị trí số một trên thị trường, hướng đến mục tiêu đạt doanh thu 1 tỷ USD vào năm 2012.

Hơn thế nữa, năm 2009, Hòa Phát sẽ bước vào một giai đoạn mới khi 2 dự án lớn là Khu Liên hợp sản xuất Gang thép Hòa Phát (350.000 tấn/năm) và Dự án Xi măng Hòa Phát (1 triệu tấn giai đoạn I) chính thức vận hành. Trong bối cảnh rất nhiều dự án lớn bị đình hoãn, sản phẩm với nhiều ưu thế vượt trội của 2 dự án mới sẽ là một lợi thế lớn của Hòa Phát khi nền kinh tế ấm trở lại. Các lĩnh vực ống thép, nội thất, điện lạnh, thiết bị xây dựng, kinh doanh khu công nghiệp sẽ tiếp tục duy trì mức tăng trưởng ổn định, đóng góp vào doanh thu và lợi nhuận của Tập đoàn.

Thay mặt Hội đồng Quản trị, tôi trân trọng cảm ơn sự tín nhiệm của các cổ đông đã đầu tư vào Tập đoàn, cảm ơn sự đóng góp xây dựng và quan hệ hợp tác của các khách hàng, đối tác lâu năm. Tôi cũng muốn dành những lời cảm ơn chân thành nhất tới toàn bộ đội ngũ gần 6.000 cán bộ, công nhân viên đã nỗ lực, hết mình đóng góp công sức cho thành công chung của Hòa Phát trong năm qua.

Với bề dày kinh nghiệm, tiềm năng nội lực và sự ủng hộ của toàn thể cổ đông, đối tác, đội ngũ cán bộ công nhân viên, tôi tin tưởng Hòa Phát sẽ tiếp tục vững vàng và gặt hái được những thành công mới trong năm 2009.

Trân trọng,  
Chủ tịch Hội đồng Quản trị



Trần Đình Long



# BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

## Tăng trưởng ấn tượng trong một năm đầy khó khăn

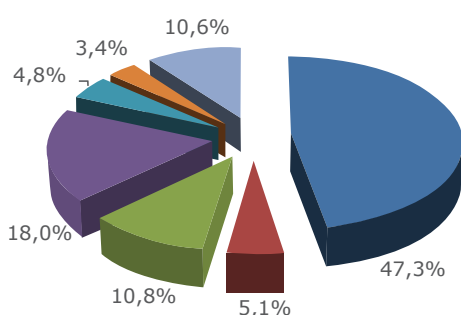
Diễn biến trái chiều trong năm 2008 đã ảnh hưởng mạnh đến hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp. Đầu năm, cuộc chạy đua lãi suất, biến động lớn về tỷ giá và lạm phát tăng cao đã đẩy chi phí giá vốn của doanh nghiệp lên cao. Gần cuối năm, giá cả của hầu hết các nguyên liệu thô đều giảm mạnh, suy thoái kinh tế toàn cầu, tiêu thụ trong nước giảm đã ảnh hưởng trực tiếp đến sản lượng bán hàng và lợi nhuận của hầu hết các doanh nghiệp.

Trước những khó khăn đó, Ban lãnh đạo Tập đoàn cùng với tập thể 6000 người lao động đã nỗ lực tập trung cao độ cho sản xuất để đạt được những thành công vượt bậc. Toàn Tập đoàn đã đạt 8.502 tỷ đồng Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, 859 tỷ đồng lợi nhuận sau thuế, tăng tương ứng 48% và 33% so với năm 2007, vượt mức kế hoạch 11% và 16%.

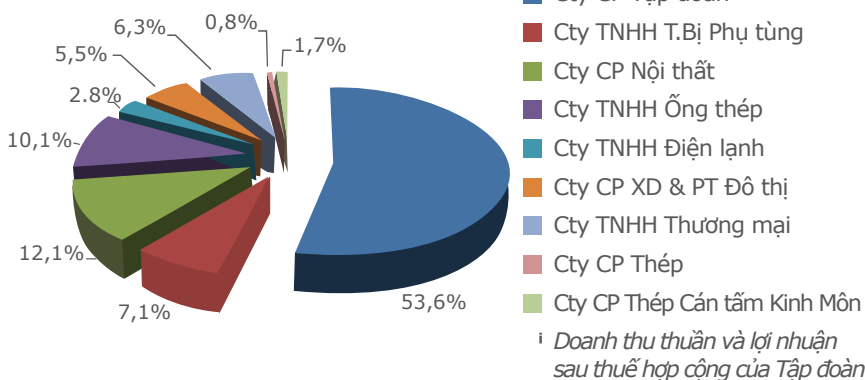
## Các chỉ tiêu hoạt động của Tập đoàn

| Chỉ tiêu           | Năm 2007 | Năm 2008 | Kế hoạch năm 2008 | % tăng trưởng | % vượt kế hoạch |
|--------------------|----------|----------|-------------------|---------------|-----------------|
| Tổng doanh thu     | 5.734    | 8.502    | 7.658             | 48%           | 11%             |
| Lợi nhuận sau thuế | 644      | 859      | 740               | 33%           | 16%             |

Cơ cấu doanh thu thuần<sup>i</sup>



Cơ cấu lợi nhuận sau thuế<sup>i</sup>

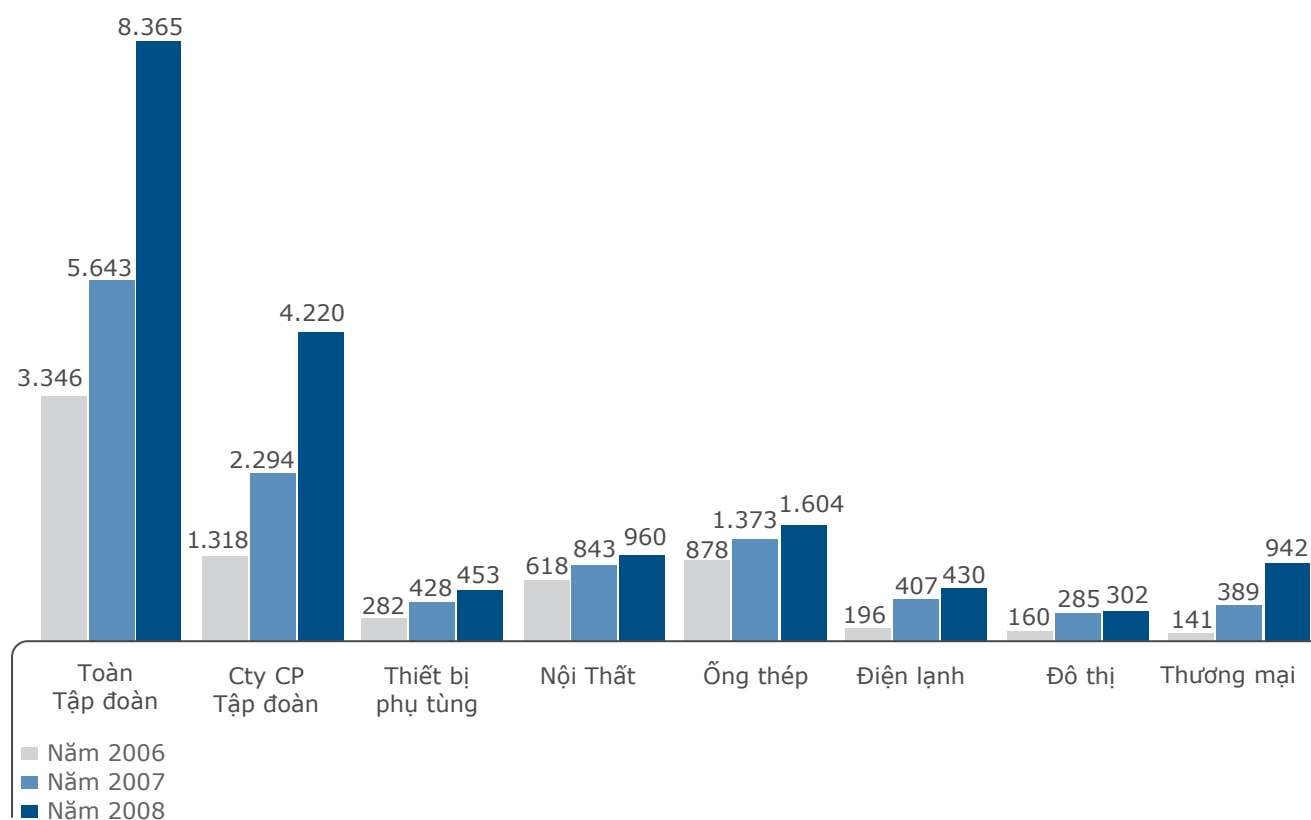


Trong các ngành hàng, thép xây dựng tiếp tục là mảng kinh doanh có đóng góp cao nhất vào tổng doanh thu và lợi nhuận của Tập đoàn, chiếm khoảng 47% doanh thu thuần và 54% lợi nhuận sau thuế. Sản lượng tiêu thụ thép xây dựng 2008 của Công ty Cổ phần Tập đoàn đạt 271.731 tấn vượt 8,7% so với kế hoạch. Thị phần thép xây dựng Hòa Phát liên tục được củng cố và đạt 11,7% vào những tháng cuối 2008. Cũng trong mảng

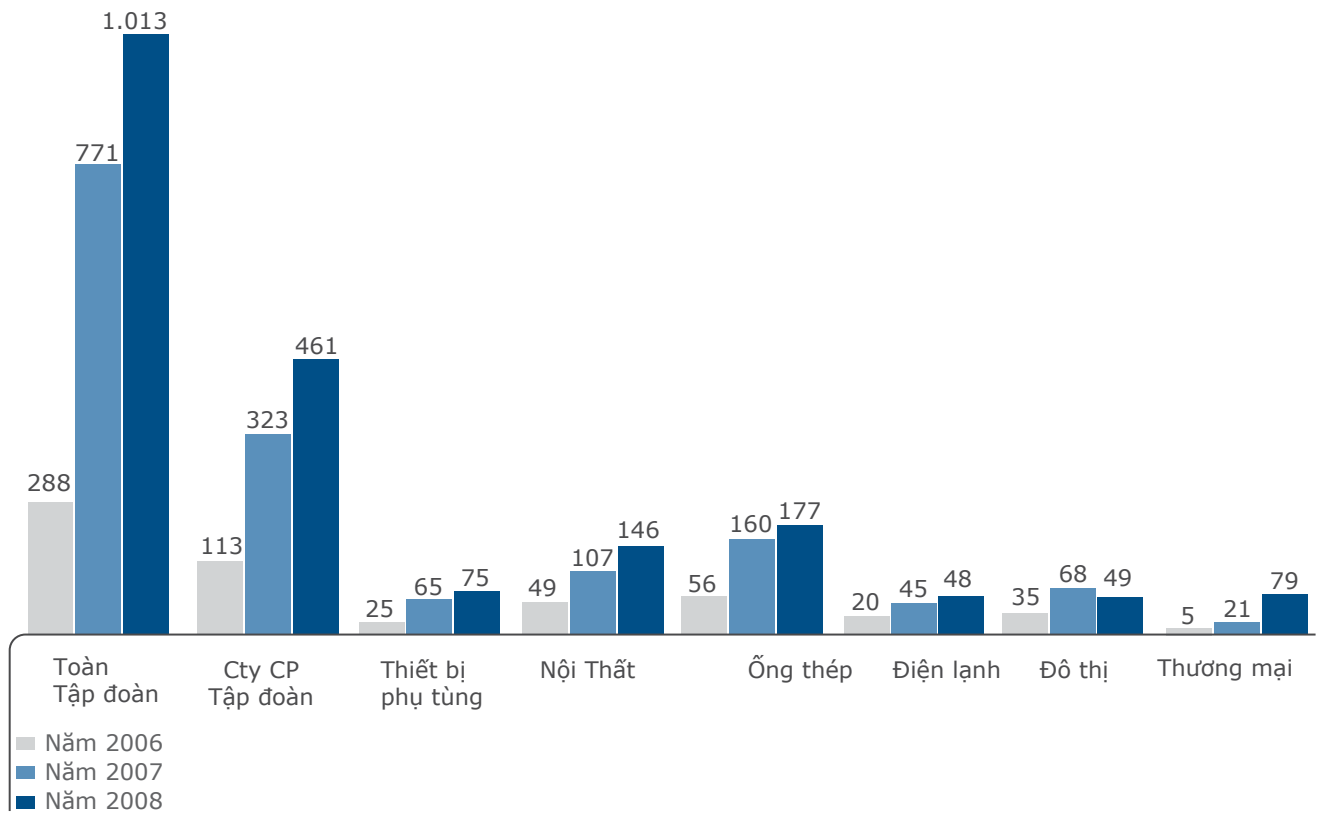
thép, Công ty TNHH Thương mại đạt mức tăng trưởng lợi nhuận từ hoạt động sản xuất - kinh doanh cao nhất: 281.0% so với năm 2007, mức tăng tương ứng của Công ty Cổ phần Tập đoàn và Công ty Ống thép lần lượt là 42,7% và 10,3%.

Ngoài mảng kinh doanh chính là thép, hầu hết các công ty thành viên của Tập đoàn cũng đạt mức lợi nhuận và tăng trưởng đáng khích lệ: Công ty Nội thất có mức tăng trưởng doanh thu 14% và lợi nhuận từ hoạt động sản xuất kinh doanh 36% so với 2007; Công ty Thiết bị phụ tùng có mức tăng doanh thu 6% và lợi nhuận từ hoạt động sản xuất kinh doanh tăng 14% so với năm 2007. Công ty Điện lạnh tăng 7,14% lợi nhuận từ hoạt động sản xuất kinh doanh so với 2007. Riêng Công ty Xây dựng và Phát triển Đô thị ghi nhận lợi nhuận giảm 28% so với 2007.

**Doanh thu thuần của Tập đoàn và các công ty thành viên trong 3 năm 2006-2008**  
(Đơn vị: Tỷ đồng)



**Lợi nhuận từ hoạt động sản xuất kinh doanh của các công ty thành viên  
trong Tập đoàn trong 3 năm 2006-2008 (Đơn vị: Tỷ đồng)**



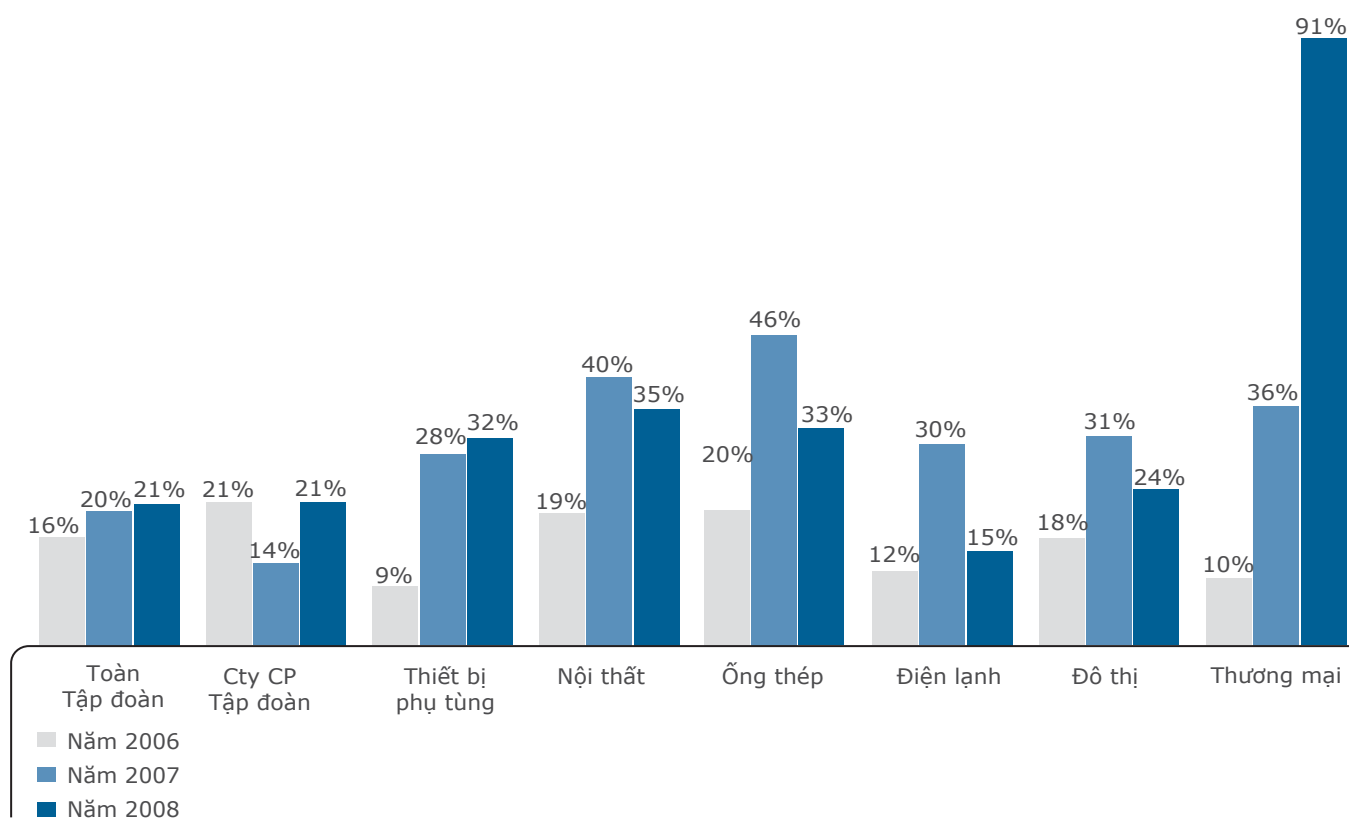
Năm 2008, tổng tài sản của toàn Tập đoàn tăng 19% so với năm 2007 đạt 5.639 tỷ đồng. Tập đoàn vẫn duy trì được tỷ lệ lợi nhuận trên tổng tài sản (ROA) ở mức 15% cao hơn mức 14% năm 2007. Các Công ty thành viên trong Tập đoàn đều đạt tỷ lệ ROA trên 15% ngoại trừ Điện lạnh Hòa Phát và Phát triển Đô thị Hòa Phát có tỷ lệ ROA dưới 10%. Một trong những nguyên nhân chính dẫn đến tỷ lệ ROA của Công ty Điện lạnh chỉ ở mức 10% là do chi phí tài chính tăng 217% từ mức 6 tỷ đồng lên 18 tỷ đồng làm lợi nhuận sau thuế lại giảm 32% so với năm 2007. Lợi nhuận giảm 28% cũng là nguyên nhân khiến cho tỷ lệ ROA của Công ty Xây dựng và Phát triển Đô thị chỉ đạt 10%.

Vốn chủ sở hữu của Tập đoàn tại thời điểm cuối năm tăng hơn 30% so với thời điểm đầu năm 2008 từ 3.143 tỷ đồng lên 4.111 tỷ đồng. Tập đoàn vẫn đạt được tỷ lệ lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu (ROE) ở mức cao 21% cao hơn mức 20% của năm 2007. Riêng Điện lạnh Hòa Phát có tỷ lệ ROE là 14,5% giảm so với mức 30% của năm 2007. Bên cạnh lợi nhuận giảm 32%, vốn chủ sở hữu tăng 40% là nguyên nhân chủ yếu của sự sụt giảm này. Các Công ty thành viên khác trong Tập đoàn đều đạt tỷ lệ ROE ở mức cao trên 20%. Đặc biệt Công ty Thương mại có mức tăng trưởng ROE kỷ lục từ 36% năm 2007 lên 91% trong năm 2008 nhờ vào mức tăng trưởng lợi nhuận sau thuế đạt 264% trong năm.

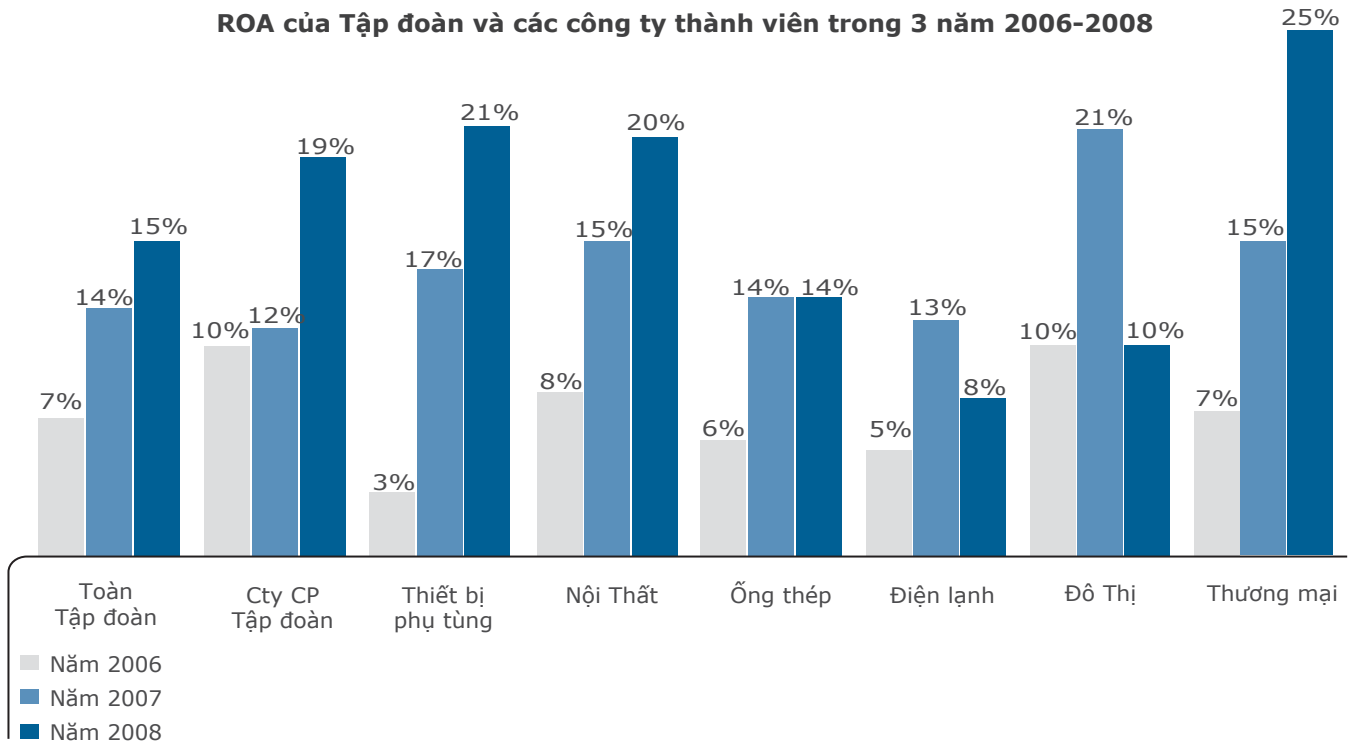
**Tổng tài sản và vốn chủ sở hữu của Tập đoàn và các công ty thành viên  
trong 2 năm 2007-2008**

| Chi tiêu              | Toàn Tập đoàn | Công ty CP tập đoàn | Thiết bị & Phụ tùng | Nội thất | Ống thép | Điện lạnh | Đô thị | Thương mại |
|-----------------------|---------------|---------------------|---------------------|----------|----------|-----------|--------|------------|
| Vốn chủ sở hữu 2007   | 3.143         | 2.905               | 177                 | 204      | 268      | 120       | 170    | 41         |
| Vốn chủ sở hữu 2008   | 4.111         | 3.833               | 191                 | 294      | 262      | 169       | 194    | 59         |
| % Tăng trưởng vốn CSH | 30,82%        | 31,93%              | 8,07%               | 44,02%   | -2,03%   | 40,22%    | 13,84% | 44,60%     |
| Tổng tài sản 2007     | 4.757         | 3.479               | 299                 | 530      | 892      | 287       | 261    | 99         |
| Tổng tài sản 2008     | 5.639         | 4.234               | 289                 | 530      | 602      | 307       | 486    | 215        |
| % Tăng trưởng tài sản | 18,55%        | 21,70%              | -3,56%              | 0 %      | -32,45%  | 6,93%     | 86,26% | 117,48%    |

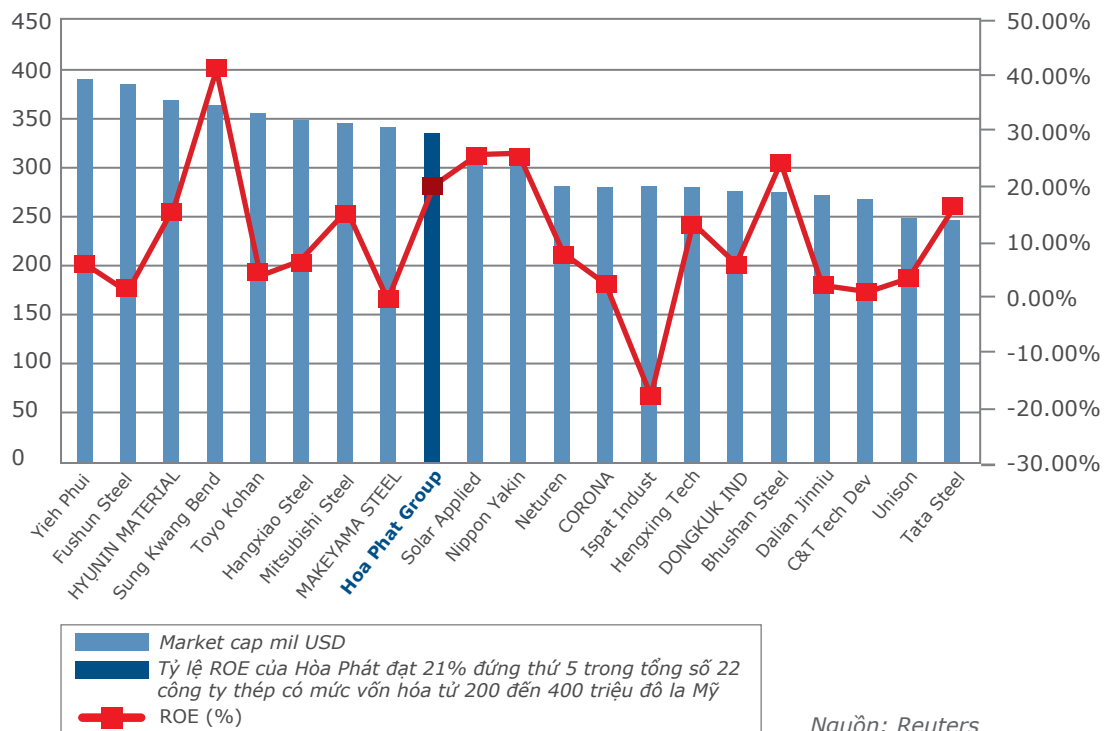
**ROE của Tập đoàn và các công ty thành viên trong 3 năm 2006-2008**



ROA của Tập đoàn và các công ty thành viên trong 3 năm 2006-2008



Mức tăng trưởng cao của Hòa Phát năm 2008 có thể nói là đáng khích lệ khi so sánh với mặt bằng tăng trưởng chung của toàn ngành trong nước cũng như thế giới: ngành xây dựng trong nước là một trong những ngành kinh tế chịu ảnh hưởng mạnh nhất bởi các yếu tố vĩ mô như lạm phát, lãi suất... và chỉ đạt mức tăng 0,02% về giá trị sản xuất so với năm 2007, trong đó ngành thép lần đầu tiên qua nhiều năm có mức tăng trưởng âm 8% về sản lượng. Khi nhìn ra khu vực và thế giới, mức tăng trưởng lợi nhuận của Hòa Phát đảm bảo một tỷ lệ ROE vào thứ hạng cao khi so sánh với các công ty trong lĩnh vực Thép có mức vốn hóa từ 200 đến 400 triệu đô la (xem hình dưới)



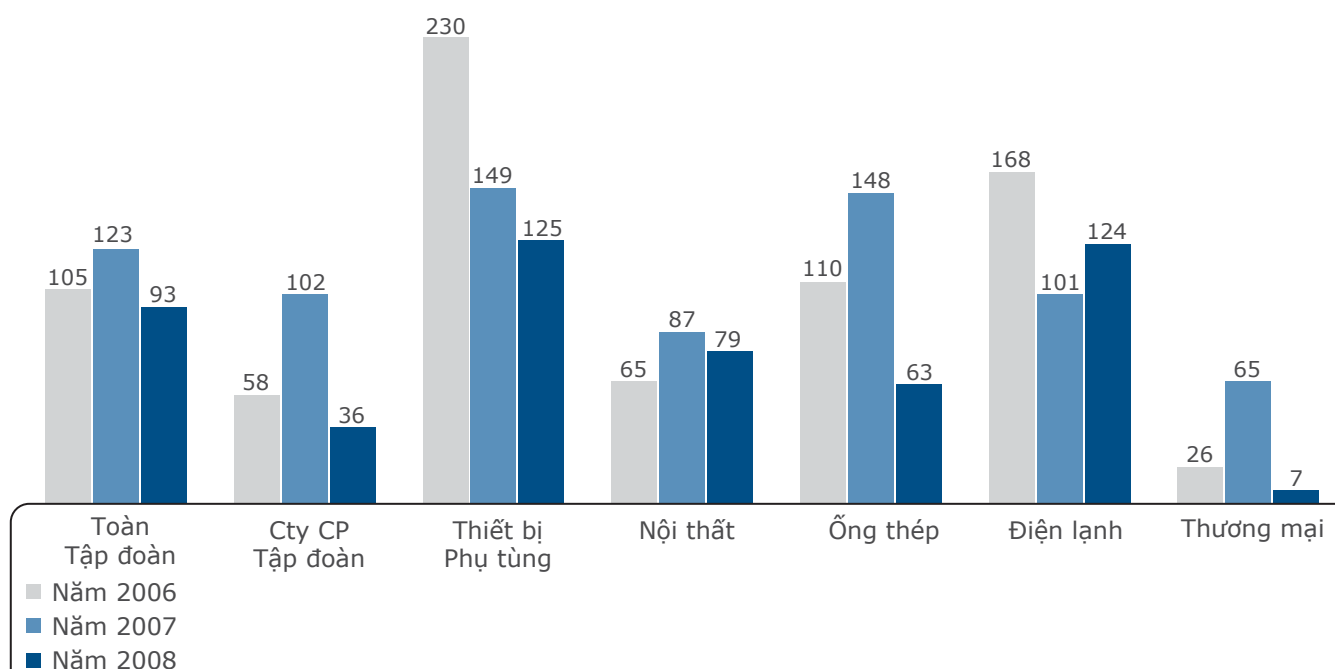
Nguồn: Reuters

Để có thể đạt được mức lợi nhuận và tăng trưởng ấn tượng như vậy trong một năm đầy khó khăn, Ban lãnh đạo Tập đoàn đã phản ứng linh hoạt trước các biến động kinh doanh trong năm cũng như tập trung thực hiện các chiến lược kinh doanh như tiếp tục tăng vốn, đảm bảo kế hoạch mở rộng sản xuất kinh doanh, đa dạng hóa sản phẩm gia tăng giá trị cho khách hàng cũng như mở rộng mạng lưới phân phối.

### Phản ứng linh hoạt với những biến động trong kinh doanh

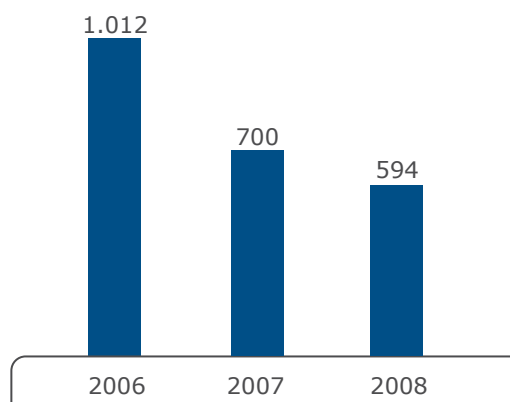
Trong Quý IV, khi giá thép trên thế giới và tại Việt Nam giảm mạnh, Tập đoàn đã chủ động trích lập dự phòng giảm giá tồn kho trên nguyên tắc thận trọng và có tính đến những rủi ro giảm giá của thị trường đến hết năm. Ngay trong tháng 10 năm 2008, Tập đoàn đã trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho trị giá 353 tỷ đồng trên tổng giá trị thép tồn kho hơn 1.200 tỷ đồng, tương ứng với 21.000 tấn thép thành phẩm, 19.000 tấn phôi thép, 30.000 tấn phế liệu và 27.000 tấn ống thép và nguyên liệu. Ngoài ra, Ban lãnh đạo Công ty chủ động chỉ đạo đẩy mạnh bán hàng, tăng cường chính sách hỗ trợ đại lý để tiêu thụ hàng nhanh nhất trong các tháng cuối năm. Trong tháng 11/2008, sản lượng thép tiêu thụ đạt hơn 33.000 tấn tăng 55% so với sản lượng thép tiêu thụ trung bình trong 11 tháng đầu năm và tăng 31% so với sản lượng thép tiêu thụ của tháng 11/2007. Tổng sản lượng thép tiêu thụ trong tháng 12 đạt 33.600 tấn đạt mức tiêu thụ kỷ lục trong năm. Trong khi tình hình cầu về thép xây dựng liên tục suy giảm thì năm 2008 lại là năm đặc biệt thành công với Tập đoàn trong việc cung cấp thép cho mảng dự án với sản lượng 97.713 tấn, tăng 49% so với năm 2007, góp phần tăng sản lượng tiêu thụ vào những tháng cuối năm. Hầu hết các Công ty con trong Tập đoàn đều có chỉ tiêu ngày tồn kho trung bình năm 2008 giảm mạnh so với năm 2007. Đặc biệt thành công là Công ty CP Tập Đoàn và Công ty Thương mại đã có ngày tồn kho năm 2008 giảm mạnh xuống 36 ngày và 7 ngày từ 102 ngày và 65 ngày trong năm 2007 như được minh họa theo biểu đồ dưới đây.

**Ngày tồn kho bình quân năm 2006-2008**  
(Đơn vị: Ngày)

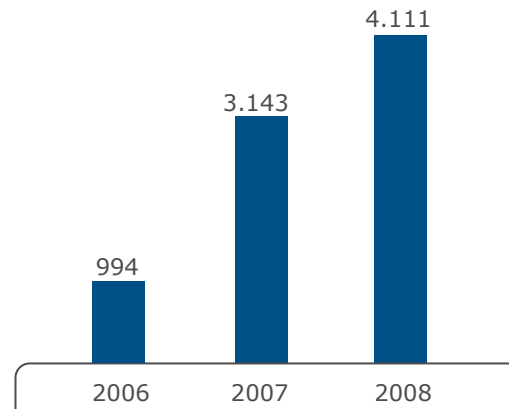


Là một năm nền kinh tế trải qua nhiều biến động bất thường, trong đó có lãi suất. Có lúc lãi suất cơ bản lên tới đỉnh điểm 14% và trần lãi suất cho vay lên tới 21%. Với tình hình biến động của lãi suất như vậy, Tập đoàn đã duy trì một tỷ lệ nợ vay thấp trên tổng tài sản nhằm giảm chi phí lãi vay bằng cách giảm nợ đồng thời tăng vốn chủ sở hữu. Tính đến 31/12, tổng nợ vay của Tập đoàn là 594 tỷ đồng, giảm 15,06% so với năm 2007; trong đó số vốn vay ngắn hạn là 588 tỷ đồng, vay dài hạn là 6 tỷ đồng. Vốn chủ sở hữu tăng 30,8% lên mức 4.111 tỷ đồng trong năm.

**Tổng nợ vay ngắn hạn và dài hạn**  
(Đơn vị: Tỷ đồng)

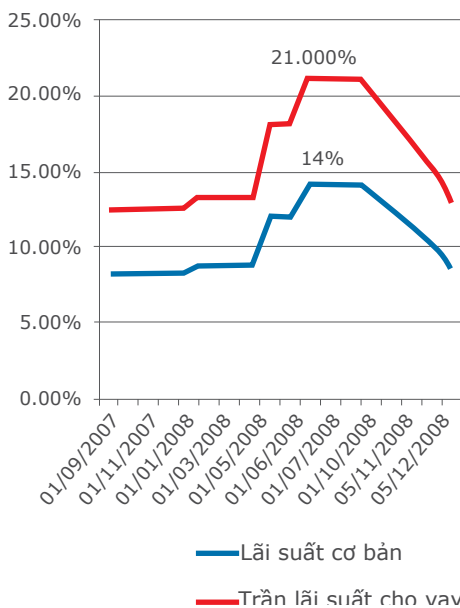


**Vốn chủ sở hữu**  
(Đơn vị: Tỷ đồng)

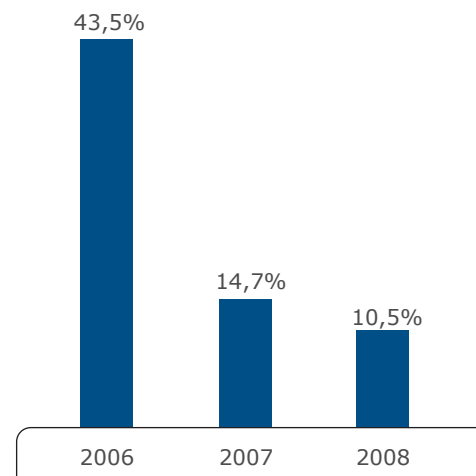


Hiện tại, Tập đoàn chưa sử dụng hết tổng hạn mức mà các ngân hàng thương mại cho phép vay. Chỉ số vay nợ trên tổng tài sản của Tập đoàn năm 2008 khoảng 10,5%. Ngay cả khi các dự án lớn như thép và xi măng đi vào hoạt động, hệ số này cũng chỉ ở mức trên dưới 20%. Đây là hệ số nợ có tính an toàn rất cao. Đến thời điểm này, việc thu xếp vốn cho các dự án lớn của HPG đã hoàn thành.

**Biến động lãi suất cơ bản trong năm 2008**



**Hệ số nợ vay trên tổng tài sản của Tập đoàn trong năm 2006-2008**



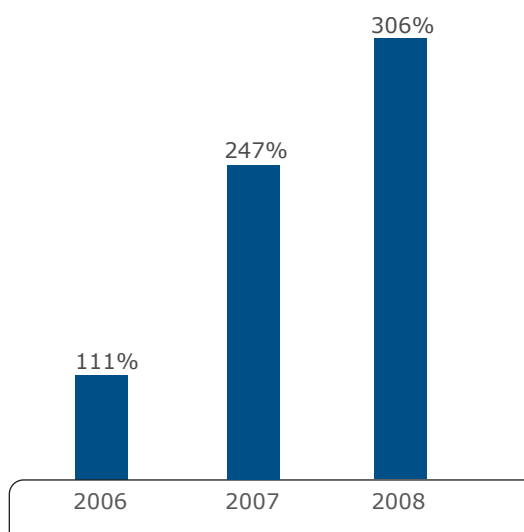
Nguồn: Ngân hàng Nhà nước

Do Tập đoàn duy trì chính sách hệ số nợ ở mức thấp nên các chỉ số thanh toán của Tập đoàn và các Công ty thành viên được cải thiện đáng kể trong năm 2008. Cả Tập đoàn và hầu hết các công ty thành viên đều có các chỉ số thanh toán nhanh và chỉ số thanh toán hiện thời an toàn hơn so với năm 2007.

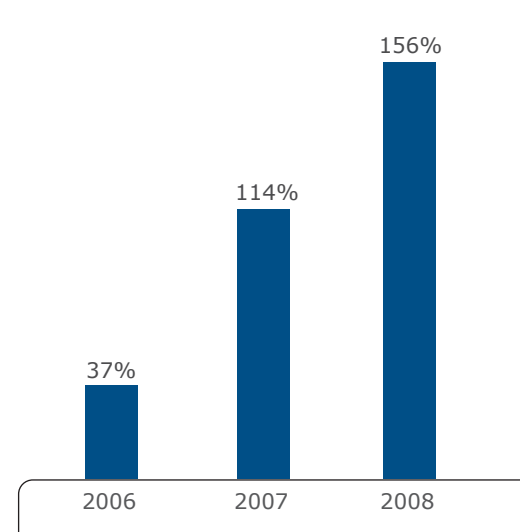
#### Chỉ số thanh toán của toàn Tập đoàn và Các Công ty thành viên 2007-2008

| Chỉ tiêu                               | Toàn tập đoàn | Công ty CP Tập đoàn | Thiết bị & Phụ Tùng | Nội thất | Ống thép | Điện lạnh | Đô thị | Thương mại |
|----------------------------------------|---------------|---------------------|---------------------|----------|----------|-----------|--------|------------|
| Khả năng thanh toán hiện thời năm 2007 | 247%          | 369%                | 160%                | 110%     | 121%     | 94%       | 339%   | 170%       |
| Khả năng thanh toán hiện thời năm 2008 | 306%          | 327%                | 189%                | 147%     | 142%     | 122%      | 146%   | 137%       |
| Khả năng thanh toán nhanh năm 2007     | 114%          | 210%                | 41%                 | 54%      | 39%      | 35%       | 166%   | 39%        |
| Khả năng thanh toán nhanh năm 2008     | 156%          | 230%                | 62%                 | 70%      | 53%      | 34%       | 69%    | 124%       |

Chỉ số thanh toán hiện thời của Tập đoàn



Chỉ số thanh toán nhanh của Tập đoàn



### **Tăng vốn đảm bảo kế hoạch mở rộng sản xuất kinh doanh**

Vào tháng 4 năm 2008, Tập đoàn thực hiện phát hành thành công 7,32 triệu cổ phiếu cho cổ đông chiến lược là Bank Invest và 940 ngàn cổ phiếu cho Credit Suisse thu về 528,76 tỷ đồng, qua đó tăng vốn điều lệ thêm 82,6 tỷ đồng và thu được 446 tỷ đồng thặng dư vốn. Tháng 7 năm 2008, Tập đoàn có thêm đợt phát hành cổ phiếu thưởng với tỷ lệ 10% trên mệnh giá và phát hành cổ phiếu trả cổ tức năm 2007 với tỷ lệ 30% trên mệnh giá. Sau ngày 26/08/2008, số lượng cổ phiếu HPG lưu hành trên thị trường chứng khoán là 196.363.998 cổ phiếu so với 132.000.000 cổ phiếu tại thời điểm cuối năm 2007.

Tăng vốn thành công với lượng vốn huy động lớn đã giúp Tập đoàn và các công ty thành viên thực hiện mở rộng nhà xưởng, đầu tư thêm trang thiết bị, đầu tư vào Dự án Thép và Xi măng. Trong năm 2008, Ống thép Hòa Phát tiếp tục đầu tư mở rộng thêm 20.000m<sup>2</sup> nhà xưởng và 4 dàn máy sản xuất ống mới nâng sản lượng sản xuất lên 100.000 tấn/năm. Nội thất Hòa Phát trang bị thêm máy móc hiện đại cho một loạt các nhà máy gồm có Nhà máy Gỗ Công nghiệp, Dự án Inox, Nhà máy Ghế Xoay, Nhà máy Gỗ Sơn, Nhà máy Nội thất Ống thép. Ngoài ra lượng vốn huy động mới cũng là nguồn tài trợ quan trọng cho hai dự án lớn về Thép và Xi măng sẽ bắt đầu hoạt động từ năm 2009.

Đặc biệt, với lượng vốn lớn huy động được, Ban lãnh đạo chủ trương không tham gia đầu tư tài chính, vì vậy tránh được rủi ro trích lập dự phòng tài chính mà nhiều công ty khác đã phải thực hiện trong năm.

### **Đa dạng hóa sản phẩm gia tăng giá trị cho khách hàng, mở rộng mạng lưới phân phối, khẳng định thương hiệu Hòa Phát**

Năm 2008 đánh dấu nỗ lực của các công ty thành viên trong việc cải tiến và đa dạng hóa sản phẩm. Thiết bị phụ tùng Hòa Phát nghiên cứu và đưa ra thị trường nhiều dòng sản phẩm mới với những tính năng nổi trội như: các loại máy nghiền côn, nghiền búa, nghiền cát, nghiền hàm... Các dòng sản phẩm bàn tủ làm việc bằng gỗ công nghiệp New Trend, sản phẩm nội thất bằng Inox với nguồn nguyên liệu nhập từ Đài Loan, sản phẩm tủ sắt, ghế xoay của Nội thất Hòa Phát với nhiều cải tiến mới nổi bật nhanh chóng được người tiêu dùng chấp nhận. Sản phẩm ống thép Hòa Phát với nhiều chủng loại mới ra đời thay thế cho sản phẩm nhập khẩu như các loại ống cỡ lớn Ø141.3, Ø168.3, Ø219.1. Điện lạnh Hòa Phát cho ra đời một số model mới các sản phẩm điều hòa, bình nước nóng, tủ cấp đông và tủ bia. Đặc biệt, sản phẩm bình nước nóng dung tích 20 lít được đưa ra thị trường ngay trong mùa vụ đã nhanh chóng được người tiêu dùng chấp nhận. Xi măng Hòa Phát đang chuẩn bị mọi nguồn lực cho việc vận hành thiết bị và ra lò những mẻ xi măng đầu tiên vào Quý III năm 2009...

Mạng lưới phân phối sản phẩm của Hòa Phát đã có mặt ở khắp vùng miền trong cả nước. Năm 2008 Thép Hòa Phát đã thành lập Chi nhánh miền Nam. Sản phẩm của Ống thép Hòa Phát tham gia vào nhiều công trình dự án có quy mô lớn như cung cấp ống thép giai đoạn 2 cho Tòa nhà Keangnam 70 tầng, Dự án xây dựng Nhà máy xi măng Thái Nguyên, Nhà máy Samsung Bắc Ninh, Công trình hầm đường bộ nút Đại Cồ Việt – Kim Liên, Dự án cầu Thanh Hóa, Vĩnh Tuy, cầu Phả Lại...

**Đảm bảo quyền lợi của cổ đông**

Với mức tăng trưởng cao trong năm 2008, tỷ lệ lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu (ROE) của tập đoàn duy trì ở mức 21% là một mức cao đáp ứng được kỳ vọng của cổ đông. Lãi trên cổ phiếu năm 2008 đạt 4.439 đồng/cổ phiếu so với mức 5.264 đồng/cổ phiếu năm 2007

Tình hình thị trường chứng khoán năm 2008 giảm mạnh so với năm 2007 đã tác động tới tâm lý nhà đầu tư. Trong bối cảnh lạm phát và lãi suất ngân hàng tăng cao, phần lớn các cổ đông đều mong muốn nhận cổ tức bằng tiền mặt thay vì cổ phiếu như trước kia. Đáp ứng nhu cầu này, trong năm 2008 Tập đoàn đã hoàn tất tạm ứng cổ tức bằng tiền mặt cho cổ đông hai lần trong năm, tổng cộng 20% mệnh giá vào các ngày 29/09/2008 và 22/12/2008.

**Không ngừng nâng cao tính đại chúng và minh bạch**

Sau một năm niêm yết thành công tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh, mã cổ phiếu HPG của Tập đoàn luôn nằm trong nhóm Top 10 cổ phiếu có giá trị vốn hóa lớn nhất thị trường. Hết năm 2008, số lượng cổ đông của HPG đạt 11.000 cổ đông, gấp 5 lần thời điểm chào sàn.

Đây là năm thứ hai liên tiếp, Tập đoàn ký hợp đồng kiểm toán báo cáo tài chính của toàn bộ công ty con và báo cáo tài chính hợp nhất với Deloitte Việt Nam, một trong bốn hãng kiểm toán uy tín hàng đầu thế giới. Tập đoàn tiếp tục duy trì chủ trương chuẩn hóa số liệu tài chính và minh bạch hóa thông tin

Hơn thế nữa, khi giá thép trên thị trường thế giới và Việt Nam giảm mạnh, Tập đoàn đã kịp thời cung cấp thông tin về số lượng thép tồn kho, chính sách dự phòng và chính sách thúc đẩy bán hàng tới cổ đông.

Đặc biệt hơn, 2008 cũng là năm ghi nhận những thành quả của Tập đoàn Hòa Phát bằng nhiều giải thưởng có giá trị như Xếp hạng tín dụng AAA năm 2008 của Trung tâm Thông tin tín dụng Ngân hàng Nhà nước CIC... Hai năm liên tiếp, Công ty CP Tập đoàn Hòa Phát và các công ty thành viên như Công ty CP Nội Thất Hòa Phát, Công ty TNHH Thiết bị phụ tùng Hòa Phát, Công ty TNHH Ống Thép Hòa Phát, Công ty TNHH Điện lạnh Hòa Phát, đều lọt vào danh sách xếp hạng VNR 500 - Top 500 doanh nghiệp hàng đầu Việt Nam. Thương hiệu Tập đoàn Hòa Phát cùng với các công ty Ống thép và Nội thất Hòa Phát dành giải Thương hiệu nổi tiếng, Hàng Việt Nam chất lượng cao. Ngoài ra, Tập đoàn Hòa Phát còn đoạt thêm giải thưởng "Cúp vàng Thương hiệu chứng khoán uy tín", "Công ty Cổ Phần hàng đầu Việt Nam", "Giải 3 cuộc thi Báo Cáo Thường Niên năm 2007". Đây là những phần thưởng xứng đáng, ghi nhận những nỗ lực của cả Tập đoàn, đồng thời khẳng định vị thế, niềm tin của công chúng đối với Hòa Phát trên thị trường.

### **Định hướng trong năm 2009 đầy khó khăn và thách thức**

Ban Giám đốc Tập đoàn nhận định năm 2009 sẽ là năm có nhiều thách thức và khó khăn, đặc biệt là lĩnh vực xây dựng và bất động sản; cầu về các sản phẩm xây dựng sẽ ít có cơ hội tăng trưởng mạnh. Tuy nhiên chúng tôi cho rằng cơ hội vẫn còn ở phía trước, đặc biệt gói giải pháp kích cầu của Chính phủ sẽ có tác dụng thúc đẩy các dự án phát triển cơ sở hạ tầng, xu hướng lãi suất giảm sẽ giúp thị trường bất động sản ấm trở lại vào nửa cuối năm 2009.

Trong bối cảnh như vậy với tinh thần thận trọng, Tập đoàn đặt ra các phương hướng hoạt động cho năm 2009 cụ thể:

- » Gia tăng giá trị các ngành hàng truyền thống và cốt lõi của Tập đoàn như thép, ống thép, nội thất, điện lạnh, máy xây dựng; tạo lập nền tảng bền vững cho các lĩnh vực kinh doanh mới như xi măng, khoáng sản...
- » Mở rộng thị phần các sản phẩm mang thương hiệu Hòa Phát trên toàn quốc, đạt kế hoạch tiêu thụ 350.000 tấn thép đảm bảo cung cấp đủ hàng và đúng tiến độ cho các dự án lớn như Công trình Khách sạn Hoàng Gia, Thủy điện Sông Tranh, Đạm Ninh Bình, Daewoo Motor Plaza và các công trình sẽ được ký kết trong năm 2009.
- » Tập trung cao độ nguồn nhân lực và vật lực cho 2 dự án trọng điểm thép và xi măng, đảm bảo đúng tiến độ ra sản phẩm vào Quý III năm 2009.
- » Tiếp tục duy trì vị trí dẫn đầu trong lĩnh vực sản xuất và kinh doanh ống thép và nội thất văn phòng.
- » Không ngừng nâng cao chất lượng nguồn nhân lực.

Đứng trước nhiều thách thức lớn đặt ra trong năm 2009, toàn thể 6000 cán bộ công nhân viên Hòa Phát và Ban lãnh đạo chúng tôi sẽ chung sức chung lòng đương đầu với thử thách, tiếp tục duy trì sự phát triển ổn định của Tập đoàn, nâng cao thương hiệu Hòa Phát, gia tăng lợi ích lâu dài cho cổ đông và góp phần cho sự phát triển kinh tế - xã hội của đất nước.

# HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

1. **Ông Trần Đình Long** - Chủ tịch HĐQT
2. **Ông Trần Tuấn Dương** - Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Công ty CP Tập đoàn Hòa Phát
3. **Ông Nguyễn Mạnh Tuấn** - Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Giám đốc Công ty TNHH Ống thép Hòa Phát, Giám đốc Công ty Thương mại Hòa Phát
4. **Ông Doãn Gia Cường** - Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Giám đốc Công ty CP Nội thất Hòa Phát
5. **Ông Chu Quang Vũ** - Thành viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc Công ty CP Tập đoàn Hòa Phát kiêm Giám đốc Công ty CP Khoáng sản Hòa Phát



6. **Ông Hoàng Quang Việt** - Thành viên HĐQT  
kiêm Giám đốc Công ty XD & PTĐT Hòa Phát
7. **Ông Tạ Tuấn Quang** - Thành viên HĐQT  
kiêm Giám đốc Công ty Điện lạnh Hòa Phát
8. **Ông Nguyễn Ngọc Quang** - Thành viên HĐQT  
kiêm Giám đốc Công ty TBPT Hòa Phát
9. **Ông Don Di Lam** - Thành viên HĐQT
10. **Ông Lars Kjaer** - Thành viên HĐQT



# HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, QUẢN TRỊ CÔNG TY, TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

## SƠ LƯỢC HOẠT ĐỘNG HĐQT, BAN KIỂM SOÁT

Thành viên Hội đồng Quản trị của Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát đều là những người có nhiều năm kinh nghiệm trong lĩnh vực quản lý.

Trong năm 2008, Hội đồng Quản trị đã thường xuyên nhóm họp để đưa ra các định hướng đúng đắn liên quan tới hoạt động sản xuất – kinh doanh của Công ty. Cụ thể như sau:

- Quyết định số 02/QĐHP - 02/2008 ngày 29/2/2008 về đầu tư trực tiếp ra nước ngoài mà cụ thể là thành lập Công ty TNHH Hòa Phát Lào thực hiện chức năng tìm kiếm, thăm dò, khảo sát mỏ quặng sắt, thể hiện một bước tiến mới của Tập đoàn.
- Quyết định tăng vốn Điều lệ Công ty thành nhiều đợt, lên đến 1.963.639.980.000 đồng và phát hành cổ phiếu cho một số đối tác chiến lược như BI Private Equity New markets II K/S và Credit Suisse limited.
- Tăng vốn đầu tư vào nhiều Công ty trong tập đoàn như tăng vốn vào Công ty CP Nội thất Hòa Phát, Công ty TNHH Thương mại Hòa Phát, Công ty TNHH Điện lạnh Hòa Phát, Công ty CP Xi măng Hòa Phát, Công ty CP Khoáng sản Hòa Phát...
- Ngày 13/9/2008 thông qua việc lựa chọn tổ chức kiểm toán của năm 2008 là Công ty TNHH Deloitte Việt Nam.
- Quyết định 02 lần tạm ứng cổ tức bằng tiền mặt, mỗi lần tạm ứng bằng 10% trên mệnh giá.
- Và nhiều quyết định quan trọng bổ nhiệm các vị trí quản lý chủ chốt của Công ty như bổ nhiệm ông Kiều Chí Công làm Phó Tổng Giám đốc, bà Nguyễn Thị Thanh Vân làm Kế toán trưởng.

Kết quả sản xuất kinh doanh của Tập đoàn năm 2008 là phản ánh kết quả của sự chỉ đạo sát sao, vạch ra những bước đi đúng đắn cho các Công ty trong toàn Tập đoàn của HĐQT.

Sang năm 2009, Hội đồng Quản trị tiếp tục định hướng rõ ràng và đưa ra những hướng đi mới vững chắc cho Tập đoàn.

Ban Kiểm soát trực thuộc ĐHĐCĐ và do ĐHĐCĐ bầu ra, có nhiệm vụ kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp trong hoạt động quản lý của HĐQT, hoạt động sản xuất kinh doanh của Ban Tổng Giám đốc, công tác quản lý tài chính, kế toán của Tập đoàn và hoạt

động độc lập với HĐQT và Ban Tổng Giám đốc.

Sau Đại hội đồng cổ đông ngày 31/03/2008, các thành viên Ban Kiểm soát đã tiến hành họp và bầu lại trưởng ban và thống nhất chương trình hoạt động của Ban trong năm tiếp theo. Ban Kiểm soát đã thống nhất, định kỳ hàng quý tổ chức họp xem xét số liệu báo cáo tài chính hợp nhất trước khi báo cáo được gửi tới Sở Giao dịch chứng khoán, xem xét các vấn đề nêu trong báo cáo điều hành của Ban Tổng Giám đốc công ty cũng như các vấn đề tuân thủ nghị quyết, điều lệ và tuân thủ pháp luật hiện hành trong các hoạt động của công ty.

Với sự phân công công việc hợp lý, phù hợp trình độ chuyên môn và công việc của các thành viên trong ban, trong năm tài chính vừa qua, Ban Kiểm soát đã có sự liên hệ thường xuyên, chặt chẽ với Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc công ty, nắm bắt kịp thời các vấn đề phát sinh trong công tác điều hành cũng như hoạt động của công ty. Đối với một số vấn đề về số liệu báo cáo tài chính, kế hoạch tài chính cần làm rõ, Ban kiểm soát đã gửi ý kiến và đã được Ban Giám đốc Công ty, HĐQT công ty giải trình rõ ràng và hợp lý.

Trong năm 2008, Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát đã có sự thay đổi và kết nạp thành viên mới như sau:

- Ngày 31/03/2008, ĐHĐCĐ thông qua việc miễn nhiệm 4 thành viên HĐQT là: Bà Vũ Thị Ánh Tuyết, Ông Chu Quân, Ông Vũ Đức Sính, Ông Nguyễn Việt Thắng và 1 thành viên Ban Kiểm soát là Bà Phạm Thị Thu. Đồng thời bầu thay thế Bà Nguyễn Thị Thảo Nguyên là thành viên Ban Kiểm soát.
- Ngày 09/06/2008, ĐHĐCĐ thông qua việc bầu bổ sung thành viên HĐQT Ông Lars Kjaer là người quản lý vốn của BI PRIVATE EQUITY NEW MARKETS II K/S làm thành viên HĐQT.

Về chế độ thù lao cho các thành viên HĐQT và Ban kiểm soát năm 2008:

- Thù lao, các khoản lợi ích và chi phí khác cho các thành viên HĐQT là 0.66% Lợi nhuận sau thuế; tuân thủ đúng NQ của ĐHCD số 01/QĐHP-03/2008 ngày 31/3/2008 là không vượt quá 1% lợi nhuận sau thuế
- Đối với thành viên BKS: 20 triệu đồng/người/năm

**Trong năm 2008. có sự thay đổi về tỷ lệ nắm giữ cổ phần, vốn góp của thành viên HĐQT và Ban Kiểm soát như sau:**

| STT         | Cổ đông                                                           | Chức vụ                      | Số lượng CP ngày 29/02/2008 | CP thưởng và trả cổ tức bằng CP | Thay đổi giảm    | Số lượng CP ngày 31/12/08 |
|-------------|-------------------------------------------------------------------|------------------------------|-----------------------------|---------------------------------|------------------|---------------------------|
| 1           | Trần Đình Long                                                    | Chủ tịch HĐQT                | 36.400.000                  | 14.560.000                      |                  | 50.960.000                |
| 2           | Trần Tuấn Dương                                                   | Phó Chủ tịch HĐQT/Tổng GĐ    | 4.000.000                   | 1.600.000                       |                  | 5.600.000                 |
| 3           | Nguyễn Mạnh Tuấn                                                  | Phó Chủ tịch HĐQT            | 4.000.000                   | 1.600.000                       |                  | 5.600.000                 |
| 4           | Nguyễn Ngọc Quang                                                 | Thành viên HĐQT              | 3.000.000                   | 1.200.000                       |                  | 4.200.000                 |
| 5           | Doãn Gia Cường                                                    | Phó Chủ tịch HĐQT            | 3.000.000                   | 1.200.000                       |                  | 4.200.000                 |
| 6           | Chu Quang Vũ                                                      | Thành viên HĐQT/ Phó Tổng GĐ | 180.000                     | 72.000                          |                  | 252.000                   |
| 7           | Tạ Tuấn Quang                                                     | Thành viên HĐQT              | 342.000                     | 136.800                         |                  | 478.800                   |
| 8           | Hoàng Quang Việt                                                  | Thành viên HĐQT              | 800.000                     | 320.000                         |                  | 1.120.000                 |
| 9           | Don Di Lam (đại diện phần vốn góp của VOF)                        | Thành viên HĐQT              | 10.560.000                  | 4.224.000                       | 2.866.900        | 11.917.100                |
| 10          | Lars Kjaer (đại diện phần vốn góp của Bank Invest)                | Thành viên HĐQT              | 7.320.000                   | 2.928.000                       |                  | 10.248.000                |
| 11          | Nguyễn Thị Thảo Nguyên (CP tính từ ngày được bổ nhiệm 31/03/2008) | Trưởng Ban Kiểm soát         | 24.500                      | 9.800                           |                  | 34.300                    |
| 12          | Tạ Tiến Dũng                                                      | Thành viên Ban Kiểm soát     | 150.000                     | 60.000                          |                  | 210.000                   |
| 13          | Đặng Phạm Minh Loan                                               | Thành viên Ban Kiểm soát     | 0                           |                                 |                  | 0                         |
| 14          | Vũ Thanh Thủy                                                     | Thành viên Ban Kiểm soát     | 55.000                      | 22.000                          | 49.500           | 27.500                    |
| <b>Tổng</b> |                                                                   |                              | <b>69.831.500</b>           | <b>27.932.600</b>               | <b>2.916.400</b> | <b>94.847.700</b>         |



## **BAN KIỂM SOÁT**

1. **Bà Nguyễn Thị Thảo Nguyên** - Trưởng Ban
2. **Bà Đặng Phạm Minh Loan** - Thành viên
3. **Ông Tạ Tiến Dũng** - Thành viên
4. **Bà Vũ Thanh Thủy** - Thành viên



3

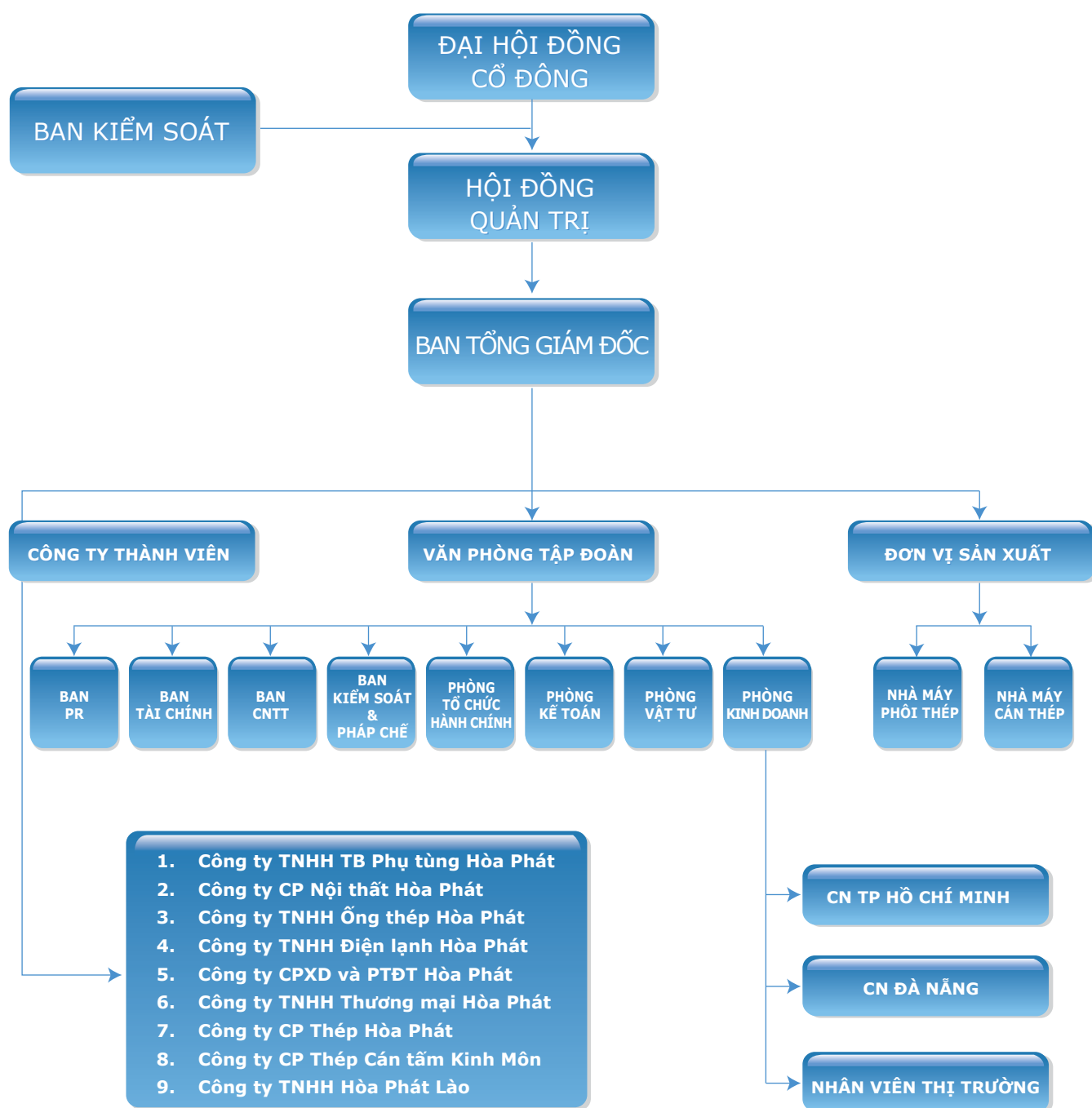
4

## CƠ CẤU SỞ HỮU

Trong kế hoạch tái cơ cấu Tập đoàn theo mô hình công ty mẹ - công ty con, trong năm 2007 và 2008, Công ty CP thép Hòa Phát đã thực hiện mua lại phần vốn góp, cổ phần và góp thêm vốn để trở thành Công ty mẹ. Đồng thời đầu tư vốn để trở thành cổ đông sáng lập của 9 Công ty con và 3 Công ty liên doanh, liên kết với phần vốn sở hữu như sau:

| STT                       | Tên công ty                                    | Vốn điều lệ<br>(tỷ đồng) | Tỷ lệ<br>tham gia của<br>công ty mẹ (%) | Giá trị đầu tư<br>ghi nhận tại<br>31/12/08 (tỷ đồng) |
|---------------------------|------------------------------------------------|--------------------------|-----------------------------------------|------------------------------------------------------|
| <b>CÔNG TY THÀNH VIÊN</b> |                                                |                          |                                         |                                                      |
| 1                         | CÔNG TY TNHH TBPT HÒA PHÁT                     | 140                      | 99,64                                   | 139,5                                                |
| 2                         | CÔNG TY CP NỘI THẤT HÒA PHÁT                   | 200                      | 99,50                                   | 199                                                  |
| 3                         | CÔNG TY TNHH ỔNG THÉP HÒA PHÁT                 | 200                      | 99,75                                   | 199,5                                                |
| 4                         | CÔNG TY TNHH ĐIỆN LẠNH HÒA PHÁT                | 150                      | 99,67                                   | 149,5                                                |
| 5                         | CÔNG TY CP XD VÀ PHÁT TRIỂN<br>ĐÔ THỊ HÒA PHÁT | 150                      | 99,33                                   | 149                                                  |
| 6                         | CÔNG TY TNHH TM HÒA PHÁT                       | 50                       | 99,00                                   | 49,5                                                 |
| 7                         | CÔNG TY CP THÉP HÒA PHÁT                       | 1000                     | 85,00                                   | 705,30                                               |
| 8                         | CÔNG TY CP THÉP CÁN TẤM KINH MÔN               | 500                      | 85,00                                   | 425                                                  |
| 9                         | CÔNG TY TNHH HÒA PHÁT LÀO                      | 48                       | 100,00                                  | 4,97                                                 |
| <b>CÔNG TY LIÊN KẾT</b>   |                                                |                          |                                         |                                                      |
| 1                         | CÔNG TY CP XI MĂNG HÒA PHÁT                    | 600                      | 50,00                                   | 300,00                                               |
| 2                         | CÔNG TY CP KHOÁNG SẢN HÒA PHÁT                 | 150                      | 49,00                                   | 73,50                                                |
| 3                         | CÔNG TY CP KHAI KHOÁNG<br>HÒA PHÁT - SSG       | 30                       | 40,00                                   | 0.00                                                 |

## CƠ CẤU TỔ CHỨC



## TỔ CHỨC NHÂN SỰ TẬP ĐOÀN

Một trong những triết lý kinh doanh của Tập đoàn “nguồn nhân lực luôn là tài sản quý giá nhất”. Đến năm 2008, Tập đoàn đã có một đội ngũ gồm 5.663 người lao động chất lượng, có trình độ, lành nghề và tận tụy, trong đó nhiều cán bộ chủ chốt có bề dày gắn bó với Công ty.

### CHÍNH SÁCH ĐÃI NGỘ

#### Tuân thủ quy định của Nhà nước

Tập đoàn tuân thủ Quy chế Lao động - Tiền lương chung theo quy định của Nhà nước, đảm bảo quyền lợi cho người lao động, chú trọng chế độ đãi ngộ đặc biệt thỏa đáng nhằm thu hút và phát triển nguồn nhân lực dồi dào.

Thời gian làm việc, điều kiện làm việc của người lao động cũng được tuân thủ theo quy định về thời gian làm việc, bảo hộ, an toàn, vệ sinh. Thiết bị máy móc cũng được đăng ký đúng tiêu chuẩn để đảm bảo an toàn. Chế độ lương của Công ty theo khung bảng lương quy định theo trình độ, khoán theo sản phẩm tùy thuộc vị trí từng công việc. Việc xem xét điều chỉnh lương cũng được thực hiện hàng năm. Công ty có chế độ phụ cấp đối với CBCNV trong khu vực độc hại và các phụ cấp khác theo quy định

#### Linh hoạt trong chính sách nhân sự

Trong bối cảnh tình hình kinh tế gặp nhiều khó khăn và biến động, rất nhiều công ty cùng ngành đã cắt giảm lao động, hoặc giãn việc, giảm lương của CBCNV... Về cơ bản, năm qua Hòa Phát vẫn đảm bảo đủ việc làm cho 6000 lao động Tập đoàn, duy trì đầy đủ các chế độ đãi ngộ. Việc điều chuyển lao động tại các nhà máy sang dự án mới trong thời gian hoạt động sản xuất kinh doanh bị chậm lại được tiến hành linh hoạt, góp phần duy trì thu nhập ổn định cho người lao động. Trong năm, Tập đoàn liên tục tuyển dụng thêm nhân sự cho các dự án mới, đồng thời tổ chức đào tạo một đội ngũ cán bộ lành nghề để đáp ứng cho hai dự án Xi măng và Khu Liên hợp sản xuất Gang thép.

#### Chính sách lương thưởng phúc lợi tạo động lực cho nhân viên

Ngoài ra, Công ty còn khuyến khích nhân viên nâng cao trình độ qua chính sách đào tạo thường xuyên. Về chính sách thưởng, ngoài lương tháng 13, Công ty có các hình thức thưởng dựa trên vượt sản lượng bán hàng, sản xuất, theo thành tích CBCNV tiên tiến xuất sắc, thưởng theo sáng kiến kỹ thuật. Trong năm 2008, Tập đoàn đã tổ chức cho các cán bộ công nhân viên tại công ty đi tham quan nghỉ mát trong và ngoài nước, khám sức khỏe định kỳ cho tất cả các CBCNV.

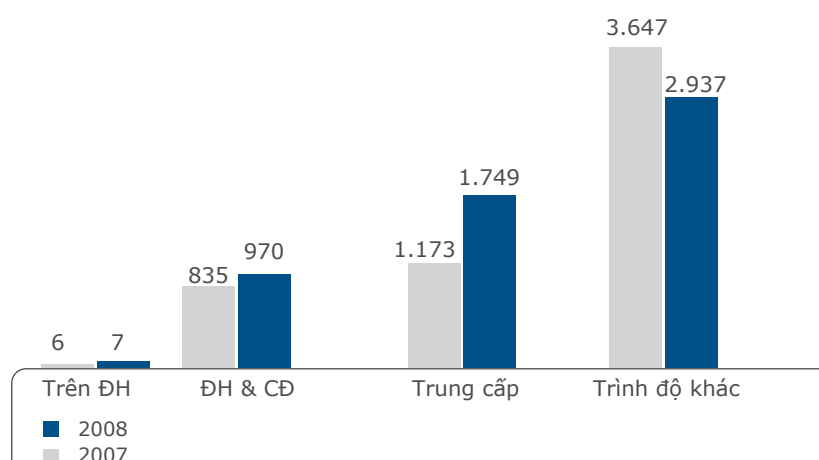


## BẢNG KÊ LAO ĐỘNG TẬP ĐOÀN

| STT         | Tên công ty                             | Trên ĐH  | ĐH&CĐ      | Trung cấp    | Trình độ khác | Tổng         |
|-------------|-----------------------------------------|----------|------------|--------------|---------------|--------------|
| 1           | Công ty CP Tập đoàn Hòa Phát            | 3        | 196        | 220          | 591           | 1010         |
| 2           | Công ty TNHH Thiết bị phụ tùng Hòa Phát | 1        | 110        | 213          | 367           | 691          |
| 3           | Công ty CP Nội thất Hòa Phát            | 2        | 238        | 845          | 1.254         | 2.339        |
| 4           | Công ty TNHH Ống thép Hòa Phát          | 1        | 98         | 54           | 385           | 538          |
| 5           | Công ty TNHH Điện Lạnh Hòa Phát         |          | 88         | 332          | 123           | 543          |
| 6           | Công ty CP XD & PT Đô thị Hòa Phát      |          | 72         | 49           | 60            | 181          |
| 7           | Công ty TNHH Thương Mại Hòa Phát        |          | 13         | 3            | 2             | 18           |
| 8           | Công ty CP Thép và Cán tấm Kinh Môn     |          | 155        | 33           | 155           | 343          |
| <b>Tổng</b> |                                         | <b>7</b> | <b>970</b> | <b>1.749</b> | <b>2.937</b>  | <b>5.663</b> |

*Không kể các công ty liên kết*

**Trình độ lao động Tập đoàn 2008 và 2007 (đơn vị: người)**





2



4



1



3



## **BAN TỔNG GIÁM ĐỐC CÔNG TY CP TẬP ĐOÀN HÒA PHÁT**

1. **Ông Trần Tuấn Dương** - Tổng Giám đốc
2. **Ông Chu Quang Vũ** - Phó Tổng Giám đốc
3. **Ông Kiều Chí Công** - Phó Tổng Giám đốc
4. **Bà Nguyễn Thị Thanh Vân** - Kế toán trưởng

## BAN GIÁM ĐỐC, KẾ TOÁN TRƯỞNG

Trong năm 2008, Ban Giám đốc đã có sự thay đổi và kết nạp thành viên mới như sau:

- Ngày 02/04/2008 bầu bổ sung ông Kiều Chí Công làm phó Tổng Giám đốc từ ngày 02/04/2008.
- Ngày 19/09/2008, Miễn nhiệm chức vụ Kế toán trưởng của Bà Tạ Thị Thu Hiền và bổ nhiệm Bà Nguyễn Thị Thanh Vân làm Kế toán trưởng từ ngày 27/09/2008.

**Trong năm 2008 có sự thay đổi về tỷ lệ nắm giữ cổ phần, vốn góp của thành viên Ban Giám đốc và Kế toán trưởng như sau:**

| STT         | Cổ đông                                                     | Chức vụ                       | Số lượng CP ngày 29/02/08 | CP thưởng và trả cổ tức bằng CP | Thay đổi giảm | Số               |
|-------------|-------------------------------------------------------------|-------------------------------|---------------------------|---------------------------------|---------------|------------------|
| 1           | Trần Tuấn Dương                                             | Phó Chủ tịch HĐQT/Tổng GĐ     | 4.000.000                 | 1.600.000                       |               | 5.600.000        |
| 2           | Chu Quang Vũ                                                | Phó Chủ tịch HĐQT/Phó Tổng GĐ | 180.000                   | 72.000                          |               | 252.000          |
| 3           | Kiều Chí Công<br>(CP tính từ ngày được bổ nhiệm 02/04/2008) | Phó Tổng Giám đốc             | 23.000                    | 4.400                           | 17.400        | 10.000           |
| 4           | Nguyễn Thị Thanh Vân                                        | Kế toán trưởng                | 0                         |                                 |               | 0                |
| <b>Tổng</b> |                                                             |                               | <b>4.203.000</b>          | <b>1.676.400</b>                | <b>17.400</b> | <b>5.862.000</b> |

## SƠ YẾU LÝ LỊCH NHÂN SỰ CHỦ CHỐT



**Ông Trần Đình Long**

*Chủ tịch HĐQT*

**Cử nhân Kinh tế, Đại học Kinh tế Quốc dân**

**Ngày vào CT: Năm 1992**

Ông Trần Đình Long là cổ đông sáng lập và từng giữ vị trí Chủ tịch HĐQT của nhiều công ty thành viên trong Tập đoàn. Ông là người đã xây dựng nền móng đầu tiên của Công ty Thiết bị Phụ tùng Hòa Phát, tiền thân của Tập đoàn Hòa Phát hiện nay. Ông đã quy tụ được nhiều cán bộ giỏi về chuyên môn, đồng tâm về chí hướng, có tinh thần trách nhiệm cao.

Trong quá trình hình thành và phát triển của Tập đoàn Hòa Phát, ông luôn là người định hướng chiến lược cho từng công ty.



**Ông Trần Tuấn Dương**

*Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Công ty CP Tập đoàn Hòa Phát*

**Cử nhân Kinh tế, Đại học Kinh tế Quốc dân, Cử nhân báo chí Đại học Tổng hợp**

**Ngày vào CT: Năm 1992**

Trước khi giữ vị trí Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát (từ tháng 1/2007), ông Trần Tuấn Dương đã giữ nhiều vị trí lãnh đạo tại nhiều công ty thành viên của Tập đoàn như: Công ty Thiết bị Phụ tùng, Công ty Nội thất, Công ty Ống thép Hòa Phát. Với bề dày kinh nghiệm, ông đã góp phần quan trọng vào việc nâng cao vị thế của thương hiệu thép Hòa Phát nói riêng cũng như toàn Tập đoàn nói chung.



**Ông Doãn Gia Cường**

*Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Giám đốc Công ty Cổ phần Nội thất Hòa Phát*

**Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh, Đại học Kinh tế Quốc dân**

**Ngày vào CT: Năm 1999**

Khi gia nhập Hòa Phát, ông Doãn Gia Cường được bổ nhiệm là Phó Giám đốc, sau đó là Giám đốc Công ty Nội thất Hòa Phát. Từ tháng 12/2006, ông kiêm vị trí Phó Chủ tịch HĐQT. Với những định hướng rõ ràng và mục tiêu cụ thể cho từng giai đoạn, ông góp phần đưa thương hiệu Nội thất Hòa Phát ngày càng trở nên gần gũi với mỗi người dân Việt Nam.



**Ông Nguyễn Mạnh Tuấn**

*Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Giám đốc Công ty TNHH Ống thép Hòa Phát, Giám đốc Công ty Thương mại Hòa Phát*

**Cử nhân Kinh tế, Đại học Kinh tế Quốc dân**

**Ngày vào CT: Năm 1996**

Năm 1996, ông Nguyễn Mạnh Tuấn là Phó Giám đốc Công ty Ống thép Hòa Phát kiêm Trưởng phòng Kinh doanh. Từ tháng 10/2004, ông Tuấn đảm nhiệm vai trò Giám đốc Công ty TNHH Ống thép Hòa Phát kiêm Giám đốc Công ty Thương mại Hòa Phát. Ông đã đưa Ống thép Hòa Phát trở thành nhà sản xuất ống thép hàng đầu tại Việt Nam. Bên cạnh đó, Công ty Thương mại do ông lãnh đạo cũng ngày càng lớn mạnh và hướng tới mục tiêu trở thành công ty thương mại hàng đầu trong ngành.



**Ông Chu Quang Vũ**

*Thành viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát kiêm Giám đốc Công ty Cổ phần Khoáng sản Hòa Phát*

**Cử nhân Kinh tế, Đại học Kinh tế Quốc dân**

**Ngày vào CT: Năm 2001**

Ông Chu Quang Vũ từng giữ nhiều vị trí quan trọng như Phó Giám đốc Công ty Sắt thép Hòa Phát, Giám đốc Công ty Cổ phần Thép Hòa Phát, Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát... Từ cuối năm 2007, với vị trí Giám đốc Công ty Khoáng sản Hòa Phát, ông đã triển khai nhiều dự án thăm dò và khai thác khoáng sản trong và ngoài nước nhằm cung cấp nguồn nguyên liệu ổn định cho Khu Liên hợp sản xuất Gang thép Hòa Phát tại Kinh Môn, Hải Dương.



**Ông Nguyễn Ngọc Quang**

*Thành viên HĐQT, kiêm Giám đốc Công ty Thiết bị và Phụ tùng Hòa Phát*

**Trung cấp**

**Ngày vào CT: Năm 1992**

Ông Nguyễn Ngọc Quang có 4 năm (1992-1996) là Giám đốc Chi nhánh Công ty Thiết bị Phụ tùng Hòa Phát tại TP. Hồ Chí Minh. Từ năm 1997 đến nay, ông giữ vị trí Giám đốc Công ty Thiết bị Phụ tùng Hòa Phát. Là nhà sản xuất máy xây dựng hàng đầu tại Việt Nam, những sản phẩm của Công ty do ông lãnh đạo đã chinh phục được khách hàng trong và ngoài nước về cả chất lượng sản phẩm, giá thành và dịch vụ hậu mãi.



**Ông Tạ Tuấn Quang**

*Thành viên HĐQT, kiêm Giám đốc Công ty Điện lạnh Hòa Phát*

**Cử nhân Kinh tế, Đại học Kinh tế Quốc dân**

**Ngày vào CT: Năm 1995**

Ông Tạ Tuấn Quang là một trong những người đặt nền móng phát triển cho Nội thất Hòa Phát ngày nay. Ông từng có 11 năm gắn bó với Nội thất Hòa Phát với vai trò làm Giám đốc Công ty. Từ tháng 12 năm 2006 đến nay, ông đảm nhiệm vị trí Giám đốc Công ty Điện lạnh Hòa Phát và đã đem lại nhiều nét khởi sắc cho Công ty cũng như nâng tầm thương hiệu Funiki.



**Ông Hoàng Quang Việt**

*Thành viên HĐQT, kiêm Giám đốc Công ty Xây dựng và Phát triển Đô thị Hòa Phát*

**Tốt nghiệp Đại học An ninh**

**Ngày vào CT: Năm 2001**

Ông Hoàng Quang Việt gia nhập Hòa Phát với vị trí Phó Giám đốc Công ty Xây dựng và Phát triển Đô thị Hòa Phát. Với cương vị Giám đốc, ông đã cùng Công ty gặt hái được nhiều thành công trong lĩnh vực bất động sản, nổi bật là việc kinh doanh hạ tầng khu công nghiệp. Đặc biệt, Khu Công nghiệp Phố Nối A với vị trí thuận lợi và sự đầu tư đồng bộ về hạ tầng đang là điểm đến của nhiều doanh nghiệp lớn trong và ngoài nước. Từ thành công đầu tiên này, Ông và Ban lãnh đạo Công ty hoạch định nhiều dự án triển vọng về nhà ở và khu công nghiệp khác.



**Ông Don Di Lam**

*Thành viên HĐQT*

**Cử nhân Nghệ thuật, Thương mại, Khoa học Chính trị, Đại học Toronto – Canada**

**Ngày giữ chức vụ:  
Năm 2007**

Ông Don Di Lam giữ nhiều vị trí quan trọng tại các công ty, ngân hàng nổi tiếng như: chuyên viên Coopers & Lybrand, Canada (1990-1994); Trưởng phòng Coopers & Lybrand AISC Việt Nam (1994-1996); Giám đốc Ngân hàng Deutsche Bank Group Việt Nam; Phó Tổng Giám đốc Công ty TNHH Pricewaterhouse Coopers Việt Nam (1998 - 2003); Giám đốc Công ty VOF Investment Limited



**Ông Lars Kjaer**

*Thành viên HĐQT*

**Cử nhân, Đại học Aarhus, Denmark; Thạc sĩ kinh tế, Đại học Aarhus, Denmark**

**Ngày giữ chức vụ:  
Năm 2008**

Ông Lars Kjaer giữ nhiều vị trí quan trọng tại các tổ chức lớn như: Giám đốc điều hành Công ty Carlsberg A/S-Đan Mạch (1984-2000); Giám đốc điều hành Công ty IC Company-Đan Mạch (2000-2004), Giám đốc điều hành Công ty Nopef - Phần Lan (2004 - 2006), Phó Tổng Giám đốc Công ty BI Technology A/S - Việt Nam (2007 đến nay).



**Ông Kiều Chí Công**

*Phó Tổng Giám đốc*

**Cử nhân kinh tế đối ngoại, Đại học Ngoại thương Hà Nội**

**Ngày vào CT: Năm 1999**

Ông Kiều Chí Công đã đảm nhiệm nhiều vị trí quản lý tại Tập đoàn: Phó phòng kinh doanh Công ty Cổ phần nội thất Hòa Phát (2002-2004), Trưởng phòng Kinh doanh Công ty Cổ phần Thép Hòa Phát (2004-2008), Trưởng phòng Kinh doanh Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát kiêm Giám đốc CN Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát tại Hà Nội (03/2008 - 04/2008), Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát kiêm Giám đốc CN Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát tại Hà Nội (04/2008 đến nay).



**Bà Nguyễn Thị Thanh Vân**

*Kế toán trưởng*

**Cử nhân kinh tế chuyên ngành kế toán, Học viện Tài chính Kế toán Hà Nội**

**Ngày vào CT: Năm 2007**

Trước khi đảm nhiệm vị trí Kế toán trưởng, bà Nguyễn Thị Thanh Vân là Trưởng phòng kế toán Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát.



**Bà Nguyễn Thị Thảo Nguyên**  
*Trưởng Ban kiểm soát*

**Cử nhân Kinh tế Học viện Tài chính kế toán Hà Nội**

**Ngày vào CT: Năm 1998**  
Trước khi giữ vị trí Trưởng Ban kiểm soát, bà Nguyễn Thị Thảo Nguyên là Kế toán trưởng Công ty TNHH ống thép Hòa Phát (1998 – 2006)



**Ông Tạ Tiến Dũng**  
*Thành viên Ban kiểm soát*

**Kỹ sư vô tuyến điện**

**Ngày vào CT: Năm 1998**  
Trước khi giữ vị trí thành viên Ban kiểm soát, ông Tạ Tiến Dũng đã đảm nhiệm nhiều vị trí quản lý tại Tập đoàn: Giám đốc sản xuất Dự án đồ gỗ Hòa Phát (1998 - 2003); Giám đốc Dự án cán thép Hòa Phát (2003); Giám đốc Dự án phôi thép (2003-2004). Hiện tại Ông cũng là Giám đốc Công ty Cổ phần Xi Măng Hòa Phát từ năm 2008.



**Bà Đặng Phạm Minh Loan**  
*Thành viên Ban kiểm soát*

**Cử nhân kinh tế chuyên ngành kế toán kiểm toán, Kế toán viên công chứng Anh Quốc (ACCA, UK); Kiểm toán viên cấp nhà nước (CPA Việt Nam)**

**Ngày giữ chức vụ: Năm 2007**

Bà Đặng Phạm Minh Loan giữ nhiều vị trí quan trọng các tổ chức tài chính lớn như: Kiểm toán viên, phó phòng kiểm toán Công ty kiểm toán Quốc tế KPMG (2000-2005); Thành viên Ban Kiểm soát, chuyên viên cao cấp, Trưởng phòng đầu tư Văn phòng đại diện Công ty Vinacapital investment management Ltd - Đơn vị thành viên của Quỹ đầu tư Việt Nam Oportunity Fund (VOF); Chuyên viên cao cấp - Trưởng phòng đầu tư Văn phòng đại diện công ty Vinacapital investment management Ltd;



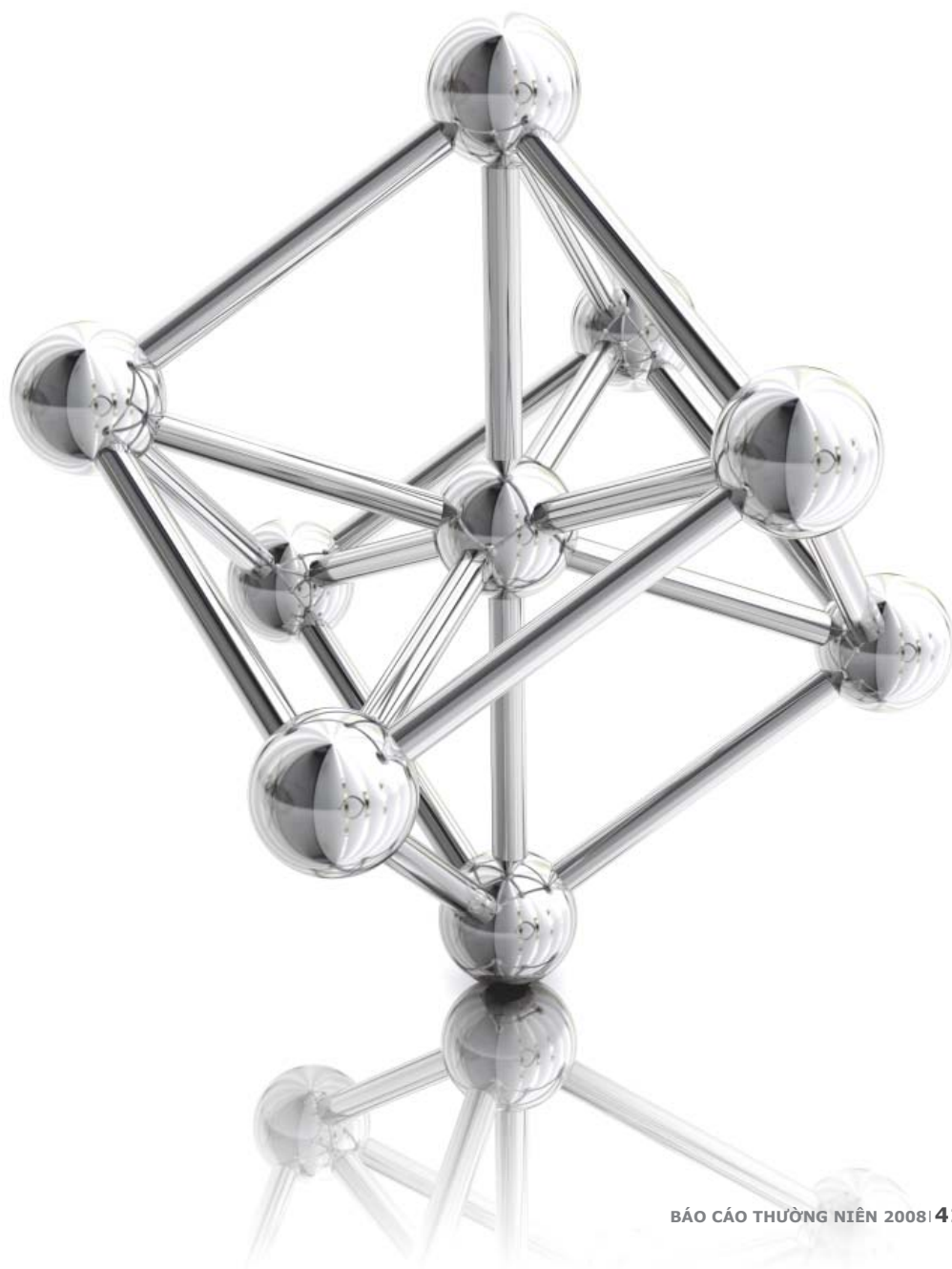
**Bà Vũ Thanh Thủy**  
*Thành viên Ban kiểm soát*

**Cử nhân kinh tế**

**Ngày vào CT: Năm 2005**  
Trước khi giữ vị trí thành viên Ban kiểm soát, bà Vũ Thanh Thủy đã có kinh nghiệm làm việc tại các vị trí như: nhân viên phòng kế toán, công ty Cổ phần thép Hòa Phát (2005-2006); Nhân viên Ban Tài chính Công ty CP Tập đoàn Hòa Phát (2007 đến nay).

## SỨC MẠNH NỔI BẬT

---



# TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP HÀNG ĐẦU NĂNG ĐỘNG & PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

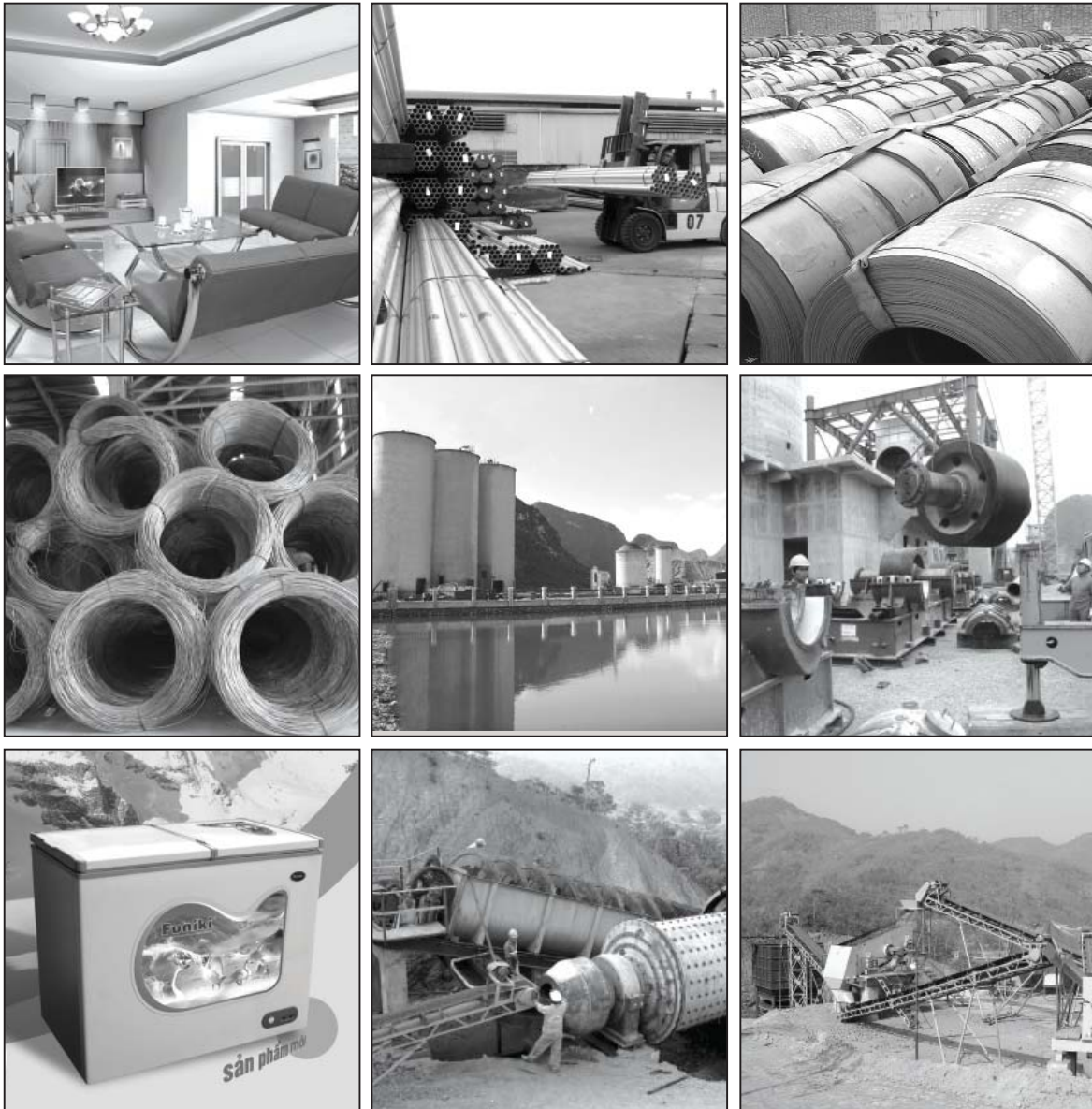




Với xuất phát điểm từ Công ty TNHH Thiết bị phụ tùng, trong một thời gian ngắn, Hòa Phát liên tục tìm kiếm cơ hội và phát triển thành Tập đoàn với các nhánh kinh doanh chiếm lĩnh thị phần hàng đầu trên thị trường như thép xây dựng, ống thép, thiết bị xây dựng và nội thất. Tận dụng thế mạnh từ khả năng chủ động nguồn phôi thép, thép xây dựng Hòa Phát giữ vững vị trí thứ 5 trên toàn quốc. Ống thép Hòa Phát và Nội thất vẫn phòng liên tục khẳng định vị trí số một trên thị trường. Bên cạnh đó, chiến lược phát triển theo chiều dọc đem đến lợi thế từ quy mô và quy trình sản xuất khép kín. Đội ngũ lãnh đạo giàu kinh nghiệm đặc biệt trong quản trị giá thành và phòng ngừa rủi ro là yếu tố cơ bản giúp Hòa Phát phát triển bền vững với tỷ suất lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu bình quân trong 3 năm vừa qua đạt 19%.



TẬP TRUNG SẢN XUẤT  
CÁC NGÀNH HÀNG CỐT LÕI,  
PHÁT TRIỂN SẢN PHẨM MỚI,  
TẠO GIÁ TRỊ GIA TĂNG CHO KHÁCH HÀNG



Hòa Phát luôn tập trung gia tăng giá trị đối với sản phẩm cốt lõi. Sản phẩm thép xây dựng chiếm 54% lợi nhuận sau thuế, kể từ năm 2009, sẽ được tăng công suất từ 250 nghìn tấn/năm lên 600 nghìn tấn/năm với công nghệ tiên tiến nhất hiện nay tại Việt Nam. Với công suất và công nghệ đó, Hòa Phát sẽ trở thành một trong những nhà sản xuất thép hàng đầu, cũng như nhà sản xuất đầu tiên tại Việt Nam cung cấp thép D55 phục vụ các công trình cầu cống, nhà cao tầng. Sản phẩm Ống thép Hòa Phát cũng có nhiều cải tiến với nhiều chủng loại mới ra đời thay thế cho sản phẩm nhập khẩu, nổi bật là ống thép có đường kính 141.3-219.1 mm lớn được sản xuất tại Việt Nam. Bên cạnh đó, Tập đoàn đang nỗ lực tạo lập nền tảng bền vững cho các lĩnh vực kinh doanh mới như xi măng, khoáng sản. Xi măng Hòa Phát đang chuẩn bị mọi nguồn lực cho việc vận hành thiết bị và ra lò những mẻ xi măng đầu tiên vào Quý III năm 2009 được sản xuất với công nghệ hiện đại của Cộng hòa liên bang Đức. Hòa Phát luôn hiểu rằng tạo ra giá trị gia tăng ngày càng lớn cho khách hàng chính là cốt lõi cho sự phát triển bền vững.

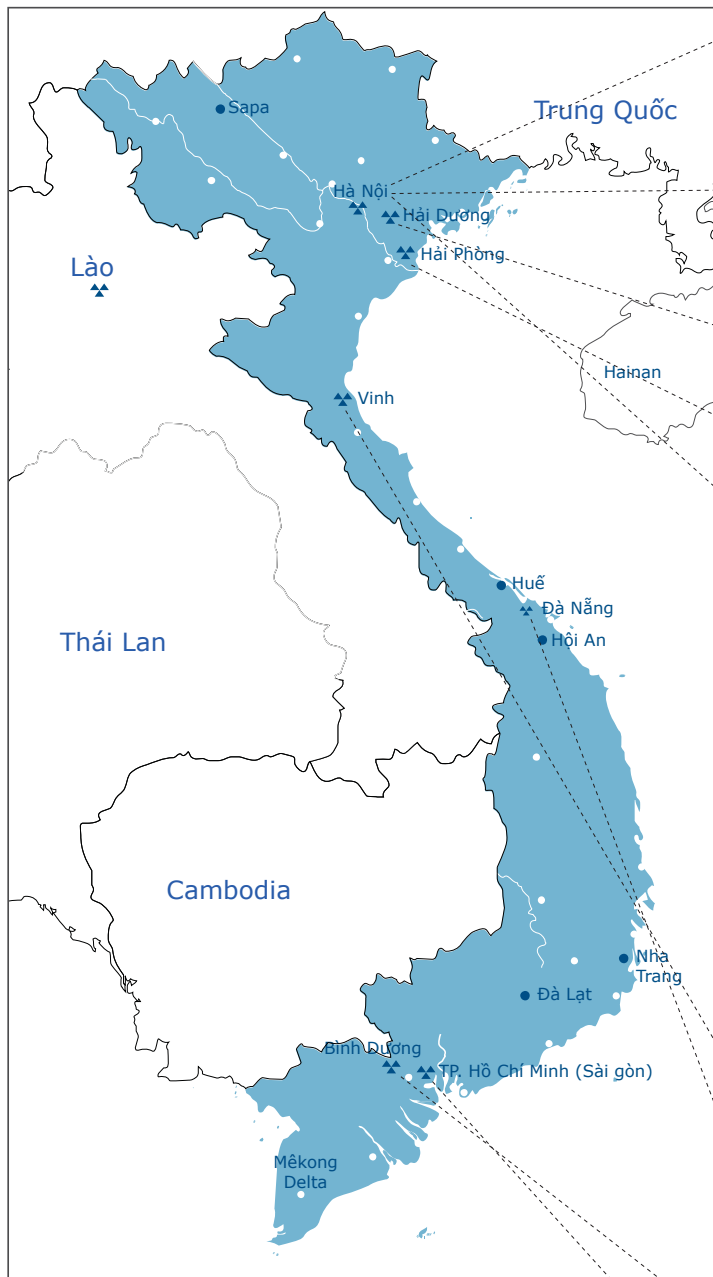




ĐỘ BAO PHỦ CỦA THƯƠNG HIỆU HÒA PHÁT  
NGÀY CÀNG RỘNG LỚN VỚI MẠNG LƯỚI  
PHÂN PHỐI SÂU RỘNG, THỊ PHẦN VỮNG CHẮC  
VÀ KHÔNG NGỪNG PHÁT TRIỂN



## TẬP ĐOÀN HÒA PHÁT MẠNG LƯỚI RỘNG KHẮP TRÊN CẢ NƯỚC



### Hà Nội

#### Trụ sở chính:

- Cty TNHH Thiết bị Phụ tùng Hòa Phát
- Cty TNHH Ống thép Hòa Phát
- Cty TNHH Thương mại Hòa Phát

#### Chi nhánh:

- Cty CP Tập đoàn Hòa Phát
- Cty CP Nội thất Hòa Phát
- Cty TNHH Điện lạnh Hòa Phát

### TP Hải Dương

- Khu Liên hợp sản xuất Gang thép Hòa Phát

### Thành phố Hải Phòng

- Chi nhánh Cty CP Nội thất Hòa Phát

### Tỉnh Hưng Yên

#### Trụ sở chính:

- Cty CP Tập đoàn Hòa Phát
- Cty CP Nội thất Hòa Phát
- Cty TNHH Điện lạnh Hòa Phát
- Cty CP XD và Phát triển Đô thị Hòa Phát

#### Nhà máy:

- Mạng kinh doanh thép Tập đoàn: Nhà máy phối thép & Nhà máy cán thép
- Cty TBPT: NM chế tạo máy XD và khai thác mỏ
- Cty Nội thất: Khu LHSX nội thất tại Như Quỳnh và tại KCN Phố Nối A
- Cty Ống thép: Nhà máy ống thép & Nhà máy thép cán nguội

#### Khu công nghiệp, khu đô thị

- Cty XD & PTĐT: Khu CN Phố Nối A, Khu CN Đại Đồng & Khu Đô thị Phố Nối

### Tỉnh Nghệ An

- Chi nhánh Cty Nội thất

### Thành phố Đà Nẵng

- Chi nhánh: Cty Tập đoàn Hòa Phát (Mạng kinh doanh thép), Cty TNHH Thiết bị Phụ tùng, Cty Nội thất, Cty Ống thép, Cty Điện lạnh

### Tỉnh Bình Dương

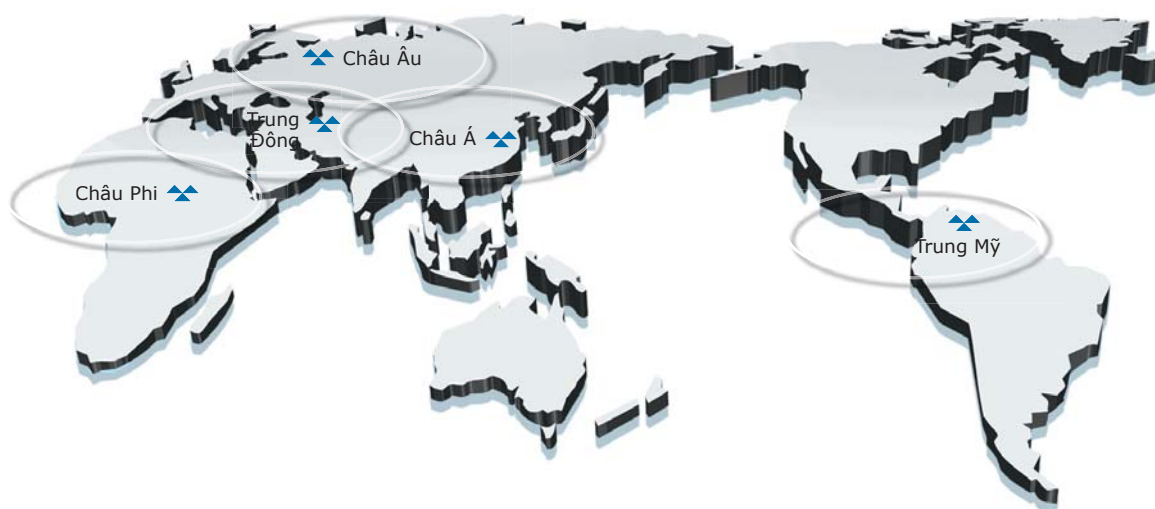
- Cty Thiết bị Phụ tùng: Nhà máy đúc

### Thành Phố Hồ Chí Minh:

- Chi nhánh: Cty Tập đoàn Hòa Phát (Mạng kinh doanh thép), Cty TNHH Thiết bị Phụ tùng, Cty Nội thất, Cty Ống thép, Cty Điện lạnh
- Nhà máy Nội thất tại Khu CN Cát Lái



Tăng cường năng lực của hệ thống phân phối luôn là ưu tiên hàng đầu của Tập đoàn. Hiện Hòa Phát đã thiết lập được mạng lưới đại lý rộng khắp ở các tỉnh phía Bắc và từng bước đẩy mạnh thị trường miền Trung, miền Nam. Thị trường xuất khẩu của Hòa Phát gồm: Trung Đông, Anh, Nga, Ukraina, Nhật Bản, Lào, Campuchia, Philippines, Panama và các nước châu Phi... Với mạng lưới phân phối rộng khắp và hiệu quả, thương hiệu Hòa Phát đang không ngừng mở rộng độ bao phủ trên thị trường trong nước và thế giới, tăng thị phần và củng cố thương hiệu.





CÔNG NGHỆ CỦA HÒA PHÁT LÀ  
ĐÒN BẦY VÌ SỰ PHÁT TRIỂN  
HÀI HÒA VÀ BỀN VỮNG





Trong năm 2009, Hòa Phát sẽ đưa vào vận hành 2 dự án lớn là Khu Liên hợp sản xuất Gang thép Hòa Phát và Dự án Xi măng Hòa Phát (1 triệu tấn giai đoạn I) với công nghệ hướng tới sự thân thiện với môi trường. Bên cạnh đó, việc kiểm soát tốt chất lượng môi trường và hạ tầng kỹ thuật tại Khu công nghiệp Phố nổi A tạo điều kiện thuận lợi cho việc thu hút đầu tư và tạo sự yên tâm cho các doanh nghiệp khi hoạt động trong khu công nghiệp về lâu dài. Phương châm hoạt động của Hòa Phát kết hợp hài hòa lợi ích của doanh nghiệp, khách hàng và xã hội. Công nghệ giúp Hòa Phát mang đến những giá trị sống đích thực.







# LỊCH SỬ HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

## 1. 17 NĂM THÀNH CÔNG VÀ THÁCH THỨC

Năm 1992, Công ty Thiết bị Phụ tùng Hòa Phát là Công ty đầu tiên mang thương hiệu Hòa Phát được thành lập, chuyên kinh doanh máy móc, thiết bị xây dựng vừa và nhỏ, máy khai thác đá, với vốn điều lệ khởi điểm 500 triệu đồng.



Năm 1995, Công ty CP Nội thất Hòa Phát được thành lập với chức năng hoạt động như một Công ty Thương mại chuyên phân phối các sản phẩm nội thất nhập ngoại tại Việt Nam. Trên cơ sở kinh nghiệm, tích lũy vốn và đánh giá thị trường, năm 1997, Công ty quyết định nhập khẩu máy móc, công nghệ để đầu tư sản xuất sản phẩm nội thất trong nước.



Năm 1996, Công ty TNHH Ống thép Hòa Phát là Công ty thứ 3 được ra đời sau những thành công vượt bậc của 2 thành viên trước. Sản phẩm chính của Công ty là các loại ống thép đen hàn và các loại ống mạ kẽm dùng cho dân dụng và công nghiệp. Hiện nay, Công ty là nhà sản xuất ống thép lớn nhất Việt Nam.



Năm 2000, Công ty CP Thép Hòa Phát được thành lập nhằm thực hiện dự án xây dựng nhà máy Cán thép. Đến năm 2002 Dự án đi vào hoạt động với công suất 250.000 tấn/năm. Năm 2004 Công ty tiếp tục cho ra đời một Nhà máy sản xuất Phôi thép với công suất 180.000 tấn phôi/năm.



Năm 2001, Công ty TNHH Điện lạnh Hòa Phát và Công ty CP Xây dựng và Phát triển đô thị Hòa Phát được thành lập. Điện lạnh chuyên sản xuất các mặt hàng điện lạnh và điện gia dụng mang nhãn hiệu FUNIKI trong khi đó XD và PTĐT chuyên hoạt động trong lĩnh vực xây dựng và kinh doanh hạ tầng KCN và khu đô thị.



Năm 2004, Công ty cuối cùng mang thương hiệu Hòa Phát trước khi chuyển đổi thành Tập đoàn được ra đời là Công ty TNHH Thương mại Hòa Phát. Công ty ra đời với chức năng kinh doanh thương mại các mặt hàng về thép.



Năm 2007, Công ty CP Thép Hòa Phát đã thực hiện chuyển đổi thành Công ty CP Tập đoàn Hòa Phát, tái cấu trúc thành công ty mẹ nắm giữ 06 Công ty thành viên gồm: TBPT Hòa Phát, Nội thất Hòa Phát, Ống thép Hòa Phát, Điện lạnh Hòa Phát, Thương mại Hòa Phát và XD & PTĐT Hòa Phát.



Tháng 4 2007, Công ty Cổ phần Xi măng Hòa Phát khởi công xây dựng nhà máy Xi măng tại Hà Nam. Đây là Công ty liên kết trong đó Tập đoàn tham gia nắm giữ 50% vốn điều lệ.



Tháng 6 2007, Tập đoàn tiếp tục tham gia góp vốn thành lập 02 Công ty CP gồm Công ty CP Khoáng sản Hòa Phát với tỷ lệ tham gia 49% và Công ty CP Khai khoáng Hòa Phát – SSG với tỷ lệ tham gia góp vốn 40%.



Tháng 8 và 10/2007,  
Tập đoàn đã thành lập  
thêm 02 công ty thành viên  
là Công ty CP Thép Hòa Phát và  
Công ty CP Thép cán tấm Kinh  
Môn, với tỷ lệ góp vốn 85% trên  
tổng số vốn điều lệ của mỗi  
Công ty.



Tháng 11/2007, Tập đoàn  
niêm yết cổ phiếu trên thị trường  
Chứng Khoán Việt Nam, đứng  
trong 10 công ty có giá trị vốn hóa  
lớn nhất tại HOSE.



Năm 2008, Tập đoàn thực  
hiện tăng vốn điều lệ từ 1.320  
tỷ đồng lên 1.964 tỷ đồng và đồng  
thời thành lập thêm 01 thành viên  
mới là Công ty TNHH Hòa Phát Lào.



## 2. NHỮNG THÀNH TỰU NỔI BẬT



- ◇ Là Công ty đầu tiên ở Việt Nam chuyên về kinh doanh sản xuất thiết bị xây dựng và thiết bị nghiền sàng đá với quy mô lớn
- ◇ Là Nhà phân phối độc quyền cho các nhà sản xuất thiết bị xây dựng hàng đầu thế giới như: MIKASA, AIRMAN, DAISIN, KOSHIN, VITO, DIMAS, FIAC
- ◇ Là Công ty có thị phần số 1 về nội thất văn phòng tại Việt Nam.
- ◇ Là Nhà sản xuất ống thép hàng đầu và duy nhất ở Việt Nam cho các chủng loại Ống thép có đường kính lớn
- ◇ Nhà máy sản xuất Ống thép có công suất lớn nhất Việt Nam.
- ◇ Nhà sản xuất các sản phẩm điện lạnh và điện gia dụng mang thương hiệu Funiki, với tỷ lệ nội địa hóa cao nhất Việt Nam.



- ◇ Là Công ty có thị phần thép về xây dựng lớn thứ 2 tại Miền Bắc



- ◇ Là Công ty nằm trong nhóm Top 10 công ty có giá trị vốn hóa lớn nhất HOSE

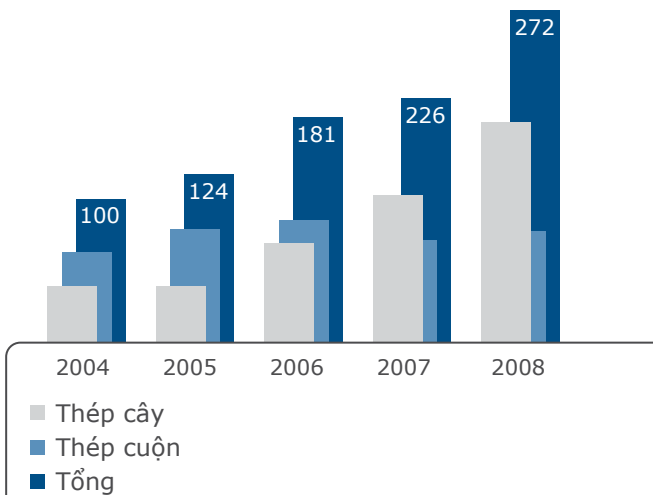
## CÁC CÔNG TY THÀNH VIÊN

### I. THÉP HÒA PHÁT

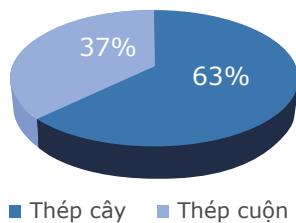
#### 1. CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HÒA PHÁT

2008 là một năm đầy thành công của Thép xây dựng Hòa Phát. Kết thúc năm 2008, sản lượng tiêu thụ đạt 271.731 tấn, vượt 8% so với kế hoạch 250.000 tấn, tăng 20% so với năm 2007. Thị phần cả năm trên toàn quốc đã tăng từ 6.5% lên 8.6%.

**Sản lượng thép tiêu thụ  
(Đơn vị: Nghìn Tấn)**



**Tỷ trọng tiêu thụ sản phẩm năm 2008**



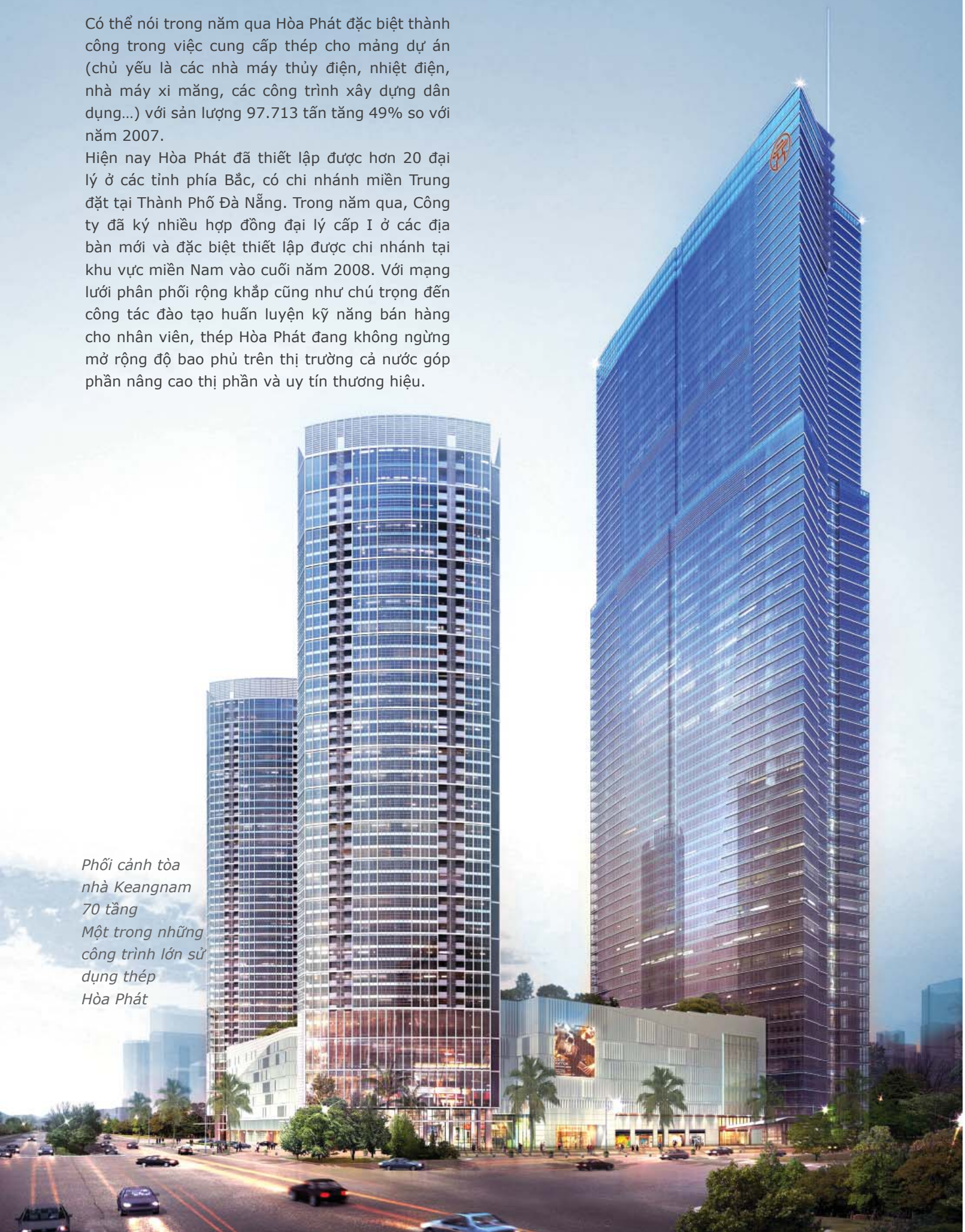
Trong 7 tháng đầu năm 2008, kết quả kinh doanh của thép xây dựng thật sự ấn tượng, tiêu thụ 165.879 tấn, tăng 150% so với cùng kỳ năm ngoái chiếm khoảng 61% sản lượng tiêu thụ cả năm. Đặc biệt riêng tháng 12, sản lượng đạt kỷ lục với 33.600 tấn chiếm hơn 12% sản lượng tiêu thụ cả năm.



Có thể nói trong năm qua Hòa Phát đặc biệt thành công trong việc cung cấp thép cho mảng dự án (chủ yếu là các nhà máy thủy điện, nhiệt điện, nhà máy xi măng, các công trình xây dựng dân dụng...) với sản lượng 97.713 tấn tăng 49% so với năm 2007.

Hiện nay Hòa Phát đã thiết lập được hơn 20 đại lý ở các tỉnh phía Bắc, có chi nhánh miền Trung đặt tại Thành Phố Đà Nẵng. Trong năm qua, Công ty đã ký nhiều hợp đồng đại lý cấp I ở các địa bàn mới và đặc biệt thiết lập được chi nhánh tại khu vực miền Nam vào cuối năm 2008. Với mạng lưới phân phối rộng khắp cũng như chú trọng đến công tác đào tạo huấn luyện kỹ năng bán hàng cho nhân viên, thép Hòa Phát đang không ngừng mở rộng độ bao phủ trên thị trường cả nước góp phần nâng cao thị phần và uy tín thương hiệu.

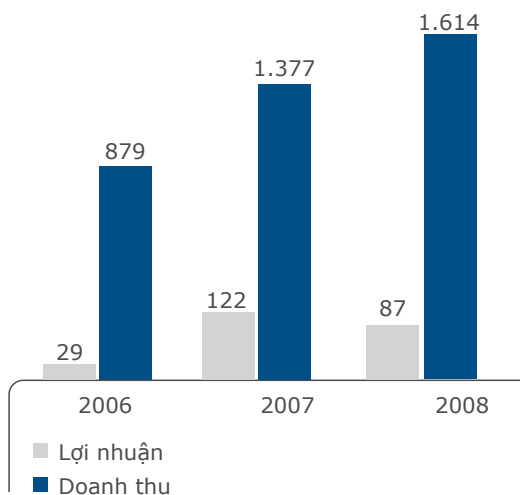
*Phối cảnh tòa  
nhà Keangnam  
70 tầng  
Một trong những  
công trình lớn sử  
dụng thép  
Hòa Phát*



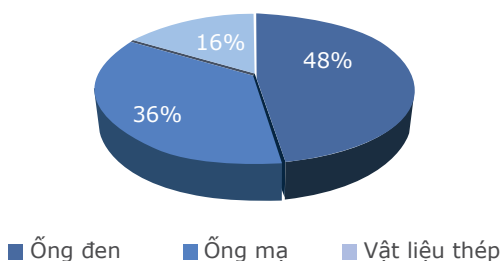
## 2. CÔNG TY TNHH ỐNG THÉP HÒA PHÁT

Năm 2008 Ống thép Hòa Phát tiếp tục khẳng định vị thế số 1 của mình trước bối cảnh khó khăn chung của khủng hoảng kinh tế. Thị phần ống thép mạ kẽm vẫn chiếm giữ 40% thị trường, ống thép đen vẫn giữ ở mức ổn định chiếm khoảng 18% thị phần. Doanh thu thuần năm 2008 đạt khoảng 1.604 tỷ đồng, vượt 17% so với năm 2007 hoàn thành tốt doanh số và lợi nhuận mà Ban lãnh đạo Tập đoàn giao cho.

**Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, lợi nhuận sau thuế qua từng năm (Tỷ đồng)**



**Tỷ trọng doanh thu theo sản phẩm 2008**



Để đánh dấu những thành tựu đạt được trong năm qua không thể không kể đến một số chủng loại ống mới (chủ yếu là cỡ lớn) – được sản xuất nhằm thay thế cho việc nhập khẩu trước đây. Tháng 12/2008, Công ty Ống thép Hòa Phát vinh dự được nhận giải thưởng “Thương Hiệu Nổi Tiếng” do Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI) bình chọn.



Nhằm đáp ứng tốt hơn nữa nhu cầu của khách hàng cũng như tiềm lực phát triển, Công ty tiếp tục đầu tư mở rộng 20.000 m<sup>2</sup> nhà xưởng và 4 dàn máy sản xuất ống mới nhằm đa dạng hóa sản phẩm. Với việc đầu tư nhà xưởng và máy móc thiết bị như trên Công ty dự kiến sẽ nâng tổng sản lượng Ống thép lên 100.000 tấn/năm.

Dự kiến trong năm 2009 sẽ xây dựng nhà máy ống thép tại Khu công nghiệp Sóng Thần, Bình Dương. Hoàn thiện nhà máy sẽ tiết kiệm 15 đến 20 tỷ đồng tiền vận chuyển ống thép từ Bắc vào Nam 1 năm, và nâng tổng công suất lên đến 150.000 nghìn tấn 1 năm.

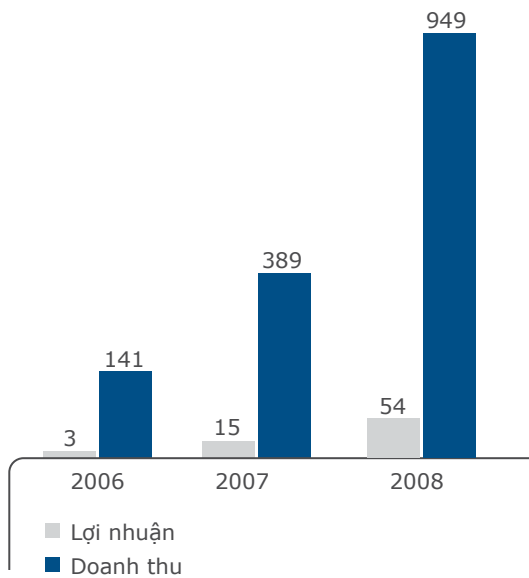


Năm 2009 sẽ là năm đầy thách thức, Ban Giám đốc cùng toàn thể CBCNV Công ty Ống thép Hòa Phát quyết tâm hoàn thành nhiệm vụ của Tập đoàn giao cho, biến thách thức thành cơ hội để Ống thép Hòa Phát tiếp tục giữ vững ngôi vị số 1 trên thị trường.

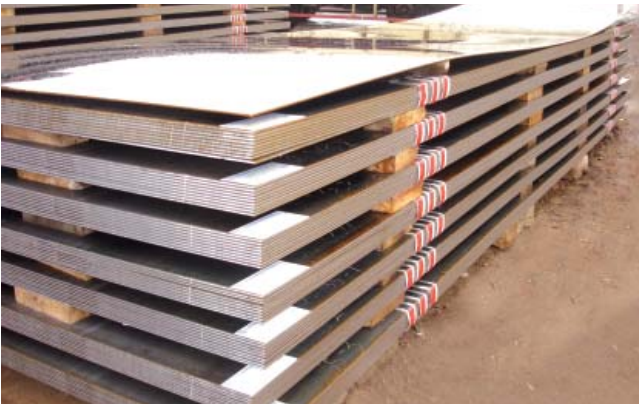
### 3. CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI HÒA PHÁT

Năm 2008, một năm đầy thành công trong việc mở rộng quy mô hoạt động, nâng cao thị phần cũng như điều tiết được sự biến động lên xuống không ngừng của giá cả. Thương mại Hòa Phát đã đẩy mạnh mảng kinh doanh mặt hàng thép tấm phục vụ cho sản xuất kết cấu thép, đóng tàu và phôi thép phục vụ cho các nhà máy sản xuất phôi thép.

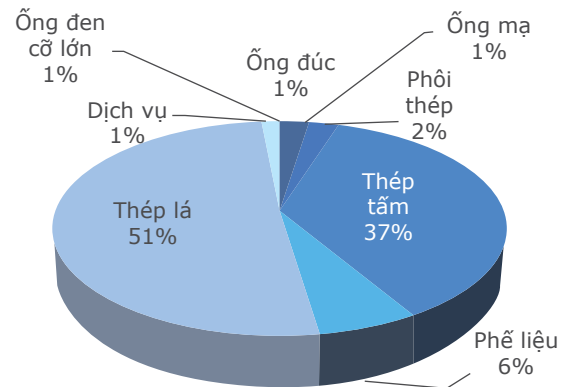
#### Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, lợi nhuận sau thuế qua từng năm (Tỷ đồng)



Cụ thể, doanh thu thuần năm 2008 đạt khoảng 942 tỷ đồng (trong đó 461 tỷ đồng được xuất khẩu sang thị trường Italy, Trung Đông, Indonesia, Ấn Độ, Thái Lan...) tăng 142% so với năm 2007. Lợi nhuận sau thuế năm 2008 đạt hơn 50 tỷ đồng, tăng 264% so với năm 2007 và vượt 149% so với kế hoạch.

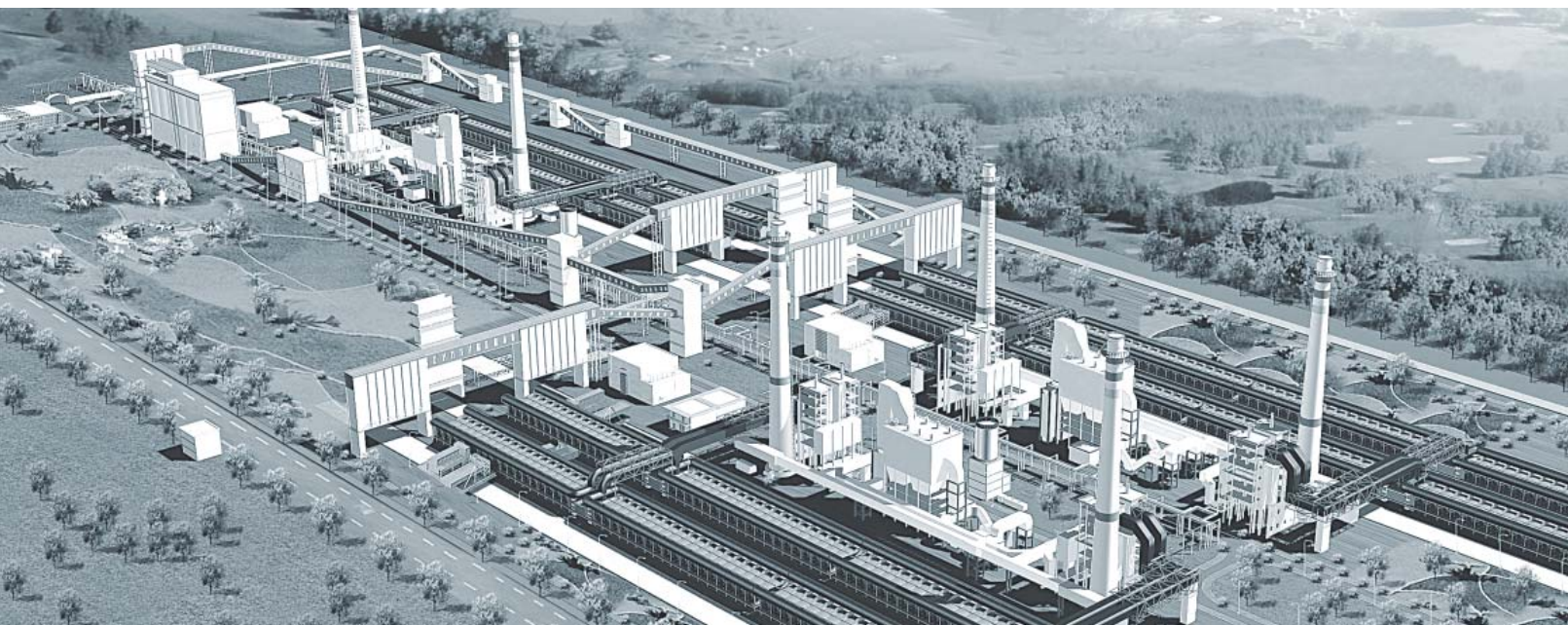


#### Tỷ trọng doanh thu theo sản phẩm 2008



Xác định trước cho mình những cơ hội và thách thức trong năm mới, Công ty Thương mại Hòa Phát sẽ tiếp tục mở rộng thị trường, đổi tượng khách hàng, tìm kiếm thêm nhiều nguồn hàng từ các nhà cung cấp khác, các sản phẩm mang tính thay thế hàng phổ thông nhưng có giá rẻ hơn để thỏa mãn nhu cầu của khách hàng.





#### 4. CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP HÒA PHÁT VÀ CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP CÁN TẤM KINH MÔN

##### **DỰ ÁN KHU LIÊN HỢP SẢN XUẤT GANG THÉP**

Công ty Cổ phần Thép Hòa Phát và Công ty Cổ phần Thép cán tấm Kinh Môn được thành lập năm 2007 nhằm thực hiện dự án xây dựng Khu Liên hợp sản xuất Gang thép Hòa Phát tại xã Hiệp Sơn, huyện Kinh Môn, tỉnh Hải Dương với tổng công suất là 700.000 tấn/năm trên diện tích 88ha. Đây là một trong số rất ít các Nhà máy có quy trình sản xuất thép hoàn chỉnh khép kín từ quặng sắt, tạo ra hàm lượng giá trị gia tăng qua từng công đoạn. Do đó, Công ty sẽ sản xuất thép Hòa Phát thành phẩm với lợi thế về giá trị vượt trội có sức cạnh tranh không những với sản phẩm trong nước mà còn với các sản phẩm của các nước Đông Nam Á, Trung Quốc và thế giới.

Giai đoạn I 350.000 tấn/năm của dự án đang trong giai đoạn hoàn thiện với mục tiêu chạy thử và ra sản phẩm đầu tiên trong năm 2009. Cụ thể hạng mục nhà máy cán và thiết bị phụ trợ sẽ được chạy thử vào tháng 07/2009, và tháng 08-09/2009 sẽ chạy thử toàn bộ thiết bị dây chuyền thiêu kết - luyện gang - luyện thép.

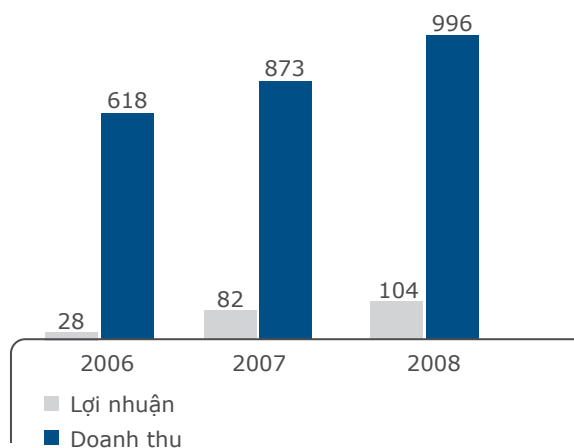


## II. HÀNG GIA DỤNG

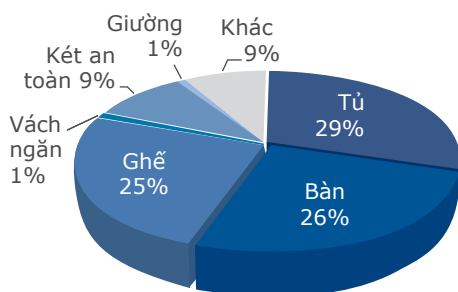
### 1. CÔNG TY CỔ PHẦN NỘI THẤT HÒA PHÁT

Công ty Cổ phần Nội thất Hòa Phát kết thúc năm 2008 thành công với kết quả tăng trưởng 14% so với năm 2007, doanh thu thuần đạt 960 tỷ đồng (trong đó kim ngạch xuất khẩu đạt gần 2 triệu USD vượt 16% so với kế hoạch đề ra). Trải qua một năm đầy khó khăn và biến động của nền kinh tế, Nội thất Hòa Phát vẫn đạt được nhiều bước tiến quan trọng và giữ vững thương hiệu nội thất hàng đầu tại Việt Nam.

**Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, lợi nhuận sau thuế qua từng năm (Tỷ đồng)**



**Tỷ trọng doanh thu theo sản phẩm 2008**



Trong năm qua, không thể không nhắc đến sự tích cực đầu tư cơ sở hạ tầng, mở rộng sản xuất, trang bị máy móc hiện đại cho một số nhà máy trong Công ty. Áp dụng hiệu quả hệ thống ISO 9001:2000 do tổ chức WQA do vương quốc Anh chứng nhận. Thành công trong việc kiểm soát chất lượng, mở rộng hệ thống phân phối và phát triển thị trường miền Trung và miền Nam, tham gia tích cực vào các hoạt động

marketing. Đặc biệt Công ty đã thành công khi tung ra thị trường hàng loạt sản phẩm mới nhanh chóng được khách hàng đón nhận và đánh giá cao (sản phẩm gỗ công nghiệp Newtrend, sản phẩm nội thất bằng Inox,...). Ghi nhận biểu dương thành tích trên, Công ty đã vinh dự nhận được nhiều chứng nhận danh vị và các giải thưởng uy tín như: Hàng Việt Nam Chất Lượng Cao, TOP Dẫn Đầu Ngành Hàng, Thương Hiệu Nổi Tiếng, Chứng nhận VNR500.



Nhận biết được những khó khăn trước mắt, Công ty sẽ xây dựng cho mình một chiến lược cụ thể phù hợp với từng giai đoạn. Tiếp tục phát triển các dòng sản phẩm mới phù hợp với nhu cầu khách hàng và trọng điểm phát triển dòng hàng cao cấp, củng cố và giữ vững thị trường miền Bắc, đẩy mạnh phát triển thị trường miền Trung và miền Nam. Phát triển hệ thống đại lý thành các nhà phân phối nội thất chuyên nghiệp theo hướng xây dựng mô hình "cửa hàng tiêu chuẩn".

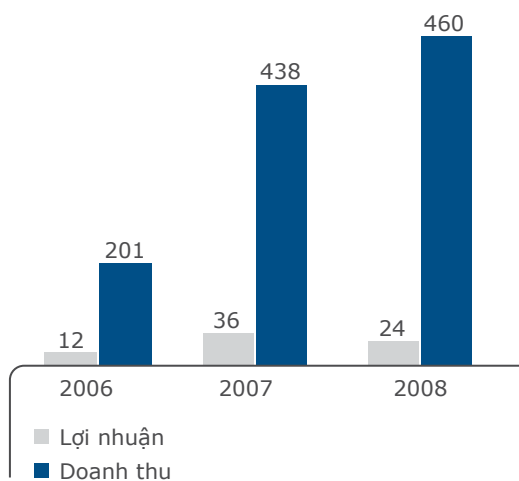


## 2. CÔNG TY TNHH ĐIỆN LẠNH HÒA PHÁT



Năm 2008 mặc dù chịu ảnh hưởng từ sự suy thoái của nền kinh tế thế giới kéo theo sức mua giảm sút đáng kể nhưng doanh thu thuần cả năm vẫn hết sức khả quan đạt 430 tỷ đồng tăng 6% so với năm 2007. Cũng trong năm 2008, Công ty vinh dự được nhận giải Sao Vàng Thủ Đô và vinh danh trong bảng xếp hạng 500 doanh nghiệp tư nhân lớn nhất Việt Nam (VNR 500)

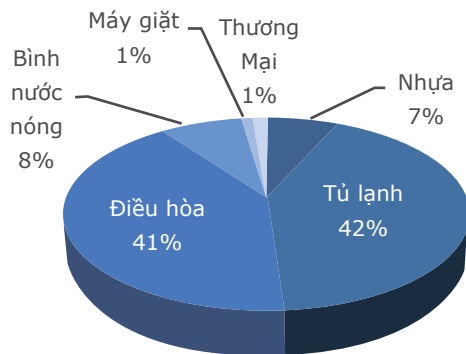
**Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, lợi nhuận sau thuế qua từng năm (Tỷ đồng)**



Để đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của thị trường, Công ty không ngừng nâng cao chất lượng, đa dạng hóa mẫu mã sản phẩm, cho ra đời một số model mới các sản phẩm điều hòa, bình nước nóng, tủ cấp đông và tủ bia mang thương hiệu Funiki. Bên cạnh đó, Công ty đặc biệt chú trọng đến công tác nâng cao chất lượng sản phẩm theo tiêu chuẩn quản lý

chất lượng mới nhất ISO 9001:2000 do tổ chức DNV Hà Lan cấp, cũng như các dịch vụ sau bán hàng. Bước sang những năm tiếp theo, để tiếp tục khẳng định vị thế số 1 về sản xuất mặt hàng điện tử trong nước, Công ty nhận thức rõ phải luôn luôn không ngừng tiến hành các hoạt động mở rộng và nâng cấp quy mô hệ thống đại lý hiện có, chú trọng mở rộng và phát triển hơn nữa thị trường miền Trung và miền Nam và tham gia tích cực vào các chương trình quảng bá thương hiệu sản phẩm.

**Tỷ trọng doanh thu theo sản phẩm 2008**

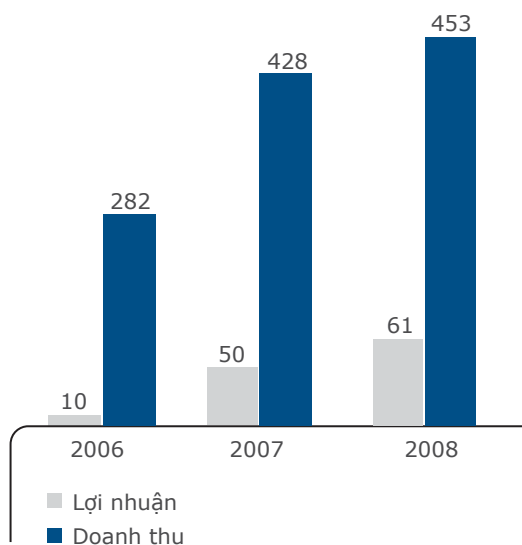


### III. XÂY DỰNG HÒA PHÁT

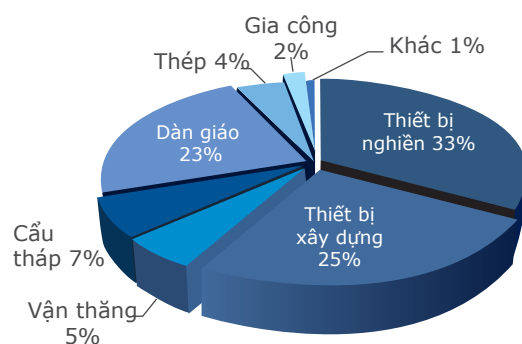
#### 1. CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ PHỤ TÙNG HÒA PHÁT

Năm 2008, Công ty vẫn tiếp tục duy trì được mức doanh thu thuần 453 tỷ đồng, Lợi nhuận sau thuế đạt 61 tỷ đồng vượt khoảng 22% so với năm 2007 đó là nhờ Công ty luôn chủ động tìm kiếm các nhà cung cấp mới có chất lượng và dịch vụ tốt, giá cả cạnh tranh để trở thành nhà phân phối độc quyền. Các mặt hàng thiết bị xây dựng (các loại máy nghiền, cầu tháp công suất lớn...) cũng được đa dạng hóa với một loạt sản phẩm mới. Bên cạnh đó, việc triển khai dịch vụ chăm sóc các đại lý ở các khu vực tiếp tục được duy trì và phát triển.

**Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, lợi nhuận sau thuế qua từng năm (Tỷ đồng)**



**Tỷ trọng doanh thu theo sản phẩm 2008**

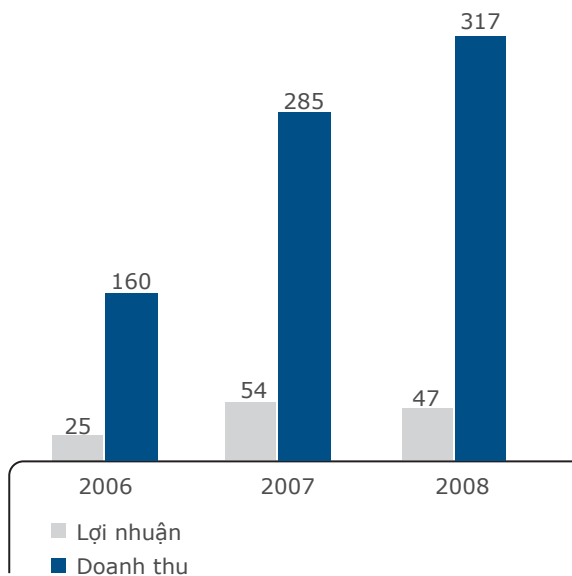


Năm 2009 được dự đoán là năm có môi trường kinh doanh hết sức khó khăn, để vững bước vượt qua giai đoạn khó khăn này Công ty dự kiến sẽ cho ra đời nhiều sản phẩm mới phù hợp với nhu cầu sử dụng và túi tiền của người Việt Nam. Đồng thời sẽ tích cực phối hợp với các nhà cung cấp thiết bị xây dựng tên tuổi trên thế giới tổ chức các buổi tập huấn về bán hàng, dịch vụ sau bán hàng cho các phòng kinh doanh và các trung tâm bảo hành của Công ty.

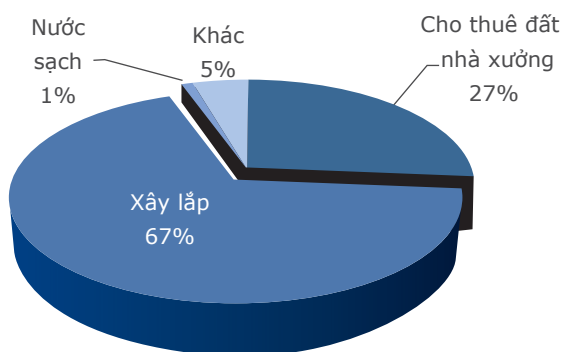
## 2. CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ HÒA PHÁT

Năm 2008 là một năm thành công của Công ty Cổ phần Xây dựng và Phát triển Đô thị Hòa Phát đặc biệt trong bối cảnh khó khăn chung của nền kinh tế. Doanh thu thuần năm 2008 của Công ty đạt 302 tỷ đồng tăng 6% so với năm 2007.

### Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, lợi nhuận sau thuế qua từng năm (Tỷ đồng)



### Tỷ trọng doanh thu theo sản phẩm 2008



Bước sang những năm tiếp theo, Công ty tiếp tục triển khai đầu tư xây dựng và kinh doanh nhiều dự án khu công nghiệp mới như Khu CN Hòa Mạc tại tỉnh Hà Nam với quy mô 131ha, dự án sẽ được khởi công vào



Quý III/2009 và bắt đầu kinh doanh từ Quý I/2010. Dự án mở rộng Khu CN Phố Nối A tại tỉnh Hưng Yên với quy mô 200 ha, dự kiến triển khai xây dựng vào năm 2010 và Dự án Khu CN Đại Đồng tại tỉnh Hưng Yên 300ha sẽ triển khai xây dựng vào năm 2011. Bên cạnh đó, hiện nay, Công ty cũng đang đẩy mạnh công tác chuẩn bị đầu tư triển khai nhiều dự án về nhà ở chung cư tại Thành phố Hà Nội và dự kiến sẽ khởi công trong Quý III năm 2009.



### 3. CÔNG TY TNHH HÒA PHÁT LÀO

Ngày 28/01/2008, Công ty TNHH Hòa Phát Lào được Bộ Kế hoạch và Đầu tư Lào cấp phép thành lập, với Vốn đăng ký là 3.000.000 (Ba triệu) Đôla Mỹ. Công ty đặt trụ sở tại thủ đô Viêng Chăn, với mục tiêu tìm kiếm, khảo sát, thăm dò mỏ quặng sắt và thực hiện các hoạt động đầu tư tại Lào. Trong năm qua, Hòa Phát Lào cũng bổ sung và hoàn thiện về nhân sự để đảm bảo các hoạt động đầu tư dự án tại đây.



Đồng thời, Hòa Phát sẽ tiếp tục thực hiện thiết kế, thi công xây dựng mặt bằng Nhà máy chế biến tinh quặng, lắp đặt thiết bị chế biến tinh quặng sắt với công nghệ tiên tiến nhất. Ngoài ra, Công ty cũng đang xin phép với Chính phủ Lào trong việc hợp tác với các đơn vị khác để đầu tư các dự án khai khoáng có tiềm năng tại Lào.

Có thể nói, các dự án đầu tư tại Lào đang được tiến hành với quyết tâm, nỗ lực và kỳ vọng cao nhất, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế xã hội các địa phương của Lào, đồng thời nâng tầm mối quan hệ tốt đẹp giữa hai nước Việt - Lào.



## CÁC CÔNG TY LIÊN KẾT

### 1. CÔNG TY CP XI MĂNG HÒA PHÁT



Công ty Cổ phần Xi măng Hòa Phát ra đời nhằm triển khai xây dựng Dự án xi măng có quy mô lớn với tổng công suất thiết kế đạt 3 triệu tấn/năm và tổng số vốn đầu tư lên đến 3.200 tỷ đồng. Dự án được chia làm 2 giai đoạn: (1) Vốn đầu tư 1.700 tỷ đồng với công suất 1 triệu tấn/năm, (2) Vốn đầu tư 1.500 tỷ đồng với công suất 2 triệu tấn/năm. Tại giai đoạn (2) sẽ triển khai hệ thống tuốc bin phát điện sử dụng khí thải nóng của lò nung để tạo ra nguồn điện có công suất 12MWA nhằm giảm chi phí về điện năng, giảm thiểu nồng độ bụi trong khí thải, đáp ứng các tiêu chuẩn về bảo vệ môi trường.

Giai đoạn (1) của Dự án đã khởi công từ tháng 04/2007, đến nay Xi măng Hòa Phát đang chuẩn bị mọi nguồn lực cho việc lắp đặt, vận hành thiết bị và ra lò những mẻ xi măng đầu tiên vào Quý III năm 2009. Giai đoạn (2) sẽ được khởi công ngay sau khi giai đoạn (1) của dự án hoàn thành và được đưa vào sử dụng. Dự án sẽ cung cấp các sản phẩm chính như: Xi măng Portland hỗn hợp PCB 40, PCB 50 chất lượng cao để phục vụ các công trình trọng điểm.



## 2. CÔNG TY CP KHOÁNG SẢN HÒA PHÁT VÀ CÔNG TY CP KHAI KHOÁNG HÒA PHÁT – SSG.

Công ty Cổ phần Khoáng sản Hòa Phát và Công ty Cổ phần Khai khoáng Hòa Phát - SSG được thành lập vào tháng 6 năm 2007 với nhiệm vụ tìm kiếm, khai thác nguyên liệu quặng sắt ở Việt Nam, Lào và một số khu vực lân cận. Từ số vốn điều lệ ban đầu là 20 tỷ đồng, sau hơn một năm phát triển, Công ty đã tăng vốn điều lệ lên 150 tỷ đồng nhằm thúc đẩy các hoạt động kinh doanh.



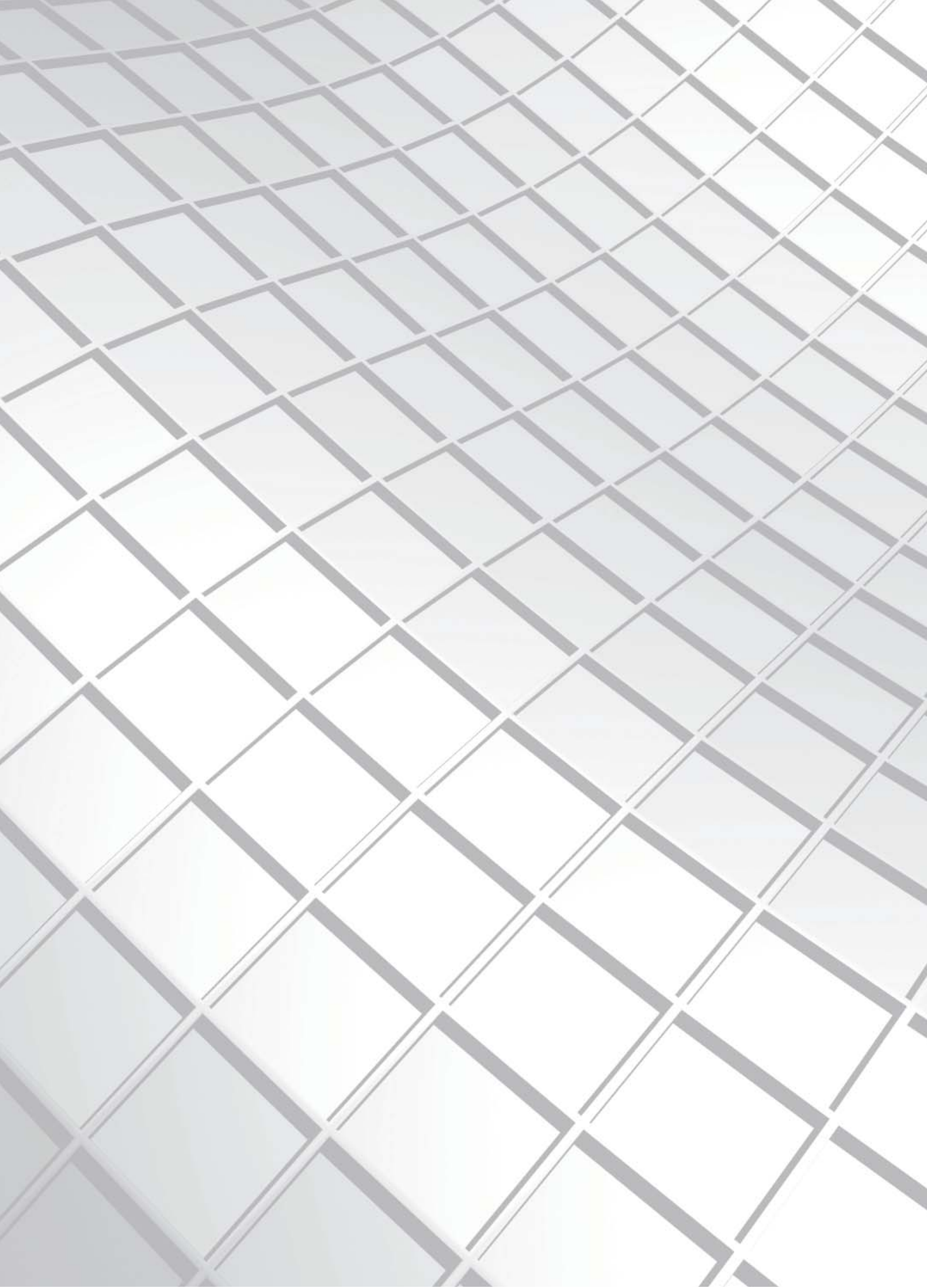
Ngoài các dự án đang tiến hành khảo sát và thăm dò tại các tỉnh miền Bắc, Công ty CP Khoáng sản Hòa Phát còn thực hiện các dự án dựa trên các hợp đồng hợp tác liên doanh. Cụ thể như dự án xây dựng Nhà máy chế biến quặng sắt Khả Cửu tại xóm Chuôi Hầm- huyện Thanh Sơn- Tỉnh Phú Thọ đã đi vào giai đoạn chạy thử máy thành công và cho ra sản phẩm đầu tiên. Hiện nay, Ban lãnh đạo và các CBCNV tại Nhà máy đang nỗ lực tiến hành hiệu chỉnh để đi vào sản xuất ổn định với công suất khai thác là 300.000 tấn/năm. Đây chính là dự án xây dựng nhà máy tiên phong của Công ty CP Khoáng sản Hòa Phát và cũng là dự án thúc đẩy các hoạt động đầu tư xây dựng nhà máy chế biến quặng sắt tại các tỉnh khác như Lào Cai, Hà Giang... Tại lĩnh vực đầu tư ra nước ngoài, Công ty đã được chính phủ nước CHDCND Lào đồng ý cấp phép cho dự án đầu tư xây dựng nhà máy tuyển quặng sắt với công suất 300.000 tấn/năm tại huyện Viêng Xay-Tỉnh Houaphan. Dự án này cũng



được Bộ Kế hoạch và Đầu tư cấp giấy chứng nhận đầu tư ra nước ngoài với pháp nhân là Công ty TNHH Khoáng sản Hòa Phát Lào có tổng vốn đầu tư lên tới 2.050.000 USD. Hiện tại, dự án này đang đi vào hoạt động tổ chức khoan thăm dò các thân quặng được khoan vùng cấp phép.

Năm 2009 dự kiến sẽ là năm trọng điểm trong các công tác đầu tư khai thác và cho ra các sản phẩm quặng sắt. Ban Giám đốc cùng toàn thể CBCNV Công ty CP Khoáng sản Hòa Phát quyết tâm thực hiện các nhiệm vụ được giao nhằm đáp ứng nguồn nguyên liệu phục vụ cho Khu Liên hợp Sản xuất Gang thép Hòa Phát ngày một vững mạnh hơn.





# NGHIÊN CỨU VÀ PHÁT TRIỂN (R&D)

## HƯỚNG TỚI SỰ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Tập đoàn Hòa Phát hiểu rằng nghiên cứu và phát triển (R&D) đóng vai trò nền tảng cho sự thành công lâu dài của doanh nghiệp, tăng cường năng lực cạnh tranh và gia tăng lợi nhuận. Để duy trì được vị thế dẫn đầu thị trường, Hòa Phát liên tục cải tiến công nghệ, đồng thời phát triển sản phẩm mới dựa trên công nghệ hiện đại để đáp ứng tối đa nhu cầu khách hàng. Về khía cạnh phát triển sản phẩm mới, R&D tập trung vào 4 lĩnh vực kinh doanh chủ yếu: ống thép, nội thất, thiết bị phụ tùng, điện lạnh...

### CẢI TIẾN CÔNG NGHỆ

#### **Phân xưởng Ống mạ Hòa Phát đã đưa ra cải tiến trong quy trình sản xuất**

CBCNV phân xưởng ống mạ (Công ty Ống thép) đã tiến hành tái thu hồi bụi kẽm ở dây chuyền mạ nhúng ống thép phục vụ tái sản xuất giúp cải thiện môi trường làm việc và tiết kiệm được chi phí sản xuất. Đồng thời, phân xưởng xây dựng hệ thống hút hơi axit nhằm đảm bảo sức khỏe cho người lao động, cải thiện môi trường, hạn chế tối đa sự ăn mòn hóa học do hơi axit đối với các thiết bị máy móc và nhà xưởng. Đặc biệt, phân xưởng đã áp dụng công nghệ tay truyền chuyển ống mạ giảm được tiêu hao kẽm lớn, đạt năng suất hiệu quả cao.

### PHÁT TRIỂN SẢN PHẨM MỚI

#### **Đa dạng hóa chủng loại ống thép, khẳng định vị thế số 1 trên thị trường**

Công ty Ống thép đã bổ sung thêm một số chủng loại ống mới, các loại ống cỡ lớn Ø141.3, Ø168.3, Ø219.1- dòng sản phẩm được thay thế cho việc nhập khẩu trước đây cũng như là loại ống thép có đường kính lớn nhất được sản xuất tại Việt Nam hiện nay và các loại ống vuông, chữ nhật kích cỡ: 100x100, 100x150, 100x200, 150x150. Đồng thời, Công ty cũng nâng độ dày các loại ống kích cỡ từ Ø48.1 - Ø113.5 lên 6.0mm. Nhờ những cải tiến này, ống thép Hòa Phát tiếp tục khẳng định vị thế số 1 trên thị trường.





1. Ghế làm từ Inox
2. Ghế ứng dụng màu sơn ánh bạc mới
3. Bàn giám đốc sơn PU cao cấp mẫu mới
4. Ghế lưới văn phòng
5. Sản phẩm Gỗ CN mới



### Tăng cường năng lực cạnh tranh trong lĩnh vực nội thất, giữ vững vị trí số 1 trên thị trường

Một trong những Công ty thuộc tập đoàn thực hiện R&D một cách bài bản là Công ty cổ phần Nội thất Hòa Phát. Công ty lập kế hoạch phát triển sản phẩm đến từng nhà máy cho mỗi giai đoạn cũng như xây dựng và thực hiện quy trình R&D hoàn chỉnh. Bên cạnh đó, Nội thất Hòa Phát thực hiện đánh giá sản phẩm mới định kỳ để R&D sát với thực tế nhu cầu thị trường do vậy đạt được nhiều kết quả khả quan.

#### Triển khai dòng sản phẩm bàn ghế làm từ Inox

Sản phẩm Inox của Hòa Phát được áp dụng quy trình sản xuất và kiểm tra tương đương với hàng xuất khẩu.

#### Ứng dụng màu sơn mới trên sản phẩm làm từ ống thép

Vừa qua, Công ty Nội thất Hòa Phát đã thử nghiệm thành công và áp dụng màu sơn ánh bạc mới trên các sản phẩm ghế làm từ ống thép. Tuy giá thành cao hơn nhưng Công ty vẫn áp dụng giá bán như màu sơn truyền thống, tạo nên sức cạnh tranh cho sản phẩm.

#### Thương mại hóa sản phẩm Bàn giám đốc sơn PU cao cấp mẫu mới

Sau một thời gian tìm kiếm và thử nghiệm màu sơn PU mới trên gỗ công nghiệp, Công ty Nội thất Hòa Phát đã ứng dụng thành công trên ba mẫu Bàn lãnh đạo sơn PU cao cấp mới nhãn hiệu Power.

#### Triển khai sản phẩm ghế lưới văn phòng

Với sản phẩm ghế lưới này, Nội thất Hòa Phát đang khai thác thêm một hướng đi mới trong phân khúc thị trường rất tiềm năng: giới trẻ Việt Nam.

#### Đưa ra thị trường dòng sản phẩm gỗ Công nghiệp mới

Sản phẩm được tung ra thị trường với nhãn hiệu NewTrend. Nội thất Hòa Phát đã áp dụng một loạt mẫu màu mới với những gam màu đang được coi là "thời trang" trên thị trường nội thất. Sản phẩm mang tính đột phá này được kỳ vọng giúp Nội thất Hòa Phát tăng thêm thị phần tại dòng hàng văn phòng.

### Khẳng định thương hiệu Thiết bị Phụ tùng Hòa Phát



Sản xuất thành công máy nghiền búa Model NBHP-1.2x1.6

Sản phẩm máy nghiền búa do Hòa Phát sản xuất có nhiều ưu điểm hơn các loại máy nghiền búa do các cơ sở gia công khác sản xuất như: công suất lớn, giá thành rẻ, dễ điều chỉnh kích thước hạt, thích ứng cho các loại đá độ cứng trung bình.



Máy sản xuất cát từ đá – Sản phẩm mới của Thiết bị Phụ tùng Hòa Phát

Máy nghiền cát công suất 70 - 120 tấn/h đáp ứng nhu cầu sử dụng cao của các công ty trong nước vốn phải nhập khẩu thiết bị này. Máy nghiền cát Hòa Phát có chất lượng tốt với giá thành cạnh tranh vì được nội địa hóa tới 90% và có kết cấu kỹ thuật tương đương máy Barmac (USA). Sản phẩm cũng có giá thành rẻ hơn so với máy nhập từ Trung Quốc. Đây là sản phẩm tiềm năng của Công ty.



Đưa vào sản xuất Model máy nghiền sàng công suất lớn nhất

Mới đây, Công ty Thiết bị Phụ tùng Hòa Phát đã bắt đầu đưa vào sản xuất loại máy nghiền côn Model NCHP - 1750 công suất khoảng 280 ÷ 480 tấn/giờ. Đây là loại máy nghiền công suất lớn nhất trên thị trường hiện nay, có nhiều ưu điểm hơn so với các loại máy thông thường đang có mặt trên thị trường, hoạt động ổn định và đạt năng suất cao, rất phù hợp với việc thi công các công trình lớn.

### Tiếp tục mở rộng thị phần điện lạnh

Thực hiện mục tiêu đa dạng hóa mẫu mã sản phẩm, đáp ứng tối đa nhu cầu của khách hàng, ngay trong mùa vụ năm 2008, Công ty Điện lạnh Hòa Phát giới thiệu đến người tiêu dùng thêm một dòng sản phẩm bình nước nóng Funiki với thiết kế và màu sắc hoàn toàn mới. Bình nước nóng Funiki được sản xuất trên dây chuyền công

nghệ thiết bị được đánh giá là hiện đại nhất tại Việt Nam. Sản phẩm được tráng men bằng công nghệ tráng men tĩnh điện tiên tiến nhất trên thế giới. Các linh kiện chính của bình như bộ điều khiển nhiệt, thanh đốt, van an toàn được nhập khẩu chính hãng từ các thương hiệu hàng đầu Châu Âu.





HÒA PHÁT

AN TOÀN LÀ TRÊN HẾT

HÒA PHÁT  
HP-VTL100

## CỘNG ĐỒNG

### CHIA SẺ VỚI CỘNG ĐỒNG, KẾT HỢP HÀI HÒA GIỮA LỢI ÍCH DOANH NGHIỆP VÀ XÃ HỘI

Với giá trị văn hóa giản dị “Hòa hợp và cùng Phát triển”, mục tiêu hoạt động của Tập đoàn Hòa Phát là phát triển sản xuất kinh doanh, góp phần chia sẻ với những số phận kém may mắn và nâng cao đời sống kinh tế xã hội. Đó cũng là truyền thống, là trách nhiệm xã hội của Tập đoàn với cộng đồng. Năm 2008, mặc dù phải đối phó với những khó khăn của bối cảnh khủng hoảng kinh tế toàn cầu, Hòa Phát vẫn rất tâm huyết với các hoạt động từ thiện cũng như các hoạt động cộng đồng. Năm 2008, Tập đoàn đã đóng góp cho các hoạt động xã hội khoảng 970 triệu đồng, tăng 70 triệu đồng so với năm 2007. Cùng với sự phát triển, mở rộng quy mô hoạt động, Hòa Phát luôn phấn đấu để đem lại lợi ích tốt nhất cho cộng đồng xã hội.



## ► TÂM HUYẾT VỚI HOẠT ĐỘNG TỪ THIỆN

### Chương trình “Áo ấm mùa đông”

Ngày 11/3/2008, đại diện Tập đoàn Hòa Phát đã cùng đoàn đại biểu Quỹ bảo trợ Trẻ em Việt Nam lên thăm và trao quà cho 500 trẻ em dân tộc thiểu số tại các tỉnh Cao Bằng, Lạng Sơn và Tuyên Quang. Đây là 3 địa phương chịu ảnh hưởng nặng nề nhất của đợt rét đậm, rét hại đầu năm 2008. Tổng số quà hỗ trợ bao gồm: 500 chiếc chăn len, 25 thùng quần áo mới (khoảng 1000 bộ quần, áo) cùng 10.000.000 đồng tiền mặt.

### Chương trình “Tết yêu thương”

Ngày 17/01/2009, tại chùa Pháp Vân (Hà Nội), Tập đoàn Hòa Phát đã trao quà Tết cho trẻ em CLB Hương Sen bị nhiễm và ảnh hưởng bởi HIV/AIDS trong chương trình “Tết yêu thương”. Đây là lần thứ 2 Tập đoàn tham gia tặng quà cho CLB.

Trong hai ngày 13 và 14 tháng 1 năm 2009, Tập đoàn Hòa Phát đã tổ chức chương trình tặng quà Tết bao gồm 100 suất quà với tổng trị giá 20 triệu đồng cho một số hộ nghèo tại tỉnh Hà Giang. Đây là hoạt động khởi đầu cho một loạt chương trình tặng quà Tết cho người nghèo của Tập đoàn Hòa Phát nhân dịp Tết Kỷ Sửu tại nhiều địa phương.

Tiếp theo hoạt động tặng quà tết cho người nghèo tại tỉnh Hà Giang, ngày 16/01/2009, Tập đoàn Hòa Phát tiếp tục trao tặng 50 suất quà trị giá 10.000.000 đồng cho các hộ gia đình đặc biệt khó khăn xã Sơn Thủy, huyện Văn Bàn, tỉnh Lào Cai.

Cùng thời gian này, Tập đoàn Hòa Phát cũng tiến hành trao tặng 60 suất quà Tết trị giá 12.000.000 đồng cho các gia đình nghèo tại Yên Bái và Phú Thọ; 100 suất quà Tết cho trẻ em nghèo thông qua Quỹ Bảo trợ trẻ em tỉnh Hưng Yên.



1



2



3



4

1. Trao quà cho các em tại Lạng Sơn
2. Trao quà cho trẻ em CLB Hương Sen
3. Trao quà cho đồng bào tại Hà Giang
4. Trao quà cho hộ nghèo tại Lào Cai

### Chia sẻ với đồng bào bị thiên tai

Đợt lũ quét tràn qua các tỉnh miền núi phía Bắc, Tập đoàn đã ủng hộ khẩn cấp 130 triệu đồng cho đồng bào chịu lũ tại Yên Bái và Lào Cai, Phú Thọ. Trong đợt mưa lớn gây úng lụt kỷ lục tại Hà Nội, hưởng ứng cuộc vận động của UBND TP Hà Nội và Mặt trận Tổ quốc Hà Nội, Tập đoàn đã ủng hộ 200 triệu đồng cho Quỹ Phòng Chống thiên tai nhằm khắc phục hậu quả, hỗ trợ nhân dân vùng bị ngập úng nặng khắc phục khó khăn, sớm ổn định đời sống và sinh hoạt.

### Tinh thần uống nước nhớ nguồn

Năm 2008, Chủ tịch HĐQT Trần Đình Long và lãnh đạo các công ty thành viên đã dành thời gian tới thăm bệnh xá Đặng Thùy Trâm và trao tặng quà cho các y bác sỹ tại đây.

### Các hoạt động xã hội tại Lào

Là một tập đoàn kinh tế đang triển khai dự án đầu tư tại Lào, Tập đoàn luôn trăn trở với các công tác xã hội nâng cao đời sống người dân tại đây. Vừa qua, tại Hội nghị Xúc tiến đầu tư vào HuaPhan và 4 tỉnh Bắc Lào, Hòa Phát đã ủng hộ 500 triệu đồng xây dựng trường học

hữu nghị cho tỉnh HuaPhan. Ngoài ra Tập đoàn cũng tích cực tham gia ủng hộ và tài trợ cho các hoạt động xã hội tại nước bạn Lào.

## ► TÍCH CỰC ỦNG HỘ HOẠT ĐỘNG THỂ THAO

Song song với các hoạt động từ thiện xã hội trên, năm qua Tập đoàn Hòa Phát cũng tham gia tích cực các hoạt động tài trợ cho các giải thi đấu thể thao phong trào tại các địa phương Hòa Phát đầu tư.

Ngoài ra, Tập đoàn tích cực đầu tư, cải tổ đội bóng đội bóng mang tên Hòa Phát. Năm 2008, Đội bóng tham gia giải Hạng nhất, đóng góp vào phong trào thể dục thể thao của xã hội.



1. Ủng hộ xây dựng trường học tại HuaPhan
2. Tài trợ giải đấu bóng bàn tại Văn Lâm, Hưng Yên
3. Cầu lạc bộ Bóng đá Hòa Phát







## MÔI TRƯỜNG

Tập đoàn Hòa Phát kinh doanh nhiều lĩnh vực, trong đó có một số lĩnh vực có tác động không nhỏ tới môi trường. Với đặc thù là một Tập đoàn sản xuất công nghiệp đa ngành phát triển bền vững, Hòa Phát đã sớm nhận ra tầm quan trọng của việc bảo vệ môi trường cũng như đưa mục tiêu bảo vệ môi trường lồng vào chiến lược kinh doanh của mình. Do vậy, Hòa Phát đã có những hành động thiết thực nhằm hạn chế những ảnh hưởng xấu đến môi trường, đảm bảo sự tăng trưởng bền vững của Tập đoàn.

### Khu công nghiệp

Một trong những hoạt động mang lại lợi nhuận cao cho mảng xây dựng và phát triển đô thị của Hòa Phát là kinh doanh hạ tầng Khu công nghiệp. Khu công nghiệp Phố Nối A là một ví dụ điển hình của Tập đoàn trong việc tuân thủ tốt các quy định của Nhà nước về bảo vệ môi trường. Đến nay, Khu công nghiệp Phố Nối A đã có 83 doanh nghiệp đăng ký đầu tư, trong đó có 73 doanh nghiệp đã đi vào hoạt động. Nhiều nhà máy của Tập đoàn cũng đặt tại Khu công nghiệp Phố Nối A như: Nhà máy Chế tạo Máy xây dựng và

Khai thác mỏ của Thiết bị Phụ tùng Hòa Phát, Nhà máy Phôi thép Hòa Phát, Nhà máy Điện lạnh Hòa Phát; Nhà máy ghế xoay, Nhà máy Gỗ Công nghiệp của Nội thất Hòa Phát... Do đó, công tác bảo vệ môi trường là rất cần thiết đối với bản thân Tập đoàn và các doanh nghiệp hoạt động tại đây. Việc quan trắc chất lượng môi trường định kỳ được KCN Phố Nối A tiến hành vào Quý II và Quý IV hàng năm nhằm duy trì sự phát triển bền vững và đảm bảo chất lượng môi trường chung của khu công nghiệp.



1



2

1. Ban Giám đốc Cty tham gia tết trồng cây
2. Khu xử lý nước thải KCN Phố Nối A

### Kết quả quan trắc chất lượng môi trường định kỳ tại KCN Phố Nối A và tại Nhà máy Phôi thép Hòa Phát nằm trong KCN

Kết quả quan trắc chất lượng môi trường tại Khu công nghiệp Phố Nối A do Viện Khoa học Vật liệu thuộc Viện Khoa học và Công nghệ Việt Nam thực hiện vào ngày 02/12/2008 cho thấy chất lượng môi trường tại đây đạt chuẩn quy định. Bên cạnh đó, Báo cáo kiểm soát môi trường định kỳ cũng đánh giá cao khu công nghiệp Phố Nối A trong việc áp dụng các biện pháp giảm thiểu ô nhiễm khác như vệ sinh đường giao thông trong khu công nghiệp thường xuyên, tăng cường trồng cây xanh (Khu công nghiệp đã thực hiện quy hoạch 12% diện tích là cây xanh)...

Hơn thế nữa, theo kết quả quan trắc chất lượng môi trường tại Nhà máy Phôi thép Hòa Phát do Trung tâm Phân tích & Môi trường, Viện Hóa học Công nghiệp Việt Nam tiến hành vào tháng 12/2008 vừa qua cho thấy: đối với tiêu chuẩn chất lượng không khí, nồng độ bụi lơ lửng và khí độc hại tại khu vực sản xuất của Nhà máy và khu vực xung quanh đều trong tiêu chuẩn cho phép. Về môi trường nước, mẫu nước thải sản xuất của Nhà máy và mẫu nước kênh tiếp nhận có các chỉ tiêu đã phân tích đạt tiêu chuẩn cho phép theo TCVN 5945-2005.

Sau khi Khu công nghiệp Phố Nối A đi vào hoạt động, Tập đoàn dự kiến xây dựng Khu công nghiệp Hòa Mạc tại Duy Tiên - Hà Nam vào Quý II năm 2009. Đến nay, Tập đoàn đã xây dựng báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án và được Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Nam phê duyệt. Những thành công trong việc kiểm soát chất lượng môi trường của Tập đoàn tại Khu công nghiệp Phố Nối A sẽ là những tiền đề vững chắc để Hòa Phát thực hiện tốt việc kiểm soát môi trường tại Khu công nghiệp Hòa Mạc khi Khu công nghiệp này đi vào hoạt động, tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động thu hút đầu tư vào Khu công nghiệp trong thời gian tới.

### Sản xuất xi măng

Sản xuất xi măng là lĩnh vực kinh doanh mới của Tập đoàn Hòa Phát. Nhà máy Xi măng sử dụng công nghệ hiện đại, có các biện pháp bảo vệ môi trường.

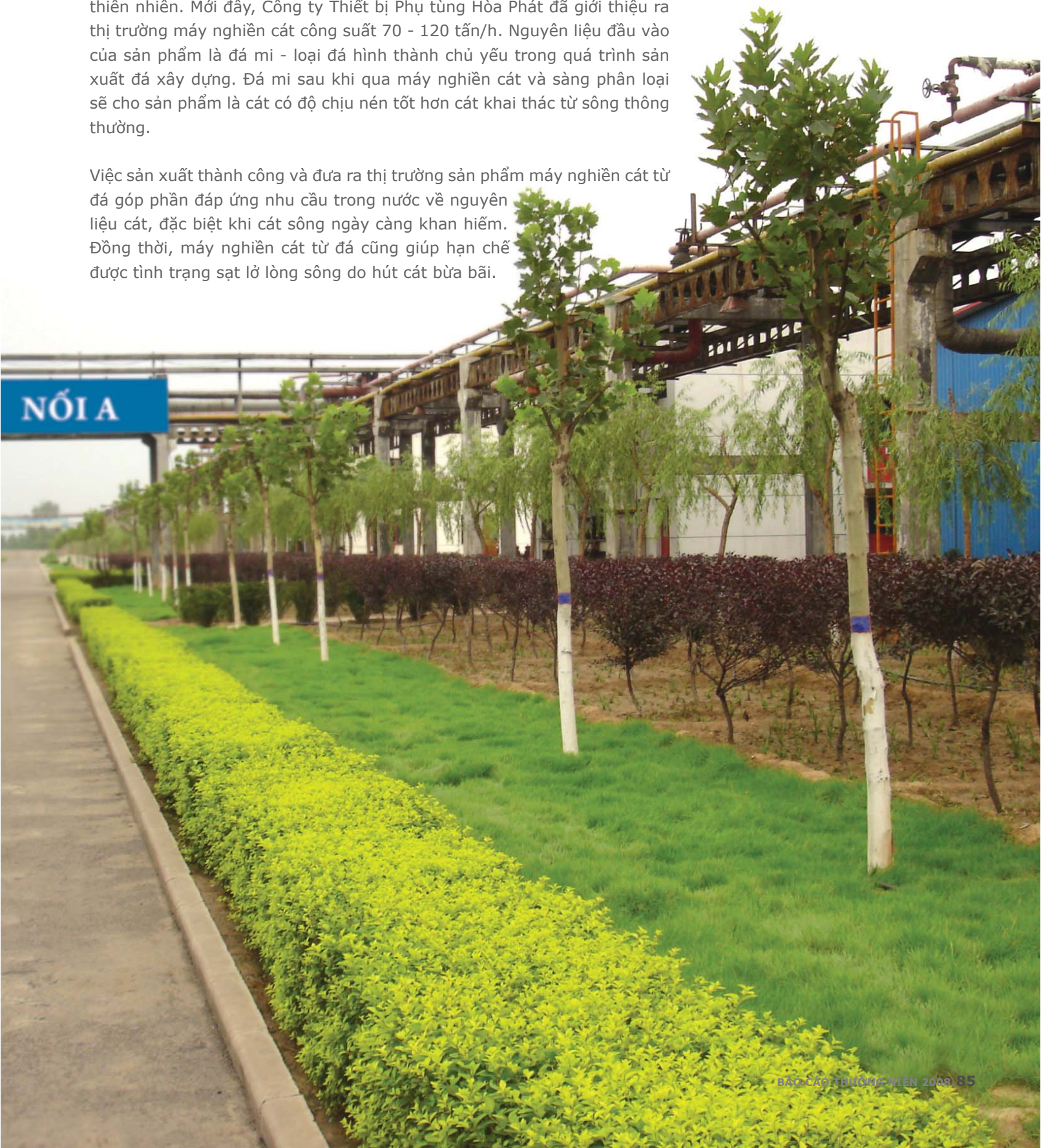
- Sử dụng các túi lọc bụi tại cửa đổ liệu, lọc bụi tĩnh điện tại khu vực có nhiệt độ cao nhằm hạn chế và đảm bảo về nồng độ bụi thải ra môi trường; khí thải đạt tiêu chuẩn nhỏ hơn 50mg bụi/m<sup>3</sup>; ống khói đảm bảo về nồng độ bụi và chiều cao phát thải.
- Xử lý nước thải: Nước thải tại Nhà máy Xi măng chủ yếu chỉ là nước thải sinh hoạt, văn phòng; trong dự án có quy hoạch và quy trình xử lý nước thải.
- Ngoài ra, dự án xi măng có nghiên cứu khả thi hạng mục nhà máy điện nhiệt dư. Ngoài việc tận dụng nguồn nhiệt sinh ra trong quá trình sản xuất xi măng để phát điện phục vụ sản xuất, sinh hoạt, nhà máy điện nhiệt dư có ý nghĩa đặc biệt quan trọng trong việc bảo vệ môi trường.



**Sản phẩm thân thiện với môi trường**

Bên cạnh việc bảo vệ môi trường trong hoạt động sản xuất, Hòa Phát cũng sản xuất những sản phẩm có tác dụng tích cực bảo vệ nguồn tài nguyên thiên nhiên. Mới đây, Công ty Thiết bị Phụ tùng Hòa Phát đã giới thiệu ra thị trường máy nghiền cát công suất 70 - 120 tấn/h. Nguyên liệu đầu vào của sản phẩm là đá mi - loại đá hình thành chủ yếu trong quá trình sản xuất đá xây dựng. Đá mi sau khi qua máy nghiền cát và sàng phân loại sẽ cho sản phẩm là cát có độ chịu nén tốt hơn cát khai thác từ sông thông thường.

Việc sản xuất thành công và đưa ra thị trường sản phẩm máy nghiền cát từ đá góp phần đáp ứng nhu cầu trong nước về nguyên liệu cát, đặc biệt khi cát sông ngày càng khan hiếm. Đồng thời, máy nghiền cát từ đá cũng giúp hạn chế được tình trạng sạt lở lòng sông do hút cát bừa bãi.



**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HÒA PHÁT**  
(Thành lập tại nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

**BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoà Phát (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008.

**HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC**

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

**Hội đồng Quản trị**

|                       |                                         |
|-----------------------|-----------------------------------------|
| Ông Trần Đình Long    | Chủ tịch                                |
| Ông Trần Tuấn Dương   | Phó Chủ tịch                            |
| Ông Nguyễn Mạnh Tuấn  | Phó Chủ tịch                            |
| Ông Doãn Gia Cường    | Phó Chủ tịch                            |
| Ông Nguyễn Ngọc Quang | Thành viên                              |
| Ông Chu Quang Vũ      | Thành viên                              |
| Ông Tạ Tuấn Quang     | Thành viên                              |
| Ông Hoàng Quang Việt  | Thành viên                              |
| Ông Chu Quân          | Thành viên (miễn nhiệm ngày 31/03/2008) |
| Ông Vũ Đức Sinh       | Thành viên (miễn nhiệm ngày 31/03/2008) |
| Bà Vũ Thị Ánh Tuyết   | Thành viên (miễn nhiệm ngày 31/03/2008) |
| Ông Nguyễn Việt Thắng | Thành viên (miễn nhiệm ngày 31/03/2008) |
| Ông Don Di Lâm        | Thành viên                              |
| Ông Lars Kjaer        | Thành viên (bỏ nhiệm ngày 9/6/2008)     |

**Ban Giám đốc**

|                     |                                              |
|---------------------|----------------------------------------------|
| Ông Trần Tuấn Dương | Tổng Giám đốc                                |
| Ông Chu Quang Vũ    | Phó Tổng Giám đốc                            |
| Ông Kiều Chí Công   | Phó Tổng Giám đốc (bỏ nhiệm ngày 02/04/2008) |

**TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất hàng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập các báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



**Trần Tuấn Dương**  
Tổng Giám đốc

Hưng Yên, ngày 17 tháng 3 năm 2009

Số: 84 /Deloitte-AUDHN-RE

## BÁO CÁO CỦA KIỂM TOÁN VIÊN

Kính gửi: **Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát**

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2008 cùng với các báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát (gọi tắt là “Công ty”) cho năm tài chính kết thúc cùng ngày. Các báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

### Trách nhiệm của Ban Giám đốc và Kiểm toán viên

Như đã trình bày trong báo cáo của Ban Giám đốc tại trang 1, Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập các báo cáo tài chính hợp nhất. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo tài chính hợp nhất này dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán.

### Cơ sở của ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng các báo cáo tài chính hợp nhất không có các sai sót trọng yếu. Công việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, trên cơ sở chọn mẫu, các bằng chứng xác minh cho các số liệu và các thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Chúng tôi cũng đồng thời tiến hành đánh giá các nguyên tắc kế toán được áp dụng và những ước tính quan trọng của Ban Giám đốc cũng như đánh giá về việc trình bày các thông tin trên báo cáo tài chính hợp nhất. Chúng tôi tin tưởng rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

### Khác biệt trong xử lý kế toán

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 6 phần Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất, tại ngày 31/12/2008, Công ty đã thực hiện đánh giá về giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho một cách thận trọng trên cơ sở nhận định giá bán hàng trong tương lai, giá vật tư mua vào tại ngày 31/12/2008 và ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh năm 2008 khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho với số tiền khoảng 179,6 tỷ đồng. Theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 02 - Hàng tồn kho, việc ước tính giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho phải dựa trên bằng chứng tin cậy thu thập được tại thời điểm ước tính. Trên cơ sở thông tin, tài liệu tại thời điểm lập báo cáo này, ước tính dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần trích lập là khoảng 54,6 tỷ đồng, theo đó, kết quả hoạt động kinh doanh năm 2008 bị phản ánh thấp hơn với số tiền khoảng 125 tỷ đồng.

**Ý kiến**

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ những điều chỉnh cần thiết do ảnh hưởng của vấn đề nêu trên, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2008 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.




---

**Đặng Chí Dũng**
**Phó Tổng Giám đốc**

Chứng chỉ Kiểm toán viên số Đ.0030/KTV

*Thay mặt và đại diện cho*
**CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM**
*Ngày 17 tháng 3 năm 2009*
*Hà Nội, CHXHCN Việt Nam*


---

**Phạm Nam Phong**
**Kiểm toán viên**

Chứng chỉ Kiểm toán viên số 0929/KTV

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT***Tại ngày 31 tháng 12 năm 2008***Mẫu B 01 - DN***Đơn vị tính: VND*

| TÀI SẢN                                                         | Mã số      | Thuyết minh | 31/12/2008               | 31/12/2007               |
|-----------------------------------------------------------------|------------|-------------|--------------------------|--------------------------|
| <b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b><br><b>(100=110+120+130+140+150)</b> | <b>100</b> |             | <b>3.849.009.101.068</b> | <b>3.135.512.550.218</b> |
| <b>I- Tiền và các khoản tương đương tiền</b>                    | <b>110</b> | <b>4</b>    | <b>510.218.287.249</b>   | <b>399.322.647.501</b>   |
| 1. Tiền                                                         | 111        |             | 253.418.287.249          | 193.322.647.501          |
| 2. Các khoản tương đương tiền                                   | 112        |             | 256.800.000.000          | 206.000.000.000          |
| <b>II- Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>                  | <b>120</b> | <b>5</b>    | <b>734.385.999.000</b>   | <b>266.000.000.000</b>   |
| 1. Đầu tư ngắn hạn                                              | 121        |             | 734.385.999.000          | 266.000.000.000          |
| <b>III- Các khoản phải thu ngắn hạn</b>                         | <b>130</b> |             | <b>720.175.258.324</b>   | <b>784.381.315.064</b>   |
| 1. Phải thu khách hàng                                          | 131        |             | 472.868.078.061          | 570.094.149.172          |
| 2. Trả trước cho người bán                                      | 132        |             | 197.654.672.523          | 217.069.003.458          |
| 3. Các khoản phải thu khác                                      | 135        |             | 58.930.709.844           | 4.784.002.625            |
| 4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi                           | 139        |             | (9.278.202.104)          | (7.565.840.191)          |
| <b>IV- Hàng tồn kho</b>                                         | <b>140</b> | <b>6</b>    | <b>1.820.239.669.743</b> | <b>1.580.078.042.688</b> |
| 1. Hàng tồn kho                                                 | 141        |             | 1.999.879.190.602        | 1.581.360.954.945        |
| 2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho                               | 149        |             | (179.639.520.859)        | (1.282.912.257)          |
| <b>V- Tài sản ngắn hạn khác</b>                                 | <b>150</b> |             | <b>63.989.886.752</b>    | <b>105.730.544.965</b>   |
| 1. Chi phí trả trước ngắn hạn                                   | 151        |             | 5.502.046.195            | 9.230.945.908            |
| 2. Thuế GTGT được khấu trừ                                      | 152        | 7           | 38.927.634.634           | 29.846.066.478           |
| 3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước                     | 154        | 7           | 3.914.401.984            | 4.232.952                |
| 4. Tài sản ngắn hạn khác                                        | 158        | 8           | 15.645.803.939           | 66.649.299.627           |
| <b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN</b><br><b>(200=210+220+240+250+260)</b>  | <b>200</b> |             | <b>1.790.365.447.257</b> | <b>1.621.282.269.054</b> |
| <b>I- Các khoản phải thu dài hạn</b>                            | <b>210</b> |             | <b>43.404.000</b>        | <b>239.429.372.500</b>   |
| 1. Phải thu dài hạn khác                                        | 218        |             | 43.404.000               | 239.429.372.500          |
| <b>II- Tài sản cố định</b>                                      | <b>220</b> |             | <b>1.265.421.455.951</b> | <b>950.048.782.543</b>   |
| 1. Tài sản cố định hữu hình                                     | 221        | 9           | 877.668.572.169          | 866.051.056.425          |
| - Nguyên giá                                                    | 222        |             | 1.439.883.857.293        | 1.256.775.162.733        |
| - Giá trị hao mòn lũy kế                                        | 223        |             | (562.215.285.124)        | (390.724.106.308)        |
| 2. Tài sản cố định thuê tài chính                               | 224        | 10          | 12.691.678.733           | 14.959.391.455           |
| - Nguyên giá                                                    | 225        |             | 16.488.423.548           | 19.396.289.198           |
| - Giá trị hao mòn lũy kế                                        | 226        |             | (3.796.744.815)          | (4.436.897.743)          |
| 3. Tài sản cố định vô hình                                      | 227        | 11          | 264.612.717.186          | 40.827.966.713           |
| - Nguyên giá                                                    | 228        |             | 270.155.360.706          | 44.522.327.623           |
| - Giá trị hao mòn lũy kế                                        | 229        |             | (5.542.643.520)          | (3.694.360.910)          |
| 4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang                              | 230        | 12          | 110.448.487.863          | 28.210.367.950           |
| <b>III- Bất động sản đầu tư</b>                                 | <b>240</b> | <b>13</b>   | <b>18.330.500.676</b>    | <b>7.206.963.211</b>     |
| 1. Nguyên giá                                                   | 241        |             | 23.370.512.967           | 9.429.464.991            |
| 2. Giá trị hao mòn lũy kế                                       | 242        |             | (5.040.012.291)          | (2.222.501.780)          |
| <b>IV- Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>                   | <b>250</b> |             | <b>380.605.806.896</b>   | <b>392.259.430.415</b>   |
| 1. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh                      | 252        | 15          | 380.585.806.896          | 192.239.430.415          |
| 2. Đầu tư dài hạn khác                                          | 258        | 16          | 20.000.000               | 200.020.000.000          |
| <b>V- Tài sản dài hạn khác</b>                                  | <b>260</b> |             | <b>125.964.279.734</b>   | <b>32.337.720.385</b>    |
| 1. Chi phí trả trước dài hạn                                    | 261        | 17          | 106.670.235.528          | 18.993.576.693           |
| 2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại                               | 262        | 18          | 19.159.968.886           | 13.300.799.372           |
| 3. Tài sản dài hạn khác                                         | 268        |             | 134.075.320              | 43.344.320               |
| <b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)</b>                          | <b>270</b> |             | <b>5.639.374.548.325</b> | <b>4.756.794.819.272</b> |

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)**  
*Tại ngày 31 tháng 12 năm 2008*

**MẪU B 01 - DN**  
*Đơn vị tính: VND*

| NGUỒN VỐN                                     | Mã số      | Thuyết minh | 31/12/2008               | 31/12/2007               |
|-----------------------------------------------|------------|-------------|--------------------------|--------------------------|
| <b>A- NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)</b>           | <b>300</b> |             | <b>1.294.098.304.111</b> | <b>1.533.364.217.971</b> |
| <b>I- Nợ ngắn hạn</b>                         | <b>310</b> |             | <b>1.256.330.621.478</b> | <b>1.268.386.837.443</b> |
| 1. Vay và nợ ngắn hạn                         | 311        | 19          | 588.329.658.721          | 653.132.655.452          |
| 2. Phải trả người bán                         | 312        |             | 295.758.522.868          | 328.712.116.589          |
| 3. Người mua trả tiền trước                   | 313        |             | 225.254.924.087          | 75.210.770.196           |
| 4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước        | 314        | 20          | 83.384.015.509           | 113.937.336.138          |
| 5. Phải trả người lao động                    | 315        |             | 18.664.497.077           | 14.744.808.426           |
| 6. Chi phí phải trả                           | 316        |             | 19.204.262.543           | 13.722.667.471           |
| 7. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác | 319        | 21          | 25.734.740.673           | 68.926.483.171           |
| <b>II- Nợ dài hạn</b>                         | <b>330</b> |             | <b>37.767.682.633</b>    | <b>264.977.380.528</b>   |
| 1. Phải trả dài hạn khác                      | 333        |             | 2.264.602.362            | 201.620.976.102          |
| 2. Vay và nợ dài hạn                          | 334        | 22          | 6.035.190.854            | 47.236.656.595           |
| 3. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả            | 335        | 18          | 944.226.332              | -                        |
| 4. Dự phòng trợ cấp mất việc làm              | 336        |             | 18.531.928.085           | 16.119.747.831           |
| 5. Dự phòng phải trả dài hạn                  | 337        |             | 9.991.735.000            | -                        |
| <b>B- VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410+430)</b>        | <b>400</b> |             | <b>4.111.066.885.721</b> | <b>3.142.550.739.733</b> |
| <b>I- Vốn chủ sở hữu</b>                      | <b>410</b> | <b>23</b>   | <b>4.070.660.719.967</b> | <b>3.121.496.225.838</b> |
| 1. Vốn điều lệ                                | 411        |             | 1.963.639.980.000        | 1.320.000.000.000        |
| 2. Thặng dư vốn cổ phần                       | 412        |             | 1.620.900.010.000        | 1.315.000.000.000        |
| 3. Chênh lệch tỷ giá hối đoái                 | 416        |             | (6.052.555.381)          | 2.553.408.756            |
| 4. Quỹ dự phòng tài chính                     | 418        |             | 76.429.969.200           | 34.196.465.655           |
| 5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối          | 420        |             | 415.743.316.148          | 449.746.351.427          |
| <b>II- Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>         | <b>430</b> |             | <b>40.406.165.754</b>    | <b>21.054.513.895</b>    |
| 1. Quỹ khen thưởng, phúc lợi                  | 431        |             | 40.406.165.754           | 21.054.513.895           |
| <b>C- LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ</b>        | <b>439</b> | <b>24</b>   | <b>234.209.358.493</b>   | <b>80.879.861.568</b>    |
| <b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400+439)</b>  | <b>440</b> |             | <b>5.639.374.548.325</b> | <b>4.756.794.819.272</b> |



**Trần Tuấn Dương**  
**Tổng Giám đốc**

*Hưng Yên, ngày 17 tháng 3 năm 2009*

**Nguyễn Thị Thanh Vân**  
**Kế toán trưởng**

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

**MẪU B 02-DN**

Đơn vị tính: VND

| CHỈ TIÊU                                                                   | Mã số     | Thuyết minh | Năm 2008                 | Năm 2007                 |
|----------------------------------------------------------------------------|-----------|-------------|--------------------------|--------------------------|
| <b>1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>                           | <b>01</b> |             | <b>8.502.113.474.005</b> | <b>5.733.717.351.247</b> |
| 2. Các khoản giảm trừ doanh thu                                            | 02        |             | 137.308.587.515          | 90.782.853.734           |
| <b>3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)</b>       | <b>10</b> | <b>25</b>   | <b>8.364.804.886.490</b> | <b>5.642.934.497.513</b> |
| 4. Giá vốn hàng bán                                                        | 11        | 26          | 7.106.495.501.517        | 4.676.412.401.178        |
| <b>5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)</b>         | <b>20</b> |             | <b>1.258.309.384.973</b> | <b>966.522.096.335</b>   |
| 6. Doanh thu hoạt động tài chính                                           | 21        | 27          | 149.814.918.227          | 25.886.619.517           |
| 7. Chi phí tài chính                                                       | 22        | 28          | 170.814.160.131          | 45.263.940.647           |
| Trong đó: Chi phí lãi vay                                                  | 23        |             | 74.436.977.629           | 39.573.467.881           |
| 8. Chi phí bán hàng                                                        | 24        |             | 106.407.582.550          | 89.005.679.048           |
| 9. Chi phí quản lý doanh nghiệp                                            | 25        |             | 138.459.531.793          | 106.717.971.926          |
| <b>10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30=20+(21-22)-(24+25)}</b> | <b>30</b> |             | <b>992.443.028.726</b>   | <b>751.421.124.231</b>   |
| 11. Thu nhập khác                                                          | 31        |             | 26.286.316.582           | 30.417.104.853           |
| 12. Chi phí khác                                                           | 32        |             | 9.650.307.370            | 23.790.764.765           |
| <b>13. Lợi nhuận khác (40=31-32)</b>                                       | <b>40</b> | <b>29</b>   | <b>16.636.009.212</b>    | <b>6.626.340.088</b>     |
| <b>14. Lợi nhuận trong công ty liên kết, liên doanh</b>                    | <b>50</b> | <b>15</b>   | <b>9.550.446.007</b>     | <b>1.378.132.059</b>     |
| <b>15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>                               | <b>60</b> |             | <b>1.018.629.483.945</b> | <b>759.425.596.378</b>   |
| 16. Chi phí thuế TNDN hiện hành                                            | 61        | 30          | 164.134.114.654          | 122.238.902.371          |
| 17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại                                             | 62        | 18          | (4.914.943.182)          | (6.786.933.085)          |
| <b>18. Lợi nhuận sau thuế (70=60-61-62)</b>                                | <b>70</b> |             | <b>859.410.312.473</b>   | <b>643.973.627.092</b>   |
| 18.1 Lợi ích của cổ đông thiểu số                                          |           |             | 5.219.358.493            | 1.879.861.568            |
| 18.2 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ                         |           |             | 854.190.953.980          | 642.093.765.524          |
| 19. Lãi trên cổ phiếu                                                      | 80        | 31          | 4.439                    | 5.264                    |



Trần Tuấn Dương  
Tổng Giám đốc

Hưng Yên, ngày 17 tháng 3 năm 2009

Nguyễn Thị Thanh Vân  
Kế toán trưởng

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

**Mẫu B 03-DN**

Đơn vị tính: VND

| CHỈ TIÊU                                                                                   | Mã số | Năm 2008            | Năm 2007            |
|--------------------------------------------------------------------------------------------|-------|---------------------|---------------------|
| <b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>                                          |       |                     |                     |
| 1. Lợi nhuận trước thuế                                                                    | 01    | 1.018.629.483.945   | 759.425.596.378     |
| 2. Điều chỉnh cho các khoản                                                                |       |                     |                     |
| - Khấu hao tài sản cố định                                                                 | 02    | 176.801.433.986     | 116.292.172.374     |
| - Các khoản dự phòng                                                                       | 03    | 181.457.986.477     | 11.969.492.332      |
| - Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện                                            | 04    | 2.203.508.791       | 2.071.337.094       |
| - Lãi từ hoạt động đầu tư                                                                  | 05    | (125.088.794.821)   | (23.527.473.332)    |
| - Chi phí lãi vay                                                                          | 06    | 74.436.977.629      | 39.573.467.881      |
| 3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động                           | 08    | 1.328.440.596.007   | 905.804.592.727     |
| - (Tăng) các khoản phải thu                                                                | 09    | (59.212.209.063)    | (469.580.867.506)   |
| - (Tăng) hàng tồn kho                                                                      | 10    | (426.467.721.621)   | (729.220.501.786)   |
| - Tăng các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp) | 11    | 157.771.730.720     | 176.694.154.917     |
| - (Tăng) giảm chi phí trả trước                                                            | 12    | (83.903.693.466)    | 3.439.348.318       |
| - Tiền lãi vay đã trả                                                                      | 13    | (104.462.988.946)   | (38.212.854.706)    |
| - Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp                                                        | 14    | (212.065.352.412)   | (60.926.209.603)    |
| - Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh                                                    | 15    | 63.212.439.458      | 36.079.118.384      |
| - Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh                                                    | 16    | (41.306.475.253)    | (127.500.997.857)   |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh                                              | 20    | 622.006.325.424     | (303.424.217.112)   |
| <b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>                                             |       |                     |                     |
| 1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác                          | 21    | (463.641.157.140)   | (179.139.948.481)   |
| 2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác                       | 22    | 1.852.095.190       | 71.084.015.441      |
| 3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác                                    | 23    | (2.917.330.224.068) | (289.020.000.000)   |
| 4. Tiền thu hồi cho vay của đơn vị khác                                                    | 24    | 2.599.819.445.068   | 23.050.000.000      |
| 5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác                                                 | 25    | (183.500.000.000)   | (935.400.000.000)   |
| 6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác                                             | 26    | 200.000.000.000     | -                   |
| 7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia                                     | 27    | 104.051.281.762     | 14.350.920.590      |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư                                                  | 30    | (658.748.559.188)   | (1.295.075.012.450) |
| <b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>                                         |       |                     |                     |
| 1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu                                                          | 31    | 678.750.000.000     | 2.410.000.000.000   |
| 2. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được                                                    | 33    | 4.043.835.946.353   | 2.262.274.969.180   |
| 3. Tiền chi trả nợ gốc vay                                                                 | 34    | (4.132.818.305.654) | (2.517.930.116.952) |
| 4. Tiền chi trả nợ thuê tài chính                                                          | 35    | (2.245.334.333)     | (15.757.513.956)    |
| 5. Cổ tức đã trả cho chủ sở hữu                                                            | 36    | (439.891.139.986)   | (218.973.740.730)   |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính                                               | 40    | 147.631.166.380     | 1.919.613.597.542   |
| Lưu chuyển tiền thuần trong năm                                                            | 50    | 110.888.932.616     | 321.114.367.980     |
| Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm                                                 | 60    | 399.322.647.501     | 78.451.541.560      |
| Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ                                    | 61    | 6.707.132           | (243.262.039)       |
| Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm                                                | 70    | 510.218.287.249     | 399.322.647.501     |



Trần Tuấn Dương  
Tổng Giám đốc

Hưng Yên, ngày 17 tháng 3 năm 2009

Nguyễn Thị Thanh Vân  
Kế toán trưởng

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT****MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT****Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoà Phát (gọi tắt là “Công ty”) hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hưng Yên cấp lần đầu ngày 26/10/2001 và các Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh sửa đổi bổ sung.

Đến ngày 31/12/2008, Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoà Phát có 09 công ty con như sau:

- Công ty TNHH Thiết bị phụ tùng Hoà Phát;
- Công ty Cổ phần Nội thất Hoà Phát;
- Công ty TNHH Ống thép Hoà Phát;
- Công ty TNHH Điện lạnh Hoà Phát;
- Công ty Cổ phần Xây dựng và Phát triển đô thị Hoà Phát;
- Công ty TNHH Thương mại Hoà Phát;
- Công ty Cổ phần Thép Hoà Phát;
- Công ty Cổ phần Thép cán tấm Kinh Môn; và
- Công ty TNHH Hoà Phát Lào.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 15 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hưng Yên cấp ngày 12/12/2008, vốn điều lệ của Công ty là 1.963.639.980.000 đồng, tổng số cổ phiếu là 196.363.998 cổ phiếu với mệnh giá 10.000 đồng/cổ phiếu. Công ty đang niêm yết cổ phiếu tại Sở giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh.

Tổng số nhân viên của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2008 là 5.663 người (năm 2007 là 5.661 người).

**Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính**

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty và các công ty con là:

- Buôn bán và xuất nhập khẩu thép, vật tư thiết bị luyện, cán thép;
- Sản xuất cán, kéo thép, sản xuất tôn lợp;
- Sản xuất ống thép không mạ và có mạ, ống inox;
- Sản xuất, kinh doanh, lắp ráp, lắp đặt, sửa chữa, bảo hành hàng điện, điện tử, điện lạnh, điện dân dụng, điều hoà không khí;
- Sản xuất các sản phẩm cơ khí, hàng nội thất phục vụ văn phòng, gia đình trường học;
- Đầu tư tài chính;
- Đầu tư và xây dựng đồng bộ hạ tầng, kỹ thuật khu công nghiệp và khu đô thị;
- Xây dựng dân dụng, xây dựng công nghiệp, kinh doanh bất động sản; cho thuê nhà và văn phòng, đầu tư xây dựng đồng bộ hạ tầng kỹ thuật, kinh doanh hạ tầng khu công nghiệp;
- Sản xuất kinh doanh các loại máy xây dựng và máy khai thác mỏ;
- Buôn bán tư liệu sản xuất; sửa chữa các sản phẩm cơ khí; sản xuất sản phẩm cơ khí (chủ yếu là thiết bị máy móc xây dựng, bàn ghế, tủ văn phòng); dịch vụ cho thuê máy móc, thiết bị, phương tiện; sản xuất và chế biến đồ gỗ; buôn bán vật tư, nguyên vật liệu phục vụ sản xuất ngành nông, công nghiệp (không bao gồm thuốc bảo vệ thực vật); buôn bán ô tô, xe máy, máy, thiết bị, phụ tùng ngành giao thông vận tải và khai thác mỏ, phương tiện vận tải; buôn bán đồ điện, điện tử, thiết bị quang học và thiết bị y tế; buôn bán nông, thủy, hải sản, lâm sản đã chế biến; buôn bán hóa chất, rượu, bia, nước ngọt (trừ hoá chất Nhà nước cấm); đại lý bán các mặt hàng: xăng, dầu, vật liệu xây dựng; kinh doanh nhà, dịch vụ cho thuê nhà, tài sản (không bao gồm kinh doanh phòng hát karaoke, vũ trường, quán bar); tư vấn đầu tư trong và ngoài nước (không bao gồm tư vấn pháp luật và tư vấn tài chính); sản xuất và mua bán sắt thép các loại, phế liệu sắt thép, kim loại màu các loại, phế liệu kim loại màu; xuất nhập khẩu các sản phẩm và hàng hoá;
- Dịch vụ thể dục, thể thao (đào tạo, tổ chức thi đấu, chuyển giao vận động viên).

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)****MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ KỲ KẾ TOÁN****Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất**

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty đã được dịch sang Tiếng Anh từ bản báo cáo tài chính hợp nhất phát hành tại Việt Nam bằng ngôn ngữ Tiếng Việt.

**Kỳ kế toán**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất:

**Ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính hợp nhất được hợp nhất từ các báo cáo tài chính của Công ty (công ty mẹ) và các báo cáo tài chính của các công ty do Công ty kiểm soát (các công ty con) (sau đây gọi chung là “Tập đoàn”) được lập cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2008. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính hợp nhất của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con khác là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty con trong cùng Tập đoàn được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông thiểu số trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của Công ty. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu (chi tiết xem nội dung trình bày dưới đây) và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông thiểu số vượt quá phần vốn của họ trong tổng vốn chủ sở hữu của công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Công ty trừ khi cổ đông thiểu số có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)****Mẫu B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)****Hợp nhất kinh doanh**

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế kinh doanh. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán phát sinh hoạt động mua công ty con.

Lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của cổ đông thiểu số trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng được ghi nhận.

**Đầu tư vào công ty liên kết**

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Kết quả hoạt động kinh doanh, tài sản và công nợ của các công ty liên kết được hợp nhất trong báo cáo tài chính sử dụng phương pháp vốn chủ sở hữu. Các khoản góp vốn liên kết được trình bày trong bảng cân đối kế toán theo giá gốc được điều chỉnh theo những thay đổi trong phần vốn góp của Công ty vào phần tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày mua khoản đầu tư. Các khoản lỗ của công ty liên kết vượt quá khoản góp vốn của Công ty tại công ty liên kết đó (bao gồm bất kể các khoản góp vốn dài hạn mà về thực chất tạo thành đầu tư thuần của Công ty tại công ty liên kết đó) không được ghi nhận.

**Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền mặt và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

**Các khoản phải thu và dự phòng nợ khó đòi**

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ ba tháng trở lên, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

**Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho của Tập đoàn được xác định theo phương pháp bình quân, phương pháp hạch toán hàng tồn kho là phương pháp kê khai thường xuyên. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất trong trường hợp giá trị thực tế của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán.

**Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)****MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)****Tài sản cố định hữu hình và khấu hao (Tiếp theo)**

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

|                            | <b>Năm 2008<br/>(Số năm)</b> |
|----------------------------|------------------------------|
| Nhà xưởng và vật kiến trúc | 5 - 35                       |
| Máy móc và thiết bị        | 2 - 25                       |
| Phương tiện vận tải        | 4 - 20                       |
| Thiết bị văn phòng         | 3 - 12                       |
| Tài sản khác               | 3 - 7                        |

Trong năm, Công ty và một số công ty con của Tập đoàn đã thực hiện đánh giá lại thời gian sử dụng hữu ích của tài sản và thay đổi thời gian khấu hao của một số máy móc, thiết bị cho phù hợp với thời gian quy định tại Quyết định số 206/2003/QĐ-BTC ngày 12 tháng 12 năm 2003 của Bộ Tài chính về việc “ban hành chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định”. Việc thay đổi này làm cho chi phí khấu hao năm 2008 của Tập đoàn tăng lên với số tiền khoảng 34 tỷ đồng.

**Tài sản cố định thuê tài chính và khấu hao**

Tài sản cố định thuê tài chính được hình thành từ giao dịch thuê tài chính, khi phần lớn các quyền lợi và rủi ro về quyền sở hữu tài sản được chuyển sang cho người đi thuê. Tất cả các khoản thuê khác không phải là thuê tài chính đều được xem là thuê hoạt động.

Tập đoàn ghi nhận tài sản thuê tài chính là tài sản của Tập đoàn theo giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu thuê tài sản hoặc theo giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu nếu giá trị này thấp hơn. Nợ phải trả bên cho thuê tương ứng được ghi nhận trên bảng cân đối kế toán như một khoản nợ phải trả về thuê tài chính. Các khoản thanh toán tiền thuê được chia thành chi phí tài chính và khoản phải trả nợ gốc nhằm đảm bảo tỷ lệ lãi suất định kỳ cố định trên số dư nợ còn lại. Chi phí thuê tài chính được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh, trừ phi các chi phí này trực tiếp hình thành nên tài sản đi thuê, trong trường hợp đó sẽ được vốn hóa theo chính sách kế toán của Tập đoàn về chi phí đi vay.

Các tài sản đi thuê tài chính được khấu hao trên thời gian hữu dụng ước tính tương tự như áp dụng với tài sản thuộc sở hữu của Tập đoàn. Tài sản thuê tài chính của các đơn vị trong Tập đoàn là máy móc thiết bị và các tài sản khác được tính khấu hao trong thời gian từ 5 đến 25 năm.

**Tài sản cố định vô hình và khấu hao**

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị bản quyền máy vi tính, phần mềm kế toán, chi phí đền bù giải phóng mặt bằng, quyền sử dụng đất và tài sản cố định vô hình khác của Tập đoàn được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Các tài sản cố định vô hình này được phân bổ theo phương pháp đường thẳng, cụ thể như sau:

|                               | <b>Năm 2008<br/>(Số năm)</b> |
|-------------------------------|------------------------------|
| Phần mềm ứng dụng             | 2 - 10                       |
| Quyền sử dụng đất có thời hạn | 15 - 46                      |
| Tài sản khác                  | 3                            |

Quyền sử dụng đất lâu dài tại số 10 Trần Hưng Đạo, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội không tính hao mòn.

**Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tập đoàn. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản đó ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)****MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)****Bất động sản đầu tư**

Bất động sản đầu tư bao gồm quyền sử dụng đất và nhà xưởng vật kiến trúc do Tập đoàn nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá bất động sản đầu tư được mua bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp như phí dịch vụ tư vấn về luật pháp liên quan, thuế trước bạ và chi phí giao dịch liên quan khác. Nguyên giá bất động sản đầu tư tự xây dựng là giá trị quyết toán công trình hoặc các chi phí liên quan trực tiếp của bất động sản đầu tư.

Bất động sản đầu tư được khấu hao theo phương pháp đường thẳng theo các ước tính kế toán nhằm giảm thiểu rủi ro về suy giảm giá trị của tài sản trong tương lai.

**Các khoản trả trước dài hạn**

Các khoản chi phí trả trước dài hạn bao gồm tiền thuê đất; chi phí đền bù, hỗ trợ giải phóng mặt bằng; công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ và chi phí trả trước dài hạn khác.

Tiền thuê đất, thuê văn phòng đã trả trước được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê.

Chi phí đền bù, hỗ trợ giải phóng mặt bằng sẽ được giảm trừ vào tiền thuê đất phải nộp theo Nghị định số 142/2005/NĐ-CP ngày 14/11/2005 của Chính phủ.

Giá trị công cụ dụng cụ và các thiết bị loại nhỏ khác được phân bổ trong thời gian từ 2 đến 5 năm.

**Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Tập đoàn có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi giao hàng và chuyển quyền sở hữu cho người mua.

Doanh thu cho thuê đất được ghi nhận 1 lần cho toàn bộ giá trị của hợp đồng thuê đất tại thời điểm phát hành hóa đơn.

Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm các khoản lãi tiền gửi và lãi do chênh lệch tỷ giá. Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

**Ngoại tệ**

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Số dư các tài sản bằng tiền và công nợ phải thu, phải trả có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh do đánh giá lại các tài khoản này được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho chủ sở hữu.

Để phục vụ mục đích hợp nhất báo cáo tài chính, tài sản và công nợ liên quan đến hoạt động của Công ty tại nước ngoài (bao gồm cả số liệu so sánh) được chuyển đổi sang đơn vị tiền tệ của báo cáo theo tỷ giá tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Các khoản thu nhập và chi phí (bao gồm cả số liệu so sánh) được chuyển đổi theo tỷ giá bình quân của kỳ báo cáo trừ phi tỷ giá này có biến động lớn trong kỳ, trong trường hợp đó sẽ áp dụng tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá hối đoái, nếu có, sẽ được phân loại vào nguồn vốn chủ sở hữu và kết chuyển sang dự phòng chênh lệch tỷ giá của Công ty. Chênh lệch tỷ giá được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ chấm dứt hoạt động tại nước ngoài của Công ty.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)****MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)****Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

**Các khoản dự phòng**

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Tập đoàn có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra và Tập đoàn có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Dự phòng trợ cấp mất việc làm được trích lập theo hướng dẫn của Luật lao động Việt Nam. Theo đó, người lao động được hưởng khoản trợ cấp thôi việc căn cứ vào số năm làm việc cho Tập đoàn. Khoản dự phòng được tính bằng nửa tháng lương cho mỗi năm làm việc của người lao động tại Tập đoàn, dựa trên mức lương thực nhận tới thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất.

**Báo cáo bộ phận**

Một bộ phận kinh doanh là một bộ phận có thể phân biệt được tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung ứng sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm các sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với bộ phận kinh doanh khác.

**Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Một số công ty trong Tập đoàn được hưởng ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp do đầu tư vào các dự án được Nhà nước khuyến khích và được miễn giảm thuế. Thời gian ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp tính từ năm được cấp có thẩm quyền chấp thuận dự án đầu tư. Sau khi hết thời gian được hưởng ưu đãi thuế, các đơn vị này sẽ chuyển sang áp dụng thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp theo quy định. Các dự án đầu tư mở rộng sản xuất được tăng thêm thời gian miễn, giảm thuế tính cho phần thu nhập tăng thêm. Thời gian được miễn thuế thu nhập tính từ năm đầu tiên có thu nhập chịu thuế.

Việc xác định thuế thu nhập của Tập đoàn căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế, và được cộng gộp sau khi đã xác định thuế thu nhập tại các đơn vị thành viên. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền đối với các công ty trong Tập đoàn.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính hợp nhất và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời, còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)****MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)****Thuế (tiếp theo)**

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính và sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp đó, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi các công ty trong Tập đoàn có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Tập đoàn có dự tính thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

**Quỹ**

Theo Điều lệ của Công ty, hàng năm Công ty thực hiện trích lập Quỹ dự phòng tài chính với mức không vượt quá 5% lợi nhuận sau thuế của Công ty và được trích cho đến khi Quỹ dự phòng tài chính bằng 10% vốn điều lệ của Công ty.

**4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

|                                | <u>31/12/2008</u>             | <u>31/12/2007</u>             |
|--------------------------------|-------------------------------|-------------------------------|
|                                | VND                           | VND                           |
| Tiền mặt                       | 9.669.390.688                 | 31.479.304.734                |
| Tiền gửi ngân hàng             | 243.730.813.661               | 157.899.342.767               |
| Tiền đang chuyển               | 18.082.900                    | 3.944.000.000                 |
| Các khoản tương đương tiền (*) | 256.800.000.000               | 206.000.000.000               |
|                                | <u><b>510.218.287.249</b></u> | <u><b>399.322.647.501</b></u> |

(\*) Các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn dưới 3 tháng hoặc trên 3 tháng theo các điều khoản rút gốc linh hoạt.

**5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN**

|                                  | <u>31/12/2008</u>             | <u>31/12/2007</u>             |
|----------------------------------|-------------------------------|-------------------------------|
|                                  | VND                           | VND                           |
| Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (*) | 626.385.999.000               | 136.000.000.000               |
| Cho vay ngắn hạn (**)            | 108.000.000.000               | 130.000.000.000               |
|                                  | <u><b>734.385.999.000</b></u> | <u><b>266.000.000.000</b></u> |

(\*) Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn từ trên 3 tháng đến dưới 1 năm. Lãi sẽ được tính theo thời gian và số tiền thực gửi.

(\*\*) Cho vay ngắn hạn phản ánh số tiền cho các công ty bên ngoài Tập đoàn vay theo các hợp đồng vay vốn lưu động.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)****MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***6. HÀNG TỒN KHO**

|                                                             | <u>31/12/2008</u>               | <u>31/12/2007</u>               |
|-------------------------------------------------------------|---------------------------------|---------------------------------|
|                                                             | VND                             | VND                             |
| Hàng mua đang đi đường                                      | 187.677.841.634                 | 189.589.752.042                 |
| Nguyên liệu, vật liệu                                       | 563.644.183.438                 | 679.419.244.160                 |
| Công cụ, dụng cụ                                            | 517.241.247.464                 | 15.824.350.464                  |
| Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang                        | 168.959.720.818                 | 56.323.542.764                  |
| Thành phẩm                                                  | 482.295.237.732                 | 460.301.071.427                 |
| Hàng hoá                                                    | 79.799.222.503                  | 175.340.212.325                 |
| Hàng gửi đi bán                                             | 261.737.013                     | 4.562.781.763                   |
| <b>Cộng</b>                                                 | <b><u>1.999.879.190.602</u></b> | <b><u>1.581.360.954.945</u></b> |
| Dự phòng giảm giá hàng tồn kho                              | (179.639.520.859)               | (1.282.912.257)                 |
| <b>Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho</b> | <b><u>1.820.239.669.743</u></b> | <b><u>1.580.078.042.688</u></b> |

Tại ngày 31/12/2008, Tập đoàn đã xác định giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho và ghi nhận khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho với số tiền khoảng 179,6 tỷ đồng (năm 2007: khoảng 1,3 tỷ đồng). Việc lập dự phòng này căn cứ trên cơ sở thông tin, tài liệu tại ngày 31/12/2008 và giá bán hàng trong tương lai, giá vật tư mua vào tại ngày 31/12/2008. Giá trị dự phòng này có thể thay đổi tùy thuộc vào các bằng chứng tin cậy thu thập được tại thời điểm lập báo cáo.

Tập đoàn đã thế chấp hàng tồn kho với giá trị theo các Hợp đồng cầm cố, thế chấp đến ngày 31/12/2008 là khoảng 135 tỷ đồng (năm 2007: 341 tỷ đồng) cho các khoản vay ngắn hạn ngân hàng.

**7. THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG ĐƯỢC KHẤU TRỪ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU NHÀ NƯỚC**

|                                     | <u>31/12/2008</u>            | <u>31/12/2007</u>            |
|-------------------------------------|------------------------------|------------------------------|
|                                     | VND                          | VND                          |
| Thuế GTGT được khấu trừ             | 38.927.634.634               | 29.846.066.478               |
| Thuế và các khoản phải thu Nhà nước | 3.914.401.984                | 4.232.952                    |
|                                     | <b><u>42.842.036.618</u></b> | <b><u>29.850.299.430</u></b> |

**8. TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC**

|                                   | <u>31/12/2008</u>            | <u>31/12/2007</u>            |
|-----------------------------------|------------------------------|------------------------------|
|                                   | VND                          | VND                          |
| Tài sản thiếu chờ xử lý           | 2.849.757.859                | 45.166.431                   |
| Tạm ứng cho cán bộ công nhân viên | 2.813.694.270                | 4.309.798.530                |
| Ký cược ký quỹ ngắn hạn           | 9.982.351.810                | 61.704.267.515               |
| Tài sản ngắn hạn khác             | -                            | 590.067.151                  |
|                                   | <b><u>15.645.803.939</u></b> | <b><u>66.649.299.627</u></b> |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)  
Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

9. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

|                                  | Nhà xưởng và vật kiến trúc |  | Máy móc và thiết bị |  | Phương tiện vận tải |  | Thiết bị văn phòng |  | Khác          |  | Tổng              |  |
|----------------------------------|----------------------------|--|---------------------|--|---------------------|--|--------------------|--|---------------|--|-------------------|--|
|                                  | VND                        |  | VND                 |  | VND                 |  | VND                |  | VND           |  | VND               |  |
| NGUYÊN GIÁ                       |                            |  |                     |  |                     |  |                    |  |               |  |                   |  |
| Tại ngày 01/01/2008              | 317.234.510.411            |  | 861.801.013.871     |  | 68.767.530.564      |  | 6.294.435.899      |  | 2.677.671.988 |  | 1.256.775.162.733 |  |
| Tăng do mua sắm                  | 27.454.120.124             |  | 50.825.484.354      |  | 49.381.410.325      |  | 1.371.044.726      |  | 147.793.380   |  | 129.179.852.909   |  |
| Tăng do XDCB hoàn thành          | 40.247.496.959             |  | 17.553.144.820      |  | -                   |  | -                  |  | -             |  | 57.800.641.779    |  |
| Chuyển từ thuê tài chính         | -                          |  | 2.907.865.650       |  | -                   |  | -                  |  | -             |  | 2.907.865.650     |  |
| Tăng, giảm khác và phân loại lại | (1.825.577.531)            |  | 844.470.590         |  | (690.771.530)       |  | (60.209.992)       |  | (162.000.130) |  | (1.894.088.593)   |  |
| Thanh lý, nhượng bán             | -                          |  | (1.799.802.071)     |  | (2.963.457.908)     |  | (70.839.175)       |  | (51.478.031)  |  | (4.885.577.185)   |  |
| Tại ngày 31/12/2008              | 383.110.549.963            |  | 932.132.177.214     |  | 114.494.711.451     |  | 7.534.431.458      |  | 2.611.987.207 |  | 1.439.883.857.293 |  |
| GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ           |                            |  |                     |  |                     |  |                    |  |               |  |                   |  |
| Tại ngày 01/01/2008              | 61.998.870.568             |  | 299.296.734.733     |  | 24.267.643.653      |  | 4.048.194.019      |  | 1.112.663.335 |  | 390.724.106.308   |  |
| Khấu hao trong năm               | 28.528.560.244             |  | 127.843.582.678     |  | 13.514.136.715      |  | 1.307.461.460      |  | 562.515.886   |  | 171.756.256.983   |  |
| Chuyển từ thuê tài chính         | -                          |  | 1.799.934.290       |  | -                   |  | -                  |  | -             |  | 1.799.934.290     |  |
| Tăng, giảm khác và phân loại lại | (683.261.522)              |  | 402.661.451         |  | (297.823.807)       |  | (189.937.138)      |  | (62.192.495)  |  | (830.553.511)     |  |
| Thanh lý, nhượng bán             | -                          |  | (720.642.537)       |  | (439.701.528)       |  | (52.423.399)       |  | (21.691.482)  |  | (1.234.458.946)   |  |
| Tại ngày 31/12/2008              | 89.844.169.290             |  | 428.622.270.615     |  | 37.044.255.033      |  | 5.113.294.942      |  | 1.591.295.244 |  | 562.215.285.124   |  |
| GIÁ TRỊ CÒN LẠI                  |                            |  |                     |  |                     |  |                    |  |               |  |                   |  |
| Tại ngày 31/12/2008              | 293.266.380.673            |  | 503.509.906.599     |  | 77.450.456.418      |  | 2.421.136.516      |  | 1.020.691.963 |  | 877.668.572.169   |  |
| Tại ngày 31/12/2007              | 255.235.639.843            |  | 562.504.279.138     |  | 44.499.886.911      |  | 2.246.241.880      |  | 1.565.008.653 |  | 866.051.056.425   |  |

Một số tài sản cố định của các công ty trong Tập đoàn đã được mang đi thế chấp Ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay ngắn hạn, vay dài hạn với tổng giá trị theo các hợp đồng cầm cố thế chấp khoảng 309 tỷ đồng (năm 2007 là khoảng 625 tỷ đồng).

Nguyên giá của tài sản bao gồm máy móc thiết bị, phương tiện vận tải và thiết bị văn phòng đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng của Tập đoàn tại ngày 31/12/2008 là khoảng 33,5 tỷ đồng (năm 2007 là khoảng 23 tỷ đồng).

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)****MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***10. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH THUÊ TÀI CHÍNH**

|                               | <b>Máy móc,<br/>thiết bị</b> | <b>Cộng</b>           |
|-------------------------------|------------------------------|-----------------------|
|                               | <b>VND</b>                   | <b>VND</b>            |
| <b>NGUYÊN GIÁ</b>             |                              |                       |
| Tại ngày 01/01/2008           | 19.396.289.198               | 19.396.289.198        |
| Tăng khác                     | -                            | -                     |
| Giảm                          | (2.907.865.650)              | (2.907.865.650)       |
| Tại ngày 31/12/2008           | <b>16.488.423.548</b>        | <b>16.488.423.548</b> |
| <b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b> |                              |                       |
| Tại ngày 01/01/2008           | 4.436.897.743                | 4.436.897.743         |
| Khấu hao trong năm            | 1.159.781.362                | 1.159.781.362         |
| Giảm                          | (1.799.934.290)              | (1.799.934.290)       |
| Tại ngày 31/12/2008           | <b>3.796.744.815</b>         | <b>3.796.744.815</b>  |
| <b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>        |                              |                       |
| Tại ngày 31/12/2008           | <b>12.691.678.733</b>        | <b>12.691.678.733</b> |
| Tại ngày 31/12/2007           | <b>14.959.391.455</b>        | <b>14.959.391.455</b> |

**11. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH**

|                               | <b>Quyền sử<br/>dụng đất</b> | <b>Bản quyền,<br/>phần mềm<br/>máy tính</b> | <b>Tài sản<br/>khác</b> | <b>Cộng</b>            |
|-------------------------------|------------------------------|---------------------------------------------|-------------------------|------------------------|
|                               | <b>VND</b>                   | <b>VND</b>                                  | <b>VND</b>              | <b>VND</b>             |
| <b>NGUYÊN GIÁ</b>             |                              |                                             |                         |                        |
| Tại ngày 01/01/2008           | 44.006.939.291               | 366.000.000                                 | 149.388.332             | 44.522.327.623         |
| Mua sắm trong năm (*)         | 208.033.948.847              | 1.093.285.400                               | 460.810.000             | 209.588.044.247        |
| Xây dựng cơ bản               | 16.044.988.836               | -                                           | -                       | 16.044.988.836         |
| Thanh lý nhượng bán           | -                            | -                                           | -                       | -                      |
| Tại ngày 31/12/2008           | <b>268.085.876.974</b>       | <b>1.459.285.400</b>                        | <b>610.198.332</b>      | <b>270.155.360.706</b> |
| <b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b> |                              |                                             |                         |                        |
| Tại ngày 01/01/2008           | 3.471.991.785                | 86.694.435                                  | 135.674.690             | 3.694.360.910          |
| Khấu hao trong năm            | 1.672.870.730                | 129.206.627                                 | 46.205.253              | 1.848.282.610          |
| Thanh lý nhượng bán           | -                            | -                                           | -                       | -                      |
| Tại ngày 31/12/2008           | <b>5.144.862.515</b>         | <b>215.901.062</b>                          | <b>181.879.943</b>      | <b>5.542.643.520</b>   |
| <b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>        |                              |                                             |                         |                        |
| Tại ngày 31/12/2008           | <b>262.941.014.459</b>       | <b>1.243.384.338</b>                        | <b>428.318.389</b>      | <b>264.612.717.186</b> |
| Tại ngày 31/12/2007           | <b>40.534.947.506</b>        | <b>279.305.565</b>                          | <b>13.713.642</b>       | <b>40.827.966.713</b>  |

(\*) Tài sản cố định vô hình tăng trong năm bao gồm quyền sử dụng đất lâu dài tại số 10 Trần Hưng Đạo, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội không tính hao mòn với nguyên giá là 164.067.280.000 đồng.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)****MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***12. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỒ DANG**

|                                 | <b>Năm 2008</b>        | <b>Năm 2007</b>       |
|---------------------------------|------------------------|-----------------------|
|                                 | <b>VND</b>             | <b>VND</b>            |
| Tại ngày 1 tháng 1              | 28.210.367.950         | 20.416.392.722        |
| Tăng                            | 173.532.041.015        | 42.847.917.110        |
| Kết chuyển sang tài sản cố định | (87.786.678.591)       | (34.707.118.734)      |
| Giảm khác                       | (3.507.242.511)        | (346.823.148)         |
| <b>Tại ngày 31 tháng 12</b>     | <b>110.448.487.863</b> | <b>28.210.367.950</b> |

**13. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ**

|                               | <b>Nhà xưởng</b>      | <b>Cộng</b>           |
|-------------------------------|-----------------------|-----------------------|
|                               | <b>VND</b>            | <b>VND</b>            |
| <b>NGUYÊN GIÁ</b>             |                       |                       |
| Tại ngày 01/01/2008           | 9.429.464.991         | 9.429.464.991         |
| Tăng trong năm                | 13.941.047.976        | 13.941.047.976        |
| Giảm trong năm                | -                     | -                     |
| <b>Tại ngày 31/12/2008</b>    | <b>23.370.512.967</b> | <b>23.370.512.967</b> |
| <b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b> |                       |                       |
| Tại ngày 01/01/2008           | 2.222.501.780         | 2.222.501.780         |
| Tăng trong năm                | 2.817.510.511         | 2.817.510.511         |
| Giảm trong năm                | -                     | -                     |
| <b>Tại ngày 31/12/2008</b>    | <b>5.040.012.291</b>  | <b>5.040.012.291</b>  |
| <b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>        |                       |                       |
| <b>Tại ngày 31/12/2008</b>    | <b>18.330.500.676</b> | <b>18.330.500.676</b> |
| <b>Tại ngày 31/12/2007</b>    | <b>7.206.963.211</b>  | <b>7.206.963.211</b>  |

Nhà xưởng bao gồm 3 khu nhà xưởng Green Feed tại Khu công nghiệp Phố Nối A được Công ty Cổ phần Xây dựng và Phát triển Đô thị Hòa Phát xây dựng và đã cho các đơn vị khác thuê. Công ty khấu hao tài sản này với thời gian khấu hao 6 năm, tương ứng với thời gian sử dụng ước tính.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)****MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***14. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY CON**

Trong năm, Công ty thực góp thêm vốn vào các công ty con, đồng thời đầu tư vốn để trở thành cổ đông sáng lập của công ty con mới thành lập. Chi tiết các công ty con này như sau:

| Tên Công ty con                                        | Giá trị đầu tư ghi nhận tại Công ty |                          |
|--------------------------------------------------------|-------------------------------------|--------------------------|
|                                                        | 31/12/2008                          | 31/12/2007               |
|                                                        | VND                                 | VND                      |
| Công ty TNHH Thiết bị Phụ tùng Hòa Phát                | 139.500.000.000                     | 139.500.000.000          |
| Công ty Cổ phần Nội thất Hòa Phát                      | 199.000.000.000                     | 149.000.000.000          |
| Công ty TNHH Ống Thép Hòa Phát                         | 199.500.000.000                     | 159.500.000.000          |
| Công ty TNHH Điện lạnh Hòa Phát                        | 149.500.000.000                     | 99.500.000.000           |
| Công ty Cổ phần Xây dựng và Phát triển Đô thị Hòa Phát | 149.000.000.000                     | 149.000.000.000          |
| Công ty TNHH Thương Mại Hòa Phát                       | 49.500.000.000                      | 29.500.000.000           |
| Công ty Cổ phần Thép Hòa Phát                          | 705.300.000.000                     | 425.000.000.000          |
| Công ty Cổ phần Thép cán tấm Kinh Môn                  | 425.000.000.000                     | 200.000.000              |
| Công ty TNHH Hòa Phát Lào (*)                          | 4.970.312.298                       | -                        |
|                                                        | <b>2.021.270.312.298</b>            | <b>1.151.200.000.000</b> |

(\*) Ngày thành lập công ty là ngày 01/02/2008.

Các công ty con trên được hợp nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất này. Chi tiết thông tin về các công ty con này tại ngày 31/12/2008 như sau:

| Tên công ty con                                        | Nơi thành lập và hoạt động | Tỷ lệ phần sở hữu và biểu quyết nắm giữ | Hoạt động chính                                                                                                                                                                                                                                                  |
|--------------------------------------------------------|----------------------------|-----------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| Công ty TNHH Thiết bị Phụ tùng Hòa Phát                | Hà Nội                     | 99,64%                                  | Chuyên kinh doanh máy xây dựng vừa và nhỏ, máy khai thác đá phục vụ cho các công trình xây dựng và phát triển cơ sở hạ tầng, là đại lý độc quyền cung cấp thiết bị xây dựng.                                                                                     |
| Công ty Cổ phần Nội thất Hòa Phát                      | Hà Nội                     | 99,50%                                  | Sản xuất hàng nội thất phục vụ văn phòng, gia đình, trường học bằng gỗ và sắt; buôn bán tư liệu sản xuất, tư liệu tiêu dùng (chủ yếu là hàng nội thất); và đại lý mua, đại lý bán, ký gửi hàng hóa.                                                              |
| Công ty TNHH Ống thép Hòa Phát                         | Hà Nội                     | 99,75%                                  | Sản xuất các loại ống thép và sản phẩm thép cán.                                                                                                                                                                                                                 |
| Công ty TNHH Điện lạnh Hòa Phát                        | Hưng Yên                   | 99,67%                                  | Sản xuất và kinh doanh nguyên vật liệu và các sản phẩm nhựa Plastic, sản xuất, lắp ráp, sửa chữa, bảo hành hàng điện, điện tử, điện lạnh, điện dân dụng, điều hòa không khí. Sản phẩm chính của công ty mang nhãn hiệu Funiki bao gồm: bình nước nóng, điều hòa. |
| Công ty Cổ phần Xây dựng và Phát triển Đô thị Hòa Phát | Hà Nội                     | 99,33%                                  | Xây dựng dân dụng, xây dựng công nghiệp, kinh doanh bất động sản, cho thuê nhà và văn phòng, đầu tư xây dựng đồng bộ hạ tầng kỹ thuật, kinh doanh hạ tầng khu công nghiệp.                                                                                       |

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)****MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***14. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY CON (Tiếp theo)**

| Tên công ty con                       | Nơi thành lập và hoạt động | Tỷ lệ phần sở hữu và biểu quyết năm giữ | Hoạt động chính                                                                                                                                                                                         |
|---------------------------------------|----------------------------|-----------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| Công ty TNHH Thương mại Hòa Phát      | Hà Nội                     | 99%                                     | Kinh doanh mua bán, nhập khẩu các loại thép cuộn, thép tấm, ống mạ kẽm, ống đúc, và sắt thép phế liệu.                                                                                                  |
| Công ty Cổ phần Thép Hòa Phát         | Hải Dương                  | 85%                                     | Sản xuất sắt, thép, gang; khai thác quặng sắt; khai thác và thu gom than non.                                                                                                                           |
| Công ty Cổ phần Thép cán tấm Kinh Môn | Hải Dương                  | 85%                                     | Sản xuất sắt, thép, gang; rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại; bán buôn kim loại và quặng kim loại; vận tải hàng hóa bằng đường bộ; vận tải hàng hóa đường thủy nội địa; bốc xếp hàng hóa. |
| Công ty TNHH Hòa Phát Lào             | Lào                        | 100%                                    | Thăm dò khoáng sản theo các địa điểm được chính phủ CHDCND Lào cấp phép.                                                                                                                                |

**15. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN KẾT, LIÊN DOANH**

|                                                                                     | 31/12/2008<br>VND      | 31/12/2007<br>VND      |
|-------------------------------------------------------------------------------------|------------------------|------------------------|
| Đầu tư vào các công ty liên kết                                                     | 373.500.000.000        | 190.000.000.000        |
| Phần lợi nhuận, cổ tức được chia trong năm                                          | -                      | -                      |
| Phần lợi nhuận của Tập đoàn trong kết quả kinh doanh của công ty liên kết           | 10.928.578.066         | 1.378.132.059          |
| Phần sở hữu của Tập đoàn trong giá trị thay đổi vốn chủ sở hữu của công ty liên kết | (3.842.771.170)        | 861.298.356            |
|                                                                                     | <b>380.585.806.896</b> | <b>192.239.430.415</b> |

Thông tin chi tiết về các công ty liên kết tại ngày 31/12/2008 như sau:

| Tên công ty liên kết                    | Nơi thành lập và hoạt động | Tỷ lệ phần sở hữu và biểu quyết năm giữ | Giá trị đầu tư ghi nhận tại Công ty tại ngày 31/12/2008 | Hoạt động chính                                                                                                                                |
|-----------------------------------------|----------------------------|-----------------------------------------|---------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| Công ty Cổ phần Xi măng Hòa Phát (*)    | Hà Nam                     | 50%                                     | 300.000.000.000                                         | Sản xuất và tiêu thụ clinker, xi măng; sản xuất và kinh doanh phụ liệu và các chất phụ gia xi măng; khai thác và kinh doanh vật liệu xây dựng. |
| Công ty Cổ phần Khoáng sản Hòa Phát (*) | Hưng Yên                   | 49%                                     | 73.500.000.000                                          | Khai thác và thu gom than; khai thác quặng; khai thác đá; sản xuất sắt thép.                                                                   |

(\*) Ban Giám đốc Công ty cho rằng Công ty Cổ phần Xi măng Hòa Phát, Công ty Cổ phần Khoáng sản Hòa Phát chưa đủ điều kiện ghi nhận là các công ty con của Tập đoàn do Tập đoàn chưa có đầy đủ quyền kiểm soát và chi phối chính sách tài chính và hoạt động đối với các công ty này.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)****MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***15. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN KẾT, LIÊN DOANH (Tiếp theo)**

| Tên công ty liên kết                              | Nơi thành lập và hoạt động | Tỷ lệ phần sở hữu và biểu quyết năm giữ | Giá trị đầu tư ghi nhận tại Công ty tại ngày 31/12/2008 | Hoạt động chính                                                                                                           |
|---------------------------------------------------|----------------------------|-----------------------------------------|---------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| Công ty Cổ phần Khai khoáng Hòa Phát              | Kon tum                    | 40%                                     | -                                                       | Khai thác và thu gom than; khai thác quặng; khai thác đá; sản xuất sắt thép; trồng và chăm sóc rừng.                      |
| Công ty Cổ phần Bất động sản Hòa Phát-Á Châu (**) | Hà Nội                     | 30%                                     | -                                                       | Xây dựng nhà, công trình dân dụng, chuyên dụng; kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất; kinh doanh vật liệu xây dựng. |

(\*\*) Công ty Cổ phần Bất động sản Hòa Phát - Á Châu được thành lập ngày 31/12/2008.

Thông tin tài chính tóm tắt về các công ty liên kết của Công ty được trình bày như sau:

|                                                        | 31/12/2008<br>VND | 31/12/2007<br>VND |
|--------------------------------------------------------|-------------------|-------------------|
| Tổng tài sản                                           | 1.260.186.919.701 | 598.418.102.533   |
| Tổng công nợ                                           | 499.730.808.654   | 193.916.175.862   |
| Tài sản thuần                                          | 760.456.111.047   | 404.501.926.671   |
| Phần tài sản thuần Công ty đầu tư vào công ty liên kết | 378.725.356.984   | 192.239.430.415   |
|                                                        | Năm 2008<br>VND   | Năm 2007<br>VND   |
| Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ                 | 118.740.956.409   | 11.737.267.823    |
| Lợi nhuận thuần                                        | 19.105.963.272    | 2.779.329.959     |
| Lợi nhuận thuần từ khoản đầu tư vào công ty liên kết   | 9.550.446.007     | 1.378.132.059     |

**16. ĐẦU TƯ DÀI HẠN KHÁC**

Theo Nghị quyết số 07/NQ-NHHV ngày 15/9/2008, Đại hội đồng cổ đông lần thứ 4 của Ngân hàng TMCP Hồng Việt đã chấm dứt việc thành lập Ngân hàng TMCP Hồng Việt. Theo đó, trong năm 2008, Công ty đã nhận lại khoản vốn đã góp năm 2007 để thành lập ngân hàng này với số vốn góp là 400 tỷ đồng, trong đó bao gồm số tiền 200 tỷ đồng là khoản Công ty nhận ủy thác đầu tư từ các tổ chức kinh tế. Công ty cũng đã thực hiện thanh lý và hoàn trả lại khoản nhận ủy thác đầu tư này cho các tổ chức kinh tế trong năm 2008. Theo đó, giá trị khoản mục Đầu tư dài hạn khác, khoản mục Phải thu dài hạn khác và khoản mục Phải trả dài hạn khác của Công ty đã được ghi giảm tương ứng với số tiền là 200 tỷ đồng cho mỗi khoản mục.

**17. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN**

|                               | Năm 2008<br>VND        | Năm 2007<br>VND       |
|-------------------------------|------------------------|-----------------------|
| Tại ngày 1 tháng 1            | 18.993.576.693         | 22.904.967.572        |
| Tăng                          | 102.071.935.648        | 13.992.286.708        |
| Phân bổ vào chi phí trong năm | (12.805.847.917)       | (15.164.215.988)      |
| Giảm khác                     | (1.589.428.896)        | (2.739.461.599)       |
| Tại ngày 31 tháng 12 (*)      | <b>106.670.235.528</b> | <b>18.993.576.693</b> |

(\*) Số dư tại 31/12/2008 bao gồm số tiền khoảng 80 tỷ là tiền thuê đất; chi phí đền bù, hỗ trợ giải phóng mặt bằng sẽ được giảm trừ vào tiền thuê đất phải nộp trong tương lai.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)****MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***18. THUẾ THU NHẬP HOẢN LẠI**

|                                             | <b>Tại ngày<br/>31/12/2007</b> | <b>Chuyển sang lợi<br/>nhuận/(lỗ) trong năm</b> | <b>Tại ngày<br/>31/12/2008</b> |
|---------------------------------------------|--------------------------------|-------------------------------------------------|--------------------------------|
|                                             | VND                            | VND                                             | VND                            |
| Chuyển lỗ của năm trước                     | 336.728.295                    | (336.728.295)                                   | -                              |
| Chi phí phải trả và các khoản dự phòng khác | 3.753.161.935                  | 2.261.681.630                                   | 6.014.843.565                  |
| Chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện   | 86.161.363                     | 350.184.710                                     | 436.346.073                    |
| Lợi nhuận chưa thực hiện                    | 8.026.321.343                  | 2.914.411.746                                   | 10.940.733.089                 |
| Điều chỉnh hồi tố chi phí khấu hao          | 1.098.426.436                  | (274.606.609)                                   | 823.819.827                    |
|                                             | <b>13.300.799.372</b>          | <b>4.914.943.182</b>                            | <b>18.215.742.554</b>          |

Một số khoản thu nhập hoãn lại phải trả và tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã được bù trừ theo chế độ kế toán của Công ty cho mục đích lập báo cáo tài chính:

|                                 | <b>31/12/2008</b>     | <b>31/12/2007</b>     |
|---------------------------------|-----------------------|-----------------------|
|                                 | VND                   | VND                   |
| Tài sản thuế thu nhập hoãn lại  | 19.159.968.886        | 13.300.799.372        |
| Thuế thu nhập hoãn lại phải trả | (944.226.332)         | -                     |
|                                 | <b>18.215.742.554</b> | <b>13.300.799.372</b> |

**19. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN**

|                                 | <b>31/12/2008</b>      | <b>31/12/2007</b>      |
|---------------------------------|------------------------|------------------------|
|                                 | VND                    | VND                    |
| Vay ngắn hạn ngân hàng          | 565.549.390.272        | 625.992.431.481        |
| Vay ngắn hạn cá nhân            | 15.250.000.000         | -                      |
| Nợ dài hạn đến hạn trả          | 7.530.268.449          | 27.140.223.971         |
| - Vay dài hạn đến hạn trả       | 5.850.000.000          | 24.894.889.638         |
| - Nợ thuê tài chính đến hạn trả | 1.680.268.449          | 2.245.334.333          |
|                                 | <b>588.329.658.721</b> | <b>653.132.655.452</b> |

Các khoản vay ngắn hạn ngân hàng dưới hình thức hợp đồng hạn mức tín dụng với thời gian tối đa là 12 tháng. Các khoản vay hầu hết được đảm bảo bằng tài sản thế chấp của các công ty trong Tập đoàn và tài sản của các cá nhân.

Vay ngắn hạn cá nhân phản ánh khoản vay từ các cá nhân với lãi suất 12,75%/năm để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh.

**20. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC**

|                            | <b>31/12/2008</b>     | <b>31/12/2007</b>      |
|----------------------------|-----------------------|------------------------|
|                            | VND                   | VND                    |
| Thuế giá trị gia tăng      | 39.113.720.838        | 22.848.252.733         |
| Thuế tiêu thụ đặc biệt     | 10.398.453.731        | 3.738.375.732          |
| Thuế xuất, nhập khẩu       | 2.929.356.425         | 1.400.160.405          |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp | 28.086.639.397        | 84.707.897.475         |
| Các loại thuế khác         | 2.855.845.118         | 1.242.649.793          |
|                            | <b>83.384.015.509</b> | <b>113.937.336.138</b> |

**21 CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỢ NGẮN HẠN KHÁC**

|                                   | <u>31/12/2008</u>            | <u>31/12/2007</u>            |
|-----------------------------------|------------------------------|------------------------------|
|                                   | VND                          | VND                          |
| Tài sản thừa chờ giải quyết       | 403.396.538                  | 40.707.566                   |
| Phải trả tiền cổ tức              | 837.360.000                  | 57.756.950.000               |
| Doanh thu chưa thực hiện          | 743.015.265                  | -                            |
| Các khoản phải trả, phải nộp khác | 23.750.968.870               | 11.128.825.605               |
|                                   | <u><b>25.734.740.673</b></u> | <u><b>68.926.483.171</b></u> |

**22. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN**

|                           | <u>31/12/2008</u>           | <u>31/12/2007</u>            |
|---------------------------|-----------------------------|------------------------------|
|                           | VND                         | VND                          |
| Vay dài hạn ngân hàng     | 5.872.000.000               | 45.393.197.292               |
| Nợ thuê tài chính dài hạn | 163.190.854                 | 1.843.459.303                |
|                           | <u><b>6.035.190.854</b></u> | <u><b>47.236.656.595</b></u> |

Khoản vay dài hạn ngân hàng phản ánh khoản vay của Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hưng Yên với lãi suất 5,4%/năm.

Các khoản vay dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

|                                                                             | <u>31/12/2008</u>           | <u>31/12/2007</u>            |
|-----------------------------------------------------------------------------|-----------------------------|------------------------------|
|                                                                             | VND                         | VND                          |
| Trong vòng một năm                                                          | 5.850.000.000               | 24.894.889.638               |
| Trong năm thứ hai                                                           | 4.992.000.000               | 34.985.413.302               |
| Từ năm thứ ba đến năm thứ năm                                               | 880.000.000                 | 9.527.783.990                |
| Sau năm năm                                                                 | -                           | 880.000.000                  |
|                                                                             | 11.722.000.000              | 70.288.086.930               |
| Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng<br>(được trình bày ở phần nợ ngắn hạn) | 5.850.000.000               | 24.894.889.638               |
| <b>Số phải trả sau ngày 31 tháng 12</b>                                     | <u><b>5.872.000.000</b></u> | <u><b>45.393.197.292</b></u> |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

23. VỐN CHỦ SỞ HỮU

a. Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

|                                                       | Vốn<br>điều lệ    | VND | Thặng dư vốn<br>cổ phần | VND | Chênh lệch tỷ giá<br>hối đoái | VND | Quỹ dự phòng<br>tài chính | VND | Lợi nhuận<br>chưa phân phối | VND | Tổng cộng         | VND |
|-------------------------------------------------------|-------------------|-----|-------------------------|-----|-------------------------------|-----|---------------------------|-----|-----------------------------|-----|-------------------|-----|
| Số dư tại 01/01/2007                                  | 845.400.000.000   |     | -                       |     | -                             |     | 1.880.000.000             |     | 141.614.099.606             |     | 988.894.099.606   |     |
| Tăng trong năm                                        | 474.600.000.000   |     | 1.315.000.000.000       |     | 2.553.408.756                 |     | -                         |     | -                           |     | 1.792.153.408.756 |     |
| Tăng từ lợi nhuận trong năm                           | -                 |     | -                       |     | -                             |     | -                         |     | 642.093.765.524             |     | 642.093.765.524   |     |
| Lợi nhuận chưa thực hiện năm 2006                     | -                 |     | -                       |     | -                             |     | -                         |     | 1.779.208.399               |     | 1.779.208.399     |     |
| Thu lại lợi nhuận đã chia quá của các năm trước       | -                 |     | -                       |     | -                             |     | -                         |     | 33.172.965.413              |     | 33.172.965.413    |     |
| Giảm Quỹ khác                                         | -                 |     | -                       |     | -                             |     | (1.437.463.700)           |     | 4.635.149.198               |     | 3.197.685.498     |     |
| Chia lợi nhuận năm 2006                               | -                 |     | -                       |     | -                             |     | -                         |     | (177.927.024.144)           |     | (177.927.024.144) |     |
| Trích Quỹ năm 2006                                    | -                 |     | -                       |     | -                             |     | 1.555.248.000             |     | (3.274.398.473)             |     | (1.719.150.473)   |     |
| Trích Quỹ năm 2007                                    | -                 |     | -                       |     | -                             |     | 32.198.681.355            |     | (58.227.977.355)            |     | (26.029.296.000)  |     |
| Tạm ứng cổ tức năm 2007                               | -                 |     | -                       |     | -                             |     | -                         |     | (132.000.000.000)           |     | (132.000.000.000) |     |
| Giảm khác và điều chỉnh theo Biên bản quyết toán thuế | -                 |     | -                       |     | -                             |     | -                         |     | (2.119.436.741)             |     | (2.119.436.741)   |     |
| Số dư tại 31/12/2007                                  | 1.320.000.000.000 |     | 1.315.000.000.000       |     | 2.553.408.756                 |     | 34.196.465.655            |     | 449.746.351.427             |     | 3.121.496.225.838 |     |
| Tăng trong năm                                        | 82.600.000.000    |     | 446.160.000.000         |     | (8.605.964.137)               |     | -                         |     | -                           |     | 520.154.035.863   |     |
| Chia cổ tức năm 2007 bằng cổ phiếu                    | 420.779.990.000   |     | -                       |     | -                             |     | -                         |     | (420.779.990.000)           |     | -                 |     |
| Cổ phiếu thưởng                                       | 140.259.990.000   |     | (140.259.990.000)       |     | -                             |     | -                         |     | -                           |     | -                 |     |
| Tăng từ lợi nhuận trong năm                           | -                 |     | -                       |     | -                             |     | -                         |     | 854.190.953.980             |     | 854.190.953.980   |     |
| Điều chỉnh thuế TNDN năm 2007 (*)                     | -                 |     | -                       |     | -                             |     | -                         |     | 12.064.335.813              |     | 12.064.335.813    |     |
| Hoàn nhập quỹ khi hợp nhất                            | -                 |     | -                       |     | -                             |     | (94.109.535)              |     | 633.842.404                 |     | 539.732.869       |     |
| Tăng khác                                             | -                 |     | -                       |     | -                             |     | -                         |     | 7.099.681                   |     | 7.099.681         |     |
| Trích Quỹ năm 2008                                    | -                 |     | -                       |     | -                             |     | 42.327.613.080            |     | (84.821.281.157)            |     | (42.493.668.077)  |     |
| Tạm ứng cổ tức năm 2008                               | -                 |     | -                       |     | -                             |     | -                         |     | (392.727.996.000)           |     | (392.727.996.000) |     |
| Thù lao Ban kiểm soát, Hội đồng Quản trị              | -                 |     | -                       |     | -                             |     | -                         |     | (2.570.000.000)             |     | (2.570.000.000)   |     |
| Số dư tại 31/12/2008                                  | 1.963.639.980.000 |     | 1.620.900.010.000       |     | (6.052.555.381)               |     | 76.429.969.200            |     | 415.743.316.148             |     | 4.070.660.719.967 |     |

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)****MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***23. VỐN CHỦ SỞ HỮU (Tiếp theo)**

(\*) Theo Giấy chứng nhận đầu tư số 052 01 000 026 ngày 02/05/2007 của Ban quản lý các Khu công nghiệp Hưng Yên thì Công ty vẫn được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp cho năm 2007 của Nhà máy Phôi. Tuy nhiên, Công ty đã không tính toán các ưu đãi miễn thuế này trong năm 2007. Do vậy, Công ty đã thực hiện điều chỉnh giảm số thuế đã trích trong năm 2008.

**b. Vốn điều lệ**

Vốn điều lệ được tăng trong năm theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông số 01/NQHP-01/2008 ngày 18/01/2008 và Nghị quyết số 01/NQHP-06/2008 ngày 9/6/2008. Theo đó,

- Công ty thực hiện chào bán riêng lẻ cho các đối tác chiến lược (thực tế bán 8.260.000 cổ phần, thặng dư vốn thu được là 446.160.000.000 đồng); và
- Phát hành tăng vốn bằng cách chia cổ phiếu thưởng lấy từ nguồn thặng dư vốn cổ phần (số cổ phiếu thưởng thực tế là 14.025.999 cổ phần, giá trị là 140.259.990.000 đồng) và chia cổ tức năm 2007 từ lợi nhuận sau thuế bằng 40% (10% đã tạm ứng bằng tiền ngày 31/12/2007) và 30% bằng cổ phiếu (số cổ phần tăng thêm là 42.077.999 cổ phần, giá trị là 420.779.990.000 đồng).

Theo Quyết định số 56/QĐ-SGDHCM ngày 19/5/2008 và Quyết định số 97/QĐ-SGDHCM ngày 20/8/2008 của Sở Giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh, Công ty đã được niêm yết bổ sung số cổ phiếu phát hành thêm nêu trên.

**c. Cổ tức**

Trong năm 2008, Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát đã ban hành Nghị quyết số 04/NQHP-08/2008 ngày 18/08/2008 và Quyết định số 01/QĐHP-11/2008 ngày 24/11/2008 về việc tạm ứng cổ tức năm 2008 với tỷ lệ trả cổ tức theo từng lần là 10% trên mệnh giá. Tổng số cổ tức thông báo tạm ứng là 392.727.996.000 đồng. Đến ngày 31/12/2008, Công ty đã thanh toán cổ tức năm 2008 cho cổ đông với số tiền là 392.178.936.000 đồng.

**d. Số cổ phiếu đang lưu hành**

|                                        | <u>31/12/2008</u>  | <u>31/12/2007</u>  |
|----------------------------------------|--------------------|--------------------|
| <b>Số lượng cổ phiếu đang lưu hành</b> | <b>196.363.998</b> | <b>132.000.000</b> |
| Cổ phiếu phổ thông                     | 196.363.998        | 132.000.000        |

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành 10.000 đồng/cổ phiếu.

**e. Các quỹ**

Trong năm, Tập đoàn đã thực hiện trích Quỹ dự phòng tài chính và tạm trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi. Việc trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi sẽ được thông qua vào cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2008.

**24. LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ**

|                                 | <u>31/12/2008</u>             | <u>31/12/2007</u>            |
|---------------------------------|-------------------------------|------------------------------|
|                                 | VND                           | VND                          |
| Vốn đầu tư của cổ đông thiểu số | 228.990.000.000               | 79.000.000.000               |
| Lợi ích của cổ đông thiểu số    | 5.219.358.493                 | 1.879.861.568                |
|                                 | <u><b>234.209.358.493</b></u> | <u><b>80.879.861.568</b></u> |

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)****MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***25. DOANH THU**

|                                                            | <b>Năm 2008</b>          | <b>Năm 2007</b>          |
|------------------------------------------------------------|--------------------------|--------------------------|
|                                                            | VND                      | VND                      |
| <b>Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>              | <b>8.502.113.474.005</b> | <b>5.733.717.351.247</b> |
| Trong đó:                                                  |                          |                          |
| - Doanh thu bán hàng hóa, sản phẩm                         | 8.267.019.495.276        | 5.503.288.731.712        |
| - Doanh thu cung cấp dịch vụ                               | 6.195.536.535            | 3.598.379.602            |
| - Doanh thu cho thuê đất và nhà xưởng                      | 82.901.283.517           | 102.420.569.956          |
| - Doanh thu bán hàng hóa bất động sản                      | -                        | 70.000.000.000           |
| - Doanh thu xây lắp                                        | 131.082.966.581          | 45.082.650.363           |
| - Doanh thu khác                                           | 14.914.192.096           | 9.327.019.614            |
| <b>Các khoản giảm trừ</b>                                  | <b>137.308.587.515</b>   | <b>90.782.853.734</b>    |
| - Chiết khấu thương mại                                    | 63.576.599.333           | 43.257.357.358           |
| - Giảm giá hàng bán                                        | 6.687.829.805            | 2.707.696.787            |
| - Hàng bán bị trả lại                                      | 39.468.297.731           | 17.120.028.876           |
| - Thuế tiêu thụ đặc biệt                                   | 23.628.755.178           | 26.435.123.267           |
| - Thuế xuất khẩu                                           | 3.947.105.468            | 1.262.647.446            |
| <b>Doanh thu thuần về bán hàng hoá và cung cấp dịch vụ</b> | <b>8.364.804.886.490</b> | <b>5.642.934.497.513</b> |

**26. GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

|                                         | <b>Năm 2008</b>          | <b>Năm 2007</b>          |
|-----------------------------------------|--------------------------|--------------------------|
|                                         | VND                      | VND                      |
| Giá vốn của thành phẩm, hàng hóa đã bán | 6.761.527.384.266        | 4.508.328.597.873        |
| Giá vốn dịch vụ đã cung cấp             | 2.781.085.964            | 2.336.955.060            |
| Giá vốn cho thuê đất và nhà xưởng       | 34.914.236.449           | 59.863.327.836           |
| Giá vốn bán hàng hóa bất động sản       | -                        | 63.590.559.147           |
| Giá vốn xây lắp                         | 118.405.348.219          | 35.682.274.224           |
| Giá vốn khác                            | 10.510.838.017           | 5.327.774.781            |
| Dự phòng giảm giá hàng tồn kho          | 178.356.608.602          | 1.282.912.257            |
|                                         | <b>7.106.495.501.517</b> | <b>4.676.412.401.178</b> |

**27. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

|                                               | <b>Năm 2008</b>        | <b>Năm 2007</b>       |
|-----------------------------------------------|------------------------|-----------------------|
|                                               | VND                    | VND                   |
| Lãi tiền gửi, tiền cho vay, đầu tư trái phiếu | 104.203.668.150        | 15.637.710.333        |
| Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện            | 34.373.391.362         | 8.077.647.457         |
| Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện          | -                      | 869.488.352           |
| Doanh thu tài chính khác                      | 11.237.858.715         | 1.301.773.375         |
|                                               | <b>149.814.918.227</b> | <b>25.886.619.517</b> |

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)****MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***28. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

|                                     | <b>Năm 2008</b>        | <b>Năm 2007</b>       |
|-------------------------------------|------------------------|-----------------------|
|                                     | VND                    | VND                   |
| Lãi tiền vay                        | 74.436.977.629         | 39.573.467.881        |
| Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện   | 94.519.833.437         | 4.013.483.720         |
| Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện | 1.827.349.065          | 1.248.715.046         |
| Chi phí hoạt động tài chính khác    | 30.000.000             | 428.274.000           |
|                                     | <b>170.814.160.131</b> | <b>45.263.940.647</b> |

**29. LỢI NHUẬN KHÁC**

|                                                      | <b>Năm 2008</b>       | <b>Năm 2007</b>       |
|------------------------------------------------------|-----------------------|-----------------------|
|                                                      | VND                   | VND                   |
| Thu từ thanh lý tài sản cố định                      | 2.769.666.428         | 11.705.010.232        |
| Chuyển nhượng chi phí đền bù đất và san lấp mặt bằng | 2.295.500.000         | -                     |
| Tiền thu hỗ trợ lãi suất đầu tư                      | 1.362.992.194         | 2.165.677.533         |
| Khác                                                 | 19.858.157.960        | 16.546.417.088        |
| Thu nhập khác                                        | <b>26.286.316.582</b> | <b>30.417.104.853</b> |
| Giá trị còn lại của tài sản cố định đã thanh lý      | 3.651.118.239         | 12.965.450.283        |
| Chi đền bù đất và san lấp mặt bằng đất chuyển giao   | 2.885.428.699         |                       |
| Khác                                                 | 3.113.760.432         | 10.825.314.482        |
| Chi phí khác                                         | <b>9.650.307.370</b>  | <b>23.790.764.765</b> |
| Lợi nhuận thuần từ hoạt động khác                    | <b>16.636.009.212</b> | <b>6.626.340.088</b>  |

**30. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP**

|                                                             | <b>Năm 2008</b>          | <b>Năm 2007</b>        |
|-------------------------------------------------------------|--------------------------|------------------------|
|                                                             | VND                      | VND                    |
| <b>Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp cho năm hiện tại</b> |                          |                        |
| <b>Lợi nhuận trước thuế</b>                                 | <b>1.018.629.483.945</b> | <b>759.425.596.378</b> |
| <b>Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế</b>                    |                          |                        |
| Trừ: Thu nhập không chịu thuế                               | (86.009.866.934)         | (84.608.735.929)       |
| Cộng: chi phí không được khấu trừ, lợi nhuận chưa thực hiện | 23.106.039.207           | 14.501.604.412         |
| <b>Thu nhập chịu thuế</b>                                   | <b>955.725.656.218</b>   | <b>689.318.464.861</b> |
| Thuế suất thông thường                                      | 28%                      | 28%                    |
| <b>Thuế thu nhập doanh nghiệp</b>                           | <b>164.134.114.654</b>   | <b>122.238.902.371</b> |
| Thuế suất hiện hành                                         | 17%                      | 18%                    |
| <b>Thuế thu nhập hoãn lại (Xem Thuyết minh số 18)</b>       | <b>(4.914.943.182)</b>   | <b>(6.786.933.085)</b> |
|                                                             | <b>159.219.171.472</b>   | <b>115.451.969.286</b> |

**31. LÃI TRÊN CỔ PHIẾU**

|                                                      | <b>Năm 2008</b> | <b>Năm 2007</b> |
|------------------------------------------------------|-----------------|-----------------|
|                                                      | VND             | VND             |
| Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp     | 854.190.953.980 | 642.093.765.524 |
| Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm | 192.442.675     | 121.977.533     |
| Lãi cơ bản trên cổ phiếu                             | 4.439           | 5.264           |



32.     BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH (Tiếp theo)

Năm 2007:

|                                  | Sản xuất cán, kéo thép các loại | Sản xuất hàng nội thất | Sản xuất hàng điện lạnh | Sản xuất ống thép và sản phẩm thép cán | Xây dựng, kinh doanh hạ tầng khu công nghiệp | Kinh doanh máy xây dựng | Kinh doanh thép các loại và phế liệu | Bù trừ hợp nhất     | Tổng cộng         |
|----------------------------------|---------------------------------|------------------------|-------------------------|----------------------------------------|----------------------------------------------|-------------------------|--------------------------------------|---------------------|-------------------|
|                                  | VND                             | VND                    | VND                     | VND                                    | VND                                          | VND                     | VND                                  | VND                 | VND               |
| Tổng tài sản                     | 3.986.891.044.884               | 529.590.975.807        | 287.117.210.706         | 891.633.973.743                        | 261.024.459.206                              | 299.225.638.575         | 98.884.632.545                       | (1.597.573.116.194) | 4.756.794.819.272 |
| Tổng nợ phải trả                 | 579.667.043.631                 | 325.744.297.405        | 166.697.472.520         | 623.737.276.203                        | 90.603.658.364                               | 122.215.161.400         | 57.961.643.313                       | (433.262.334.865)   | 1.533.364.217.971 |
| Doanh thu                        |                                 |                        |                         |                                        |                                              |                         |                                      |                     |                   |
| Doanh thu thuần bán ra bên ngoài | 2.276.980.439.051               | 835.184.963.555        | 367.379.082.655         | 1.215.349.613.784                      | 225.825.292.235                              | 419.963.920.646         | 302.251.185.587                      | -                   | 5.642.934.497.513 |
| Doanh thu nội bộ Tập đoàn        | 17.127.808.503                  | 7.905.921.391          | 39.306.422.349          | 157.684.394.444                        | 59.325.781.634                               | 7.692.343.021           | 86.434.425.794                       | (375.477.097.136)   | -                 |
| Tổng doanh thu                   | 2.294.108.247.554               | 843.090.884.946        | 406.685.505.004         | 1.373.034.008.228                      | 285.151.073.869                              | 427.656.263.667         | 388.685.611.381                      | (375.477.097.136)   | 5.642.934.497.513 |
| Tỷ lệ %                          | 38%                             | 14%                    | 7%                      | 23%                                    | 5%                                           | 7%                      | 6%                                   |                     | 100%              |

Kết quả kinh doanh

|                                              |                 |                 |                 |                 |                |                |                |                 |                 |
|----------------------------------------------|-----------------|-----------------|-----------------|-----------------|----------------|----------------|----------------|-----------------|-----------------|
| Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh            | 329.088.995.735 | 102.468.906.970 | 39.927.077.151  | 148.457.498.285 | 56.064.560.233 | 59.042.394.769 | 20.166.951.306 | (3.795.260.218) | 751.421.124.231 |
| Lãi/(lỗ) khác                                | 3.913.003.391   | 4.161.231.431   | (2.874.421.539) | 977.553.199     | (730.824.307)  | 977.505.996    | 202.291.917    | -               | 6.626.340.088   |
| Lợi nhuận trong Công ty liên kết, liên doanh | -               | -               | -               | -               | -              | -              | -              | 1.378.132.059   | 1.378.132.059   |
| Lợi nhuận trước thuế                         | 333.001.999.126 | 106.630.138.401 | 37.052.655.612  | 149.435.051.484 | 55.333.735.926 | 60.019.900.765 | 20.369.243.223 | (2.417.128.159) | 759.425.596.378 |
| Chi phí thuế TNDN hiện hành                  | 34.137.152.158  | 25.682.753.844  | 1.712.235.829   | 30.511.418.723  | 15.207.328.287 | 9.180.531.695  | 5.807.481.835  | -               | 122.238.902.371 |
| Chi phí thuế TNDN hoãn lại                   | (341.805.492)   | (1.331.753.836) | (490.527.618)   | (1.438.974.896) | (365.856.109)  | 1.030.543.774  | (53.298.690)   | (3.795.260.218) | (6.786.933.085) |
| Lợi nhuận trong năm                          | 299.206.652.460 | 82.279.138.393  | 35.830.947.401  | 120.362.607.657 | 40.492.263.748 | 49.808.825.296 | 14.615.060.078 | 1.378.132.059   | 643.973.627.092 |
| Tỷ lệ %                                      | 47%             | 13%             | 5%              | 19%             | 6%             | 8%             | 2%             |                 | 100%            |

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)****MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***33. CÁC KHOẢN CAM KẾT*****Cam kết mua tài sản***

Đến ngày 31/12/2008, Tập đoàn đã ký hợp đồng cam kết mua máy móc, trang thiết bị và các hợp đồng xây dựng với các nhà thầu với tổng trị giá khoảng 1.858 tỷ đồng, trong đó số Tập đoàn đã thanh toán khoảng 780 tỷ đồng và số còn phải thanh toán là 1.078 tỷ đồng.

***Cam kết bảo lãnh vay***

Theo Thư bảo lãnh số 13-01/NH-HP ngày 16/01/2008, Công ty cam kết bảo lãnh thanh toán cho khoản vay và nghĩa vụ thanh toán các LC đến hạn thanh toán của Công ty Cổ phần Năng Lượng Hiệp Sơn với Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam. Tổng giá trị bảo lãnh tối đa quy đổi là 600 tỷ đồng. Bảo lãnh này có hiệu lực cho đến khi Công ty Cổ phần Năng lượng Hiệp Sơn thực hiện đầy đủ xong tất cả nghĩa vụ trả nợ của mình với Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam.

***Cam kết góp vốn***

| <b>Góp vốn</b>                               | <b>Vốn cam kết</b>     | <b>Đã thực hiện<br/>đến 31/12/2008</b> | <b>Chưa thực hiện<br/>đến 31/12/2008</b> |
|----------------------------------------------|------------------------|----------------------------------------|------------------------------------------|
| Công ty Cổ phần khai khoáng Hòa Phát-SSG     | 12.000.000.000         | -                                      | 12.000.000.000                           |
| Công ty Cổ phần Bất động sản Hòa Phát-Á Châu | 90.000.000.000         | -                                      | 90.000.000.000                           |
|                                              | <b>102.000.000.000</b> | <b>-</b>                               | <b>102.000.000.000</b>                   |

**34. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG**

|                                                                                                                                 | <b>Năm 2008<br/>VND</b>   | <b>Năm 2007<br/>VND</b>   |
|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------|---------------------------|
| Chi phí thuê hoạt động tối thiểu đã ghi nhận vào<br>Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm                     | 3.277.355.768             | 712.550.707               |
| Tại ngày kết thúc niên độ kế toán, Tập đoàn có các khoản cam kết thuê hoạt động không hủy ngang với<br>lịch thanh toán như sau: |                           |                           |
|                                                                                                                                 | <b>31/12/2008<br/>VND</b> | <b>31/12/2007<br/>VND</b> |
| Trong vòng một năm                                                                                                              | 3.838.274.610             | 2.115.739.600             |
| Từ năm thứ hai đến năm thứ năm                                                                                                  | 15.037.417.540            | 9.622.663.600             |
| Sau năm năm                                                                                                                     | 34.023.609.350            | 33.068.014.800            |
|                                                                                                                                 | <b>52.899.301.500</b>     | <b>44.806.418.000</b>     |

Các khoản cam kết thuê hoạt động thể hiện tổng số tiền thuê đất có thời hạn từ 35 đến 50 năm phục vụ cho việc xây dựng cơ sở sản xuất kinh doanh, xây dựng khu công nghiệp và các khoản thuê xây văn phòng, nhà xưởng khác của Tập đoàn.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)****MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***35. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

|                                                            | <b>Năm 2008</b>      | <b>Năm 2007</b>      |
|------------------------------------------------------------|----------------------|----------------------|
|                                                            | <b>VND</b>           | <b>VND</b>           |
| <b>Doanh thu</b>                                           |                      |                      |
| Công ty Cổ phần Xi măng Hòa Phát                           | 123.765.432.334      | 11.656.764.631       |
| Công ty Cổ phần Khoáng sản Hòa Phát                        | 4.409.448.605        | 61.915.872           |
| <b>Lãi vay</b>                                             |                      |                      |
| Công ty Cổ phần Khoáng sản Hòa Phát                        | 667.333.000          | 739.050.000          |
| <b>Mua tài sản, hàng hóa, dịch vụ</b>                      |                      |                      |
| Công ty Cổ phần Xi măng Hòa Phát                           | 1.217.210.000        | 25.864.721.510       |
| Công ty Cổ phần Khoáng sản Hòa Phát                        | 118.517.713.440      | 11.737.267.823       |
| Công ty Cổ phần Bông đá Hòa Phát                           | 2.036.363.635        | 1.400.000.000        |
| Ông Trần Đình Long- Chủ tịch Hội đồng quản trị             | 162.226.000.000      | -                    |
|                                                            | <b>31/12/2008</b>    | <b>31/12/2007</b>    |
|                                                            | <b>VND</b>           | <b>VND</b>           |
| <b>Các khoản phải thu</b>                                  |                      |                      |
| Công ty Cổ phần Xi măng Hòa Phát                           | 332.050.686          | -                    |
| Công ty Cổ phần Khoáng sản Hòa Phát                        | 1.045.400.000        | 635.535.807          |
| <b>Các khoản cho vay</b>                                   |                      |                      |
| Công ty Cổ phần Khoáng sản Hòa Phát                        | -                    | 130.000.000.000      |
| <b>Các khoản phải trả</b>                                  |                      |                      |
| Công ty Cổ phần Xi măng Hòa Phát                           | 65.981.941.487       | 22.466.885.000       |
| Công ty Cổ phần Khoáng sản Hòa Phát                        | 7.595.000.000        | 61.915.872           |
| <b>Thu nhập của Ban Giám đốc Công ty</b>                   |                      |                      |
|                                                            | <b>Năm 2008</b>      | <b>Năm 2007</b>      |
|                                                            | <b>VND</b>           | <b>VND</b>           |
| <b>Thu nhập Ban Giám đốc được hưởng trong năm như sau:</b> | <b>1.730.933.122</b> | <b>3.060.108.000</b> |
| Lương và thưởng                                            | 1.330.933.122        | 413.160.000          |
| Lãi vay                                                    | -                    | 2.646.948.000        |
| Thù lao Hội đồng quản trị                                  | 400.000.000          | -                    |

**36. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN**

Theo Hợp đồng Sáp nhập doanh nghiệp số 0112/2008/HĐ-HP ngày 27/12/2008 giữa Bên nhận sáp nhập là Công ty Cổ phần Thép Hòa Phát và Bên bị sáp nhập là Công ty Cổ phần Thép cán tấm Kinh Môn, Công ty Cổ phần Thép Hòa Phát đồng ý nhận sáp nhập và Công ty Cổ phần Thép cán tấm Kinh Môn đồng ý sáp nhập toàn bộ tài sản, quyền và nghĩa vụ hợp pháp của Công ty Cổ phần Thép cán tấm Kinh Môn sang Công ty Cổ phần Thép Hòa Phát. Mọi quyền lợi, nghĩa vụ và trách nhiệm được chuyển giao kể từ ngày được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép sáp nhập.

Theo Giấy phép đăng ký kinh doanh số 0403000659 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hải Dương cấp cho Công ty Cổ phần Thép Hòa Phát, thay đổi lần 6 ngày 05/01/2009 nâng mức vốn điều lệ thêm 500 tỷ đồng thành 1.500 tỷ đồng từ việc sáp nhập Công ty Cổ phần Thép cán tấm Kinh môn. Theo đó, Công ty Cổ phần Thép cán tấm Kinh Môn đã chính thức sáp nhập với Công ty Cổ phần Thép Hòa Phát kể từ ngày 05/01/2009.

**37. SỐ LIỆU SO SÁNH**

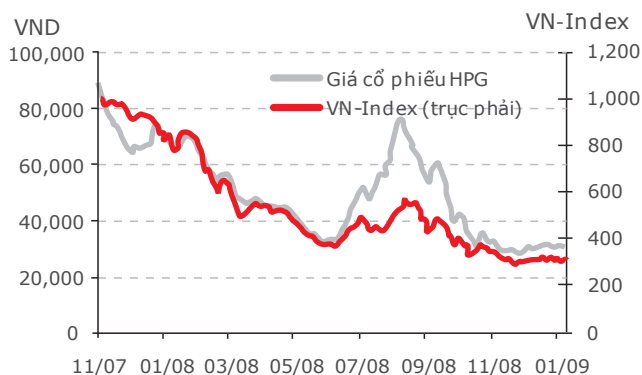
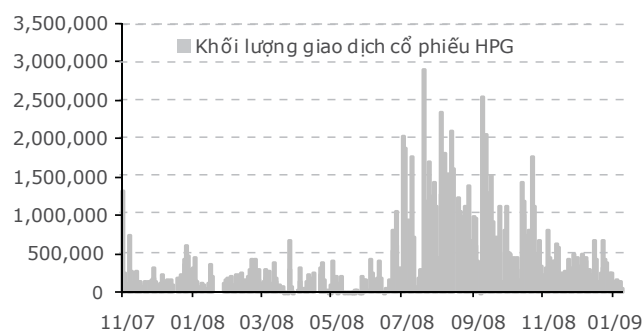
Là số liệu báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2007 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Deloitte Việt Nam. Một số số liệu của kỳ báo cáo trước được phân loại lại để phù hợp với việc so sánh với số liệu của kỳ này.

## THÔNG TIN VỀ TẬP ĐOÀN

|                    |                                                                 |
|--------------------|-----------------------------------------------------------------|
| Tên tiếng Việt:    | Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát                               |
| Tên tiếng Anh:     | Hoa Phat Group Joint Stock Company                              |
| Địa chỉ:           | Khu công nghiệp Phố Mới A, Giai Phạm, Yên Mỹ, Hưng Yên          |
| Chi nhánh Hà Nội:  | 243 Giải Phóng, Đống Đa, Hà Nội                                 |
| Điện thoại:        | (84) 4 36282011                                                 |
| Fax:               | (84) 4 36282114                                                 |
| Chi nhánh Đà Nẵng: | 171 Trường Chinh, Quận Thanh Khê, TP Đà Nẵng.                   |
| Điện thoại:        | (84) 511 3721232                                                |
| Fax:               | (84) 511 3722833                                                |
| Chi nhánh TP HCM:  | 129 Nguyễn Hữu Cánh, Phường 22, Quận Bình Thạnh, TP Hồ Chí Minh |
| Điện thoại:        | (84) 8 38991730                                                 |
| Fax:               | (84) 8 38991730                                                 |

## THÔNG TIN CỔ PHIẾU

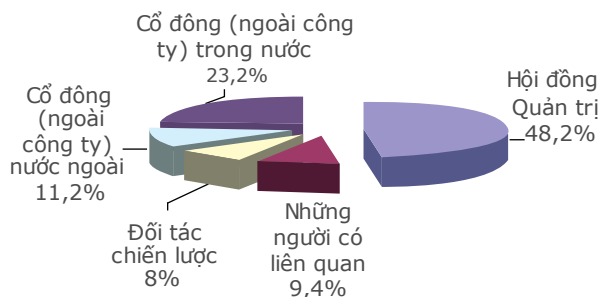
|                             |                        |
|-----------------------------|------------------------|
| Vốn điều lệ:                | 1.963.639.980.000 đồng |
| Mã chứng khoán:             | HPG                    |
| Sàn niêm yết:               | HOSE                   |
| Ngày bắt đầu niêm yết:      | 15/11/2007             |
| Số lượng cổ phiếu lưu hành: | 196.363.998 cổ phiếu   |

BIẾN ĐỘNG GIÁ CỔ PHIẾU HPG VÀ VNINDEX  
(TỪ 15/11/2007 ĐẾN 31/1/2009)KHỐI LƯỢNG GIAO DỊCH CỔ PHIẾU HPG  
(TỪ 15/11/2007 ĐẾN 31/1/2009)

CƠ CẤU CỔ ĐÔNG CHỐT NGÀY 9/12/2008

| Thành phần                      | Số lượng           | Tỷ lệ         |
|---------------------------------|--------------------|---------------|
| <b>Hội đồng Quản trị</b>        | <b>94.575.900</b>  | <b>48,2%</b>  |
| Trong đó VOF                    | <b>11.917.100</b>  | 6,1%          |
| Trong đó PENM                   | 10.248.000         | 5,2%          |
| <b>Những người có liên quan</b> | <b>18.551.000</b>  | <b>9,4%</b>   |
| <b>Cổ đông ngoài công ty</b>    | <b>83.237.098</b>  | <b>42,4%</b>  |
| Đối tác chiến lược              | 15.753.024         | 8,0%          |
| Cổ đông nước ngoài              | 21.992.260         | 11,2%         |
| Cổ đông trong nước              | 45.491.814         | 23,2%         |
| <b>Tổng</b>                     | <b>196.363.998</b> | <b>100,0%</b> |

CƠ CẤU CỔ ĐÔNG CHỐT NGÀY 9/12/2008



## CƠ CẤU CỔ ĐÔNG

|                              | Số lượng sở hữu | Tỷ lệ |
|------------------------------|-----------------|-------|
| Cổ đông sáng lập             | 70.812.000      | 36.0% |
| Cổ đông nước ngoài           | 45.557.360      | 23.2% |
| Cổ đông chiến lược/tài chính | 15.753.024      | 8.0%  |
| Cổ đông sở hữu trên 5%       | 88.526.500      | 45.1% |
| Cổ đông sở hữu từ 1-5%       | 47.497.284      | 24.2% |
| Cổ đông sở hữu dưới 1%       | 60.340.214      | 30.7% |

## DANH SÁCH CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP

| STT         | Họ tên            | Số lượng sở hữu   | Tỷ lệ        |
|-------------|-------------------|-------------------|--------------|
| 1           | Trần Đình Long    | 50.960.000        | 26,0%        |
| 2           | Trần Tuấn Dương   | 5.600.000         | 2,9%         |
| 3           | Chu Quang Vũ      | 252.000           | 0,1%         |
| 4           | Nguyễn Ngọc Quang | 4.200.000         | 2,1%         |
| 5           | Nguyễn Mạnh Tuấn  | 5.600.000         | 2,9%         |
| 6           | Doãn Gia Cường    | 4.200.000         | 2,1%         |
| <b>Tổng</b> |                   | <b>70.812.000</b> | <b>36,1%</b> |

## DANH SÁCH CỔ ĐÔNG SỞ HỮU TRÊN 5%

| STT         | Họ tên                               | Số lượng sở hữu   | Tỷ lệ        |
|-------------|--------------------------------------|-------------------|--------------|
| 1           | Trần Đình Long                       | 50.960.000        | 26,0%        |
| 2           | Vũ Thị Hiền                          | 15.401.400        | 7,8%         |
| 3           | VOF Investment Ltd                   | 11.917.100        | 6,1%         |
| 4           | BI Private Equity New Markets II K/S | 10.248.000        | 5,2%         |
| <b>Tổng</b> |                                      | <b>88.526.500</b> | <b>45,1%</b> |



**HOA PHAT GROUP**  
Website: [www.hoaphat.com.vn](http://www.hoaphat.com.vn)